

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	3
MỞ ĐẦU.....	4
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT, ĐỊA BÀN VÀ NHÓM TỘC NGƯỜI NGHIÊN CỨU	9
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	9
1.2. Cơ sở lý thuyết.....	11
1.2.1. Một số khái niệm cơ bản.....	11
1.2.2. Cơ sở lý thuyết	15
1.3. Địa bàn nghiên cứu	16
1.4. Nhóm tộc người nghiên cứu	22
Tiểu kết chương 1	38
Chương 2: TẬP TỤC TRONG TANG MA CỦA NGƯỜI MƯỜNG KỲ LÃO, XÃ KỲ PHÚ, HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH.....	39
2.1. Quan niệm của người Mường Kỳ Lão liên quan đến tang ma	39
2.1.1. Quan niệm về vũ trụ.....	39
2.1.2. Quan niệm về cõi sống, cõi chết, hồn và vía	42
2.2. Các nghi thức chủ yếu trong tang ma	43
2.2.1. Lễ rửa mặt và mặc quần áo cho người chết	44
2.2.2. Khâm liệm.....	47
2.2.3. Lễ giỗ phục hồn (cho hồn ăn cơm)	48
2.2.4. Lễ giỗ thê bữa tối (lễ cúng báo hiếu cha mẹ).....	49
2.2.5. Lễ mo	52
2.2.6. Lễ đưa ma và chôn cất	54
2.2.7. Các nghi thức sau khi chôn cất	58
2.3. Các nghi thức tang ma đối với người chết không bình thường	61
2.4. So sánh tang ma của người Mường Kỳ Lão với các nhóm Mường khác tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	62

2.4.1. Sự tương đồng.....	62
2.4.2. Sự khác biệt.....	63
Tiểu kết chương 2.....	71
Chương 3: GIÁ TRỊ VĂN HÓA TANG MA CỦA NGƯỜI MƯỜNG KỲ LÃO	73
3.1. Những giá trị cơ bản trong tang ma của người Mường Kỳ Lão xã Kỳ Phú.....	73
3.1.1. Giá trị về đạo đức, nhân văn	73
3.1.2. Giá trị phản ánh lịch sử tộc người.....	74
3.1.3. Giá trị cố kết cộng đồng.....	76
3.1.4. Giá trị nghệ thuật.....	79
3.1.5. Giá trị phản ánh quan niệm, triết lý tộc người về vị trí, ý nghĩa của cá thể, thành viên trong đời sống	80
3.2. Sự biến đổi trong tang ma truyền thống của người Mường Kỳ Lão xã Kỳ Phú hiện nay	81
3.2.1. Biến đổi về nhận thức	82
3.2.2. Biến đổi về các tập tục tang ma	83
3.3. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tang ma của của người Mường Kỳ Lão xã Kỳ Phú.....	88
3.3.1. Bảo tồn	88
3.3.2. Phát huy trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và xây dựng nông thôn mới	93
Tiểu kết chương 3.....	97
KẾT LUẬN	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	102
PHỤ LỤC.....	105

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CT / TW	: Chỉ thị / Trung ương
NXB	: Nhà xuất bản
QĐ	: Quyết định
Tr	: Trang
UBND	: Ủy ban nhân dân
VHTT	: Văn hóa thông tin

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tang ma là một nghi lễ vô cùng quan trọng trong đời sống văn hóa tâm linh của mỗi tộc người. Đây là nghi lễ kết thúc chu kỳ đời người để đi vào thế giới vĩnh hằng, biểu hiện sâu sắc đạo hiếu, đạo nghĩa của người sống dành cho người chết, người sống với người sống và giữa con người với thiên nhiên theo quy luật sinh tử của tạo hóa. Thông qua tang ma, những quan niệm về vũ trụ luận, nhân sinh quan, thế giới quan, những ý nguyện tâm linh và các quy tắc ứng xử gia đình, cộng đồng được biểu hiện rõ nét hơn bao giờ hết, nó chi phối đời sống xã hội tộc người một cách lâu dài, bền bỉ, thậm chí trở thành những ràng buộc xã hội, tạo nên sức cố kết bền chặt của cộng đồng. Bên cạnh đó, tang ma còn là một trong những nghi lễ bảo lưu “đậm đặc” các giá trị văn hóa truyền thống tộc người, ít bị tác động và biến đổi hơn so với các giá trị văn hóa vật thể khác như nhà ở, trang phục, ẩm thực... của từng tộc người.

Huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình là địa bàn cư trú của bộ phận người Mường di cư từ các vùng khác tới như Thanh Hóa, Nghệ An, Hòa Bình. Do di cư từ các vùng khác nhau đến nên người Mường ở đây sinh sống rải rác thành các nhóm nhỏ như:

- Người *Mường Vang* di cư từ Hòa Bình xuống tập trung ở các xã Thạch Bình, Xích Thổ, Yên Quang.

- Người *Mường “Rậm”* di cư từ “Mường trong” (Thanh Hóa) ra cư trú ở các xã có rừng rú rậm rạp như Cúc Phương, Văn Phương. Người *Mường Bơ* cũng di cư từ Thanh Hóa ra cư trú xen lẫn với người Kinh ở các xã như Quảng Lạc, Thạch Bình.

- Riêng người *Mường Kỳ Lão* di cư từ Nghệ An và Thanh Hóa ra vốn chỉ sinh sống ở một số bản cổ thuộc xã Kỳ Phú (một trong hai xã tập trung đông người Mường của huyện Nho Quan).

Đặc biệt, trong số các nhóm người Mường sinh sống tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình có nhóm người Mường Kỳ Lão vốn cư trú tập trung ở 3 bản thuộc xã Kỳ Phú (Bản Cả, Bản Ao, Bản Sau) *có tiếng nói và phong tục tập quán khác biệt so với các nhóm còn lại tại địa phương*. Trong đó, phong tục tang ma của người Mường Kỳ Lão vừa bảo lưu rõ nét bản sắc văn hóa truyền thống tộc người, vừa thể hiện rõ nét nhất sự khác biệt với phong tục tang ma của các nhóm Mường khác tại địa phương. Do đó, việc nghiên cứu tang ma của nhóm người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú sẽ có ý nghĩa, vai trò quan trọng trong nhận diện văn hóa của nhóm người Mường ở Ninh Bình nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Hiện nay, vấn đề giao lưu tiếp biến văn hóa đang diễn ra hết sức mạnh mẽ, quá trình công nghiệp hóa, sự biến đổi nhanh chóng môi trường nơi cư trú và sự tác động của thông tin truyền thông đã làm thay đổi mọi mặt đời sống văn hóa của các dân tộc Việt Nam nói chung và người Mường ở Ninh Bình nói riêng. Trong xu thế đó, tập tục tang ma truyền thống của người Mường Kỳ Lão cũng bị tác động và biến đổi sâu sắc.

Từ trước tới nay, trong số các nghiên cứu về người Mường đã được công bố, *chưa có một công trình nào cụ thể nghiên cứu tang ma truyền thống của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình*. Vì vậy việc nghiên cứu tập tục tang ma truyền thống của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình có ý nghĩa và giá trị khoa học. Đề tài nghiên cứu góp phần cung cấp thêm nguồn tư liệu về phong tục tang ma của người Mường Kỳ Lão xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, qua đó thấy được *sắc thái của địa phương*, góp phần nhận diện đầy đủ hơn về phong tục tang ma của người Mường nói chung và người Mường Kỳ Lão ở Kỳ Phú nói riêng. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho việc định hướng các chính sách văn hóa -

xã hội, giáo dục giúp cho địa phương lưu giữ, bảo tồn các nghi lễ mang yếu tố tích cực và lược bỏ những tập tục, nghi lễ lạc hậu, phiền phức trong tang ma phù hợp với chủ trương xây dựng đời sống văn hóa mới, xây dựng nông thôn mới ở địa phương hiện nay.

Từ nhận thức trên, tác giả lựa chọn đề tài ***“Tang ma của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình”*** làm Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Văn hóa học của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nhận diện về tang ma truyền thống và sự biến đổi trong tập tục tang ma của người Mường Kỳ Lão, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, cung cấp nguồn tài liệu mới, từ đó rút ra các giá trị văn hóa trong tang ma, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nhân văn trong xây dựng đời sống văn hoá mới ở địa phương hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là phong tục tang ma truyền thống của người Mường Kỳ Lão, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình với các quan niệm về cuộc sống, cái chết; tập tục trong tang ma, sự biến đổi, các giá trị văn hóa của tang ma truyền thống và phát huy giá trị trong cuộc sống hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Tang ma của một tộc người hay nhóm tộc người là một hiện tượng văn hóa xã hội, tâm linh phức hợp gồm nhiều vấn đề liên quan. Trong khuôn khổ của Luận văn, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu quan niệm, các tập tục, sự biến đổi và giá trị trong tang ma của người Mường Kỳ Lão.

- Về thời gian: Nghiên cứu từ năm 1986 đến nay.
- Về không gian: Nghiên cứu chủ yếu tại 3 bản: *bản Cả, bản Ao và bản Sau* thuộc xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; các phương pháp nghiên cứu Dân tộc học, Nhân học văn hóa; quan điểm của Đảng và Nhà nước để nhận diện, xem xét, đánh giá đối tượng nghiên cứu. Tang ma của người Mường Kỳ Lão nơi đây đã tồn tại và phát triển đến ngày nay là kết quả của quá trình phát triển nội tại, vận động, biến đổi và thích ứng trong môi trường tự nhiên và xã hội của tộc người.

Phương pháp nghiên cứu chủ đạo của luận văn này là Điền dã dân tộc học với nhóm các kỹ thuật: quan sát tham dự, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, trao đổi, tọa đàm, ghi chép trực tiếp, chụp ảnh, đo vẽ kỹ thuật... Ngoài ra chúng tôi còn sử dụng phương pháp kế thừa, tổng hợp, hệ thống, phân tích, so sánh đối chiếu các nghi lễ của người Mường Kỳ Lão với một số nhóm Mường khác tại Ninh Bình để tìm ra đặc trưng văn hóa tiêu biểu trong tang ma.

5. Đóng góp của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống, đầu tiên về tang ma của người của nhóm người Mường Kỳ Lão, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Luận văn bước đầu cung cấp tư liệu và rút ra những giá trị văn hóa của tang ma, đề xuất một số ý kiến về việc kế thừa và phát huy các yếu tố tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của các nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão trong xây dựng nếp sống mới ở cơ sở hiện nay.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục, Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý thuyết, địa bàn và nhóm tộc người nghiên cứu

Chương 2: Tập tục trong tang ma của người Mường Kỳ Lão
Chương 3: Giá trị văn hóa tang ma của người Mường Kỳ Lão

Chương 3: Giá trị văn hóa tang ma của người Mường Kỳ Lão

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT, ĐỊA BÀN VÀ NHÓM TỘC NGƯỜI NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Mường là một trong những dân tộc có văn hóa độc đáo và đa dạng, vì vậy đã có rất nhiều nghiên cứu về người Mường được công bố từ trước cho đến nay. Trong công trình *“Người Mường với văn hóa cổ truyền Mường Bi”* của nhóm tác giả Từ Chi, Lâm Bá Nam..., là một trong những công trình tiêu biểu tập hợp nhiều bài nghiên cứu về người Mường. Trong công trình này, các tác giả đã cho thấy được đời sống cũng như văn hóa độc đáo và đa dạng của người Mường ở Mường Bi, cái nôi của văn hóa Mường. Nghi lễ tang ma của người Mường cũng được đề cập nhưng mới chỉ mô tả khái quát một số nghi thức chính trong một đám tang truyền thống của người người Mường Bi, tỉnh Hòa Bình.

Trong cuốn *“Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người”* của tác giả Nguyễn Từ Chi, nhà xuất bản Văn hóa dân tộc (2003) đã đề cập đến văn hóa dân tộc Mường từ cõi sống đến cõi chết với những quan niệm về hồn, vía, về các thế giới của người sống và người chết.

Viện dân tộc học, năm 1978, xuất bản cuốn *“Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)”*, Nxb Khoa học và Xã hội Hà Nội. Đây là tác phẩm nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, lịch sử tộc người, đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ của các dân tộc ít người ở phía Bắc Việt Nam, trong đó cũng đã nói khái quát về dân tộc Mường.

Tác giả người Pháp Jeanne Cuisinier có nhiều năm nghiên cứu về văn hóa Mường ở Việt Nam, trong tác phẩm *“Người Mường: Địa lý nhân văn và xã hội học”* Nxb Lao động (1995) với 861 trang đã giới thiệu chi tiết về lịch sử, nơi cư trú, phong tục tập quán ... của dân tộc Mường ở Việt Nam.

Cuốn sách ảnh “*Người Mường ở Việt Nam – Les Muong au Vietnam*” do Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc (1999) là cuốn sách ảnh vô cùng công phu về người Mường ở Việt Nam với các nét đặc trưng về lối sống, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa của họ. Nhận định khoa học dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa và tham khảo công trình của Nguyễn Từ Chi và Jeanne Cuisinier. Các bức ảnh đều mang tính minh họa cao, được sắp xếp một cách logic theo quan điểm tiếp cận liên ngành, đa ngành.

Tác giả Vương Anh, trong tác phẩm “*Tiếp cận với văn hóa bản Mường*” Nxb Văn hóa dân tộc (2001) đã cho thấy một cái nhìn khái quát về văn hóa dân tộc Mường xứ Thanh từ trang phục đến tục cưới hỏi, tang ma, hội mừng, hội bản. Trong tác phẩm này tác giả cũng đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy vốn văn hóa truyền thống để đổi mới các loại hình hoạt động văn hóa ở bản Mường.

Nghiên cứu về cộng đồng và nghi lễ tang ma người Mường, cũng cần kể đến những công trình như:

Tác phẩm “*Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình*”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội (2013) của tác giả Nguyễn Thị Song Hà, đã cho thấy một bức tranh toàn cảnh có hệ thống và toàn diện về nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình, từ đó làm rõ những đặc điểm chung và sắc thái địa phương của nó trong xã hội truyền thống; bước đầu so sánh và làm rõ những đặc điểm tương đồng và khác biệt trong nghi lễ chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình với người Mường ở các tỉnh thành khác; làm rõ sự biến đổi của nghi lễ từ truyền thống đến hiện đại đồng thời chỉ ra những nguyên nhân của sự biến đổi; từ kết quả nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị trong nghi lễ chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập hiện nay.

Luận văn thạc sĩ Văn hóa học (2007), Trường đại học Văn hóa Hà Nội, của tác giả Trần Minh Hương : *“Nghĩ lễ tang ma cổ truyền của người Mường ở Mường Động Tỉnh Hòa Bình”*, đã đi tìm hiểu các nghi lễ đám tang truyền thống, từ đó nhận diện và nắm bắt đầy đủ những biểu hiện văn hóa vật thể và phi vật thể trong tang ma của người Mường Động ở Hòa Bình.

Riêng ở Ninh Bình cũng đã có một số công trình nghiên cứu về người Mường như sau:

Trong cuốn *“Địa chí văn hoá dân gian Ninh Bình”* của tác giả Trương Đình Tường , Nxb Thế giới (2004), thể hiện một số nét khái quát về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người Mường ở Ninh Bình. Tuy nhiên, tác giả chưa đi sâu vào nghiên cứu phong tục tang ma của người Mường ở Ninh Bình nói chung.

Gần đây đã có rất nhiều bài viết trên các báo, tạp chí, hay trên các trang web điện tử của Ninh Bình giới thiệu một cách khái quát về đời sống vật chất, đời sống tinh thần của người Mường ở Ninh Bình.

Như vậy, có thể thấy trong số tất cả các công trình nghiên cứu trên chưa có một công trình nào đi sâu vào nghiên cứu một cách có hệ thống về phong tục tang ma của người Mường Kỳ Lão, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

1.2. Cơ sở lý thuyết

1.2.1. Một số khái niệm cơ bản

- Tang ma

Người Mường Kỳ Lão quan niệm rằng con người có hai phần linh hồn và thể xác. Người sống có đủ hai phần: linh hồn và thể xác; người chết: linh hồn đã lìa khỏi thể xác. Linh hồn quyết định sự sống của con người, người chết, các hồn đều biến thành ma... Linh hồn tổ tiên luôn phù hộ con cháu, vì

thể mà xuất hiện tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và điều đầu tiên phải thực hiện là làm các nghi lễ tang ma cho người đã khuất.

Người Mường ở huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình quan niệm chết chưa phải là hết, linh hồn người chết biến thành ma tiếp tục sự sống ở thế giới khác vẫn hoạt động, sinh hoạt như lúc còn sống. Nếu không lo cho người chết mồ yên mả đẹp thì linh hồn người chết sẽ quấy nhiễu người sống, làm hại con cháu, gây ốm đau chết chóc. Do vậy, dù khó khăn mấy họ cũng phải làm lễ đưa linh hồn người chết về “an cư” ở thế giới bên kia theo đúng tập tục truyền thống của dân tộc.

Theo Tocarev S. A “*Ma chay* là khái niệm được dùng để biểu thị toàn bộ các nghi lễ tôn giáo có quan hệ với người chết và những tín ngưỡng gắn liền với nghi lễ đó” [24, tr 324]. Trong cuốn *Dân tộc học đại cương* [10, tr 186] Lê Sỹ Giáo, Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng các nhà khoa học dân tộc học Việt Nam đồng tình và nhắc lại khái niệm này. Đào Duy Anh trong cuốn: *Việt Nam văn hoá sử cương* cho rằng: *Tang lễ* là lễ đặt ra để tỏ lòng thương xót và kính thờ người chết [1, tr 123]. Hoàng Phê trong *Từ điển tiếng Việt* thì *Tang lễ* là các nghi lễ chôn người chết [19, tr 874].

Qua các khái niệm và nhận định trên, chúng ta có thể hiểu là: *Tang ma* là kết hợp giữa các tín ngưỡng dân gian, nghi lễ tôn giáo và các quy tắc, hành động ứng xử phản ánh tình cảm, đạo hiếu, đạo nghĩa giữa người sống với người sống, giữa người sống với người đã khuất.

- Tập tục trong tang ma

Tập tục trong tang ma: Là việc thực hiện các quy tắc, các bước trong quá trình làm ma của cộng đồng tộc người nó phản ánh những quan niệm, bản sắc riêng liên quan đến các nghi thức chôn cất, cúng bái, để tang, kiêng kỵ .. theo quan niệm tín ngưỡng của cộng đồng.

- *Làm ma*

Đây là cách nói khái quát quá trình thực hiện các lễ nghi chôn cất người chết [19, tr 536] của gia đình, dòng họ hay cộng đồng. Với quan niệm trên chúng ta có thể biểu đạt: *Làm ma là việc người sống (gia đình, dòng họ, cộng đồng) tiến hành các thủ tục, nghi thức chôn cất người chết theo tập tục truyền thống của tộc người với những bản sắc riêng được lưu truyền từ đời này sang đời khác.*

- *Làm chay*

Theo tác giả Vũ Ngọc Khánh:

Lễ tục của người Việt, lễ chay là lễ cúng để giải oan, siêu thoát linh hồn, trừ trùng, cầu cho người sống khoẻ mạnh. Thường tổ chức 7 đêm cúng ở chùa, đàn tràng cúng phật Thập điện Diêm Vương, các thần linh. Lễ cúng trên chay dưới mặn. Làm chay cho người chết đuối, đàn tràng được thiết lập ngay ở bờ sông, bờ hồ. Chết phải giờ xấu chạm tuổi, có trùng tra khảo, dẫn về nhà bắt người thân thích, nên làm chay cúng lễ trừ trùng. Hoặc khi nhà làm ăn không thuận lợi (không mát) oan hồn quấy nhiễu trú ngụ tại nơi đất ở hoặc lân khuất ở cạnh ao, hồ, nhà có thể bắt trẻ sơ sinh làm đau yếu người lớn, phải làm chay để cúng [14, tr 274 - 275].

Người Mường Kỳ Lão *làm chay* cũng là một tập tục gồm những nghi lễ cúng thần linh, các đấng siêu nhiên liên quan đến quan niệm của con người về các hiện tượng tín ngưỡng, tâm linh nhằm giải trừ cái xấu cầu mong cái tốt lành trong đời sống gia đình, đến thân phận của người chết. Tóm lại đó là: *Lễ cúng thần linh, các đấng siêu nhiên liên quan đến quan niệm của con người về các hiện tượng tín ngưỡng, tâm linh nhằm giải trừ cái xấu cầu mong cái tốt lành trong đời sống gia đình, đến thân phận của người chết.*

- *Để tang*

Là người thân trong gia đình, dòng họ với quan hệ chung và quan hệ cụ thể của từng nhóm người tỏ lòng tiếc thương, tưởng nhớ đến người thân đã mất được biểu hiện thông qua trang phục và các dấu hiệu liên quan khác (cờ tang, cắm lá xanh trước cửa...). Chẳng hạn đối với người Kinh, khi trong nhà, trong họ có người chết, người ta phải để tang. Dấu hiệu để tang là đội khăn trắng, mặc quần áo trắng... để tỏ lòng thương tiếc người chết. Đại tang là tang cha, mẹ, phải đội mũ rơm, chít khăn trắng. Cha mẹ chết khăn quần đầu, bỏ hai múi ra sau lưng. Nếu một người chết, một người còn thì hai múi ấy phải một múi dài, một múi ngắn. Các tang khác chỉ vắn khăn, không bỏ múi. Việc để tang có chế độ rõ ràng, đại tang phải đội khăn trong 3 năm. Các tang khác tùy theo từ 1 tháng đến 1 năm. Cũng có người thân chết mà không phải đội khăn: chồng cô, vợ cậu, chồng dì.

Từ đó có những từ: tang phục, tang sự, tang gia, tang chủ, đám tang, để tang, bịt khăn tang, đeo băng tang, măn tang, xả tang, tổng tang, hộ tang.

- *Kiêng kỵ trong tang ma*

Theo quan niệm chung, “kiêng là tự ngăn cấm mình tránh không ăn, không dùng thức ăn nào đó vì có hại hoặc không làm những việc nào đó vì có hại hoặc cho là có hại cho sức khỏe. Ví dụ: Kiêng rượu, kiêng ra gió... Kiêng là tránh điều gì, cái gì, vì sợ có điều không hay, theo mê tín. Ví dụ: Tránh quét nhà ngày mùng một tết hoặc kiêng con số 13... ” [18, tr 522]. Kiêng là sự dè chừng, cảnh giác của mọi người trong cộng đồng đối với những sự vật hiện tượng diễn ra trong cuộc sống. Kiêng giúp người ta sống an toàn hơn nhờ những lời cảnh báo, khuyên nhủ của thế hệ tiền nhân. Kiêng kỵ là hiện tượng phổ biến trong đời sống văn hóa tâm linh các tộc người. Việc kiêng kỵ được người dân tuân thủ khá nghiêm với tinh thần tự giác. Mỗi cộng đồng đều có những bí mật kiêng kỵ riêng

không giống nhau. Như vậy, vấn đề kiêng kỵ, hèm húy cũng có những nét phổ quát và dị biệt khi đặt chúng trong bối cảnh nhất định.

Như vậy, *kiêng kỵ trong tang ma là sự nghiêm cấm, không được vi phạm những điều đã được quy định của một tộc người hoặc nhóm tộc người liên quan đến ăn mặc, sinh hoạt, cưới gả. . . theo tập tục truyền thống quy định.*

- Nghi lễ trong tang ma

Con người ta sinh ra, lớn lên, trưởng thành, già lão rồi qua đời là quy luật không thể tránh khỏi. Nếu như con người ta vui mừng bao nhiêu trước sự ra đời của con trẻ, thì lại đau khổ bấy nhiêu trước sự ra đi vĩnh viễn của người thân. Cứ một người trong gia đình qua đời người ta lại tổ chức làm ma để chia tay với người chết trong niềm tiếc thương vô hạn, vì cái chết là mốc cuối cùng của con người ở trần gian. Do vậy tang lễ là nghi lễ quan trọng trong chu kỳ đời người. Từ đó chúng ta có thể quan niệm:

Nghi lễ tang ma là quá trình thực hiện các nghi thức chôn cất người chết, là hoạt động nghi lễ tín ngưỡng, biểu đạt các quan niệm về thế giới quan, nhân sinh quan, về cõi sống, cõi chết mang tính triết lý sâu sắc, là sự thể hiện bằng hành động và tình cảm của người sống đối với người đã khuất. Nghi lễ tang ma chính là hệ thống các nghi lễ trong tiến trình tổ chức một đám ma và một đám chay.

1.2.2. Cơ sở lý thuyết

- *Lý thuyết chức năng (Functionalism theories):* Thuyết chức năng do B. Malinowski và Radcliffe-Brow làm đại diện. Thuyết này cho rằng bất cứ văn hóa nào trong tiến trình phát triển của nó đều có thể tạo ra một hệ thống cân bằng ổn định, trong đó mỗi bộ phận, chính thể đều thực hiện chức năng của nó. Thuyết này có ảnh hưởng lớn ở Anh trong những thập kỷ đầu thế kỷ XX (1920-1950) .

Thuyết chức năng có hai nhánh chính: 1) *Chức năng xã hội* (theo quan điểm của Radcliffe-Brow); 2) *Chức năng về tâm lý* (theo quan điểm của B. Malinowski): cho rằng trong môi trường bất trắc và kết quả càng bấp bênh, nhiều rủi ro, không an tâm thì con người càng cần đến tín ngưỡng, lễ nghi, thờ cúng, bùa chú, lễ hội... để trấn an.

- *Lý thuyết giao lưu tiếp biến văn hóa (acculturation)*: Ra đời cuối thế kỷ XIX, là lý thuyết để nhận diện quá trình tiếp xúc văn hóa của các cộng đồng người, qua tiếp xúc có sự chọn lọc và tiếp nhận những giá trị văn hóa của nhau. Sự tiếp nhận đó có vai trò như một động lực làm cho nhiều yếu tố trong văn hóa truyền thống được điều chỉnh, biến đổi cách tân thích hợp với hoàn cảnh, điều kiện mới.

Trường phái Nhân học Anglo Saxon đưa vào Mỹ cuối thế kỷ XIX, khái niệm về giao lưu và tiếp biến văn hóa nhằm chỉ sự tiếp xúc trực tiếp và lâu dài giữa hai nền văn hóa khác nhau và hậu quả là đưa đến sự thay đổi hay biến đổi của một số loại hình văn hóa của cả hai nền văn hóa đó. Đó là quá trình một nền văn hóa thích nghi, ảnh hưởng từ một nền văn hóa khác bằng cách vay mượn nhiều nét đặc trưng của nền văn hóa ấy. Giao lưu, tiếp biến văn hóa là một cơ chế khác của sự biến đổi văn hóa, đó là sự trao đổi những đặc tính văn hóa nảy sinh khi các cộng đồng tiếp xúc trực tiếp và liên tục...

Các lý thuyết trên là căn cứ khoa học cần thiết để nhận diện, quan sát sự vận động nội tại và tiếp xúc biến đổi của *Tang ma của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình* trong đời sống tộc người Mường và mối quan hệ với các yếu tố khác diễn ra ở địa phương.

1.3. Địa bàn nghiên cứu

- *Đặc điểm điều kiện tự nhiên*

Kỳ Phú là một xã vùng cao của huyện Nho Quan, chiều dài của xã là 20km, có diện tích đất tự nhiên là 4444,48 ha, 1350 hộ với 5715 nhân khẩu,

dân cư sống rải rác trên 13 bản gồm: Xanh, Xăm, Sau, Cả, Ao, Tân Phú, Mết, Ao Lươn, Đồng Chạo. Đồng bào dân tộc Mường có số dân là 3.762 người chiếm tới 70% dân số trong toàn xã. Nhân dân chủ yếu làm nông nghiệp nhưng sản xuất nông nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên, nắng thì hạn, mưa thì úng đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn [27].

Xã Kỳ Phú có địa hình tương đối phức tạp, địa hình chủ yếu là đồi núi, chỉ có ít diện tích là đồng bằng nên rất khó khăn cho việc phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân trong toàn xã; người Mường ở đây định cư từ rất lâu và giáp khu vực Mường lớn nhất của cả nước là Hòa Bình và Thanh Hóa nên nền văn hóa Mường xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình là hết sức phong phú và đa dạng, mang đặc trưng của văn hóa Mường từ địa bàn cư trú, trang phục, nhà ở, văn hóa truyền thống. Địa hình xã Kỳ Phú chủ yếu là đồi núi và thung lũng sâu kết hợp với các dãy núi đá vôi kéo dài từ Bắc xuống Nam vì vậy làm cho điều kiện sống của bà con nơi đây càng khó khăn.

Phía Bắc giáp với xã Cúc Phương và xã Văn Phương. Phía Tây giáp với huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Phía Nam giáp xã Phú Long. Phía Đông Nam giáp xã Văn Phú và Phú Lộc [xem PL2, tr.107].

Kỳ Phú nằm trong khu vực tiếp giáp vùng núi đá giữa Ninh Bình - Thanh Hóa, địa hình được chia cắt bởi hệ thống núi đá, xen các dãy đồi liên tiếp nhau theo hướng Bắc - Nam, hình thành các thung lũng, địa hình có độ dốc nghiêng dần từ tây sang đông, đặc điểm này gây không ít khó khăn cho sản xuất nông nghiệp và phát triển giao thông thủy lợi.

Đất đai trong xã chủ yếu là đất bạc màu, đất đá vôi do quá trình bị rửa trôi và độ dốc lớn nên việc canh tác của đồng bào là hết sức khó khăn. Cũng bởi địa hình chủ yếu là đồi núi thấp nên việc canh tác lúa nước và trồng trọt đảm bảo phục vụ về lương thực cho bữa ăn hàng ngày là vô cùng cấp thiết.

Đất nông nghiệp trong xã hàng năm chỉ trồng được một vụ cho năng suất rất thấp không mang lại hiệu quả cao thì nay đã có sự thay đổi hoàn toàn.

Là xã vùng cao, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, thời tiết khí hậu nơi đây với 4 mùa rõ rệt, mùa hè nắng nóng và mưa nhiều, mùa đông lạnh và ít mưa, nhiệt độ trung bình 23°C , nhiệt độ cao nhất có khi lên tới là $39 - 40^{\circ}\text{C}$, thấp nhất là $7-8^{\circ}\text{C}$, lượng mưa trung bình hàng năm 1500 -1700 mm, phân bố không đồng đều giữa các tháng trong năm, tập trung chủ yếu vào các tháng 5, 6, 7, 8, ít mưa nhất vào tháng 11, 12. Hàng năm, cứ mỗi mùa mưa về hàng trăm mẫu ruộng ở các bản Xanh, Sạng, Vóng, Thường Sung, Kỳ Lão lại bị lũ úng, lũ quét tàn phá nặng nề, mất trắng chỉ sau 5 - 7 tiếng đồng hồ và khi mùa đông đến mang theo khí hậu khô hạn, hanh heo, bà con ở các bản Mét, Ao Lươn và một số bản khác phải xếp hàng gánh nước đêm để phục vụ sinh hoạt. Nhưng trái lại, xã lại có nguồn nước ngầm hết sức phong phú tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt hàng ngày và tưới tiêu cho những nơi cần thiết. Đặc biệt, nhờ có nguồn nước khoáng ngầm, trên địa bàn xã Kỳ Phú có suối nước khoáng Cúc Phương đã được đầu tư khai thác. Nước khoáng Cúc Phương được khai thác từ nguồn khoáng nóng trên 35°C độ sâu trên 100m có tên khoa học là Bicarbonat Magiê tại vùng đệm rừng nguyên sinh Cúc Phương. Được đóng chai trực tiếp tại nguồn, trên đây truyền thiết bị hiện đại của hãng B. C Macri Vitoreo – Italia. Đây là sản phẩm được chiết xuất từ nguồn khoáng chất lượng cao, môi trường thiên nhiên hoang sơ, không bị ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật và chất thải công nghiệp, sinh hoạt.

Với điều kiện địa hình đa dạng, nhiều thung lũng, đồi núi, song thiên nhiên đã ban tặng cho Kỳ Phú một cảnh quan kỳ thú gồm nhiều hồ nước lớn: hồ Đồng Chương, hồ Thường Sung, hồ Kỳ Lão, hồ Mét, hồ Ao Lươn tạo thành quần thể du lịch sinh thái đang được khai thác và phát triển đồng thời

các hồ này còn là nguồn cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ sản xuất và là nơi nuôi trồng thủy sản của bà con địa phương.

Xã Kỳ Phú có diện tích đá vôi là 243,9 ha, một trong những nguyên liệu quan trọng để làm xi măng nhưng hiện vẫn chưa được khai thác; tài nguyên rừng chủ yếu là rừng trồng, rừng tái sinh chiếm rất ít, diện tích rừng che phủ chiếm 50 – 55% diện tích toàn xã. Tuy nhiên, do bà con thường xuyên khai thác củi về đun, chặt phá làm nương rẫy nên diện tích rừng giảm đi đáng kể [27]. Sau nhiều năm kiên trì giáo dục ý thức bảo vệ và phát triển rừng, đến nay bà con đã ý thức được tầm quan trọng và trách nhiệm trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng có 580 ha rừng tái sinh đã được xanh tốt trở lại, có 151 ha rừng phòng hộ được chuyển sang rừng sản xuất, ý thức người dân đã được thay đổi nhiều từ khai thác chặt phá nay đã đi mua cây giống về trồng ở vườn nhà, vườn đồi với nhiều diện tích phát triển xanh tốt [27].

- Đặc điểm kinh tế-xã hội

Hiện nay, dân số xã Kỳ Phú có 1350 hộ với 5715 khẩu chủ yếu là dân tộc Kinh chiếm 30% (1943 nhân khẩu) và dân tộc Mường chiếm 70% (3762 nhân khẩu), sống tập trung thành quần thể thôn bản nằm sâu trong vùng rừng núi nơi có suối và nước. Cả xã Kỳ Phú có 13 bản: Xanh, Xăm, Phùng Thượng, Sạng, Vóng, Thường Xung, Đồng Chạo, Ao Lươn, Mét, Ao, Sau, Cả, Tân Phú. Trong đó, có tới 10 bản chủ yếu là đồng bào dân tộc Mường. Người Mường ở xã Kỳ Phú cũng chia làm hai nhóm chính: một nhóm là Mường Bi di cư từ Hòa Bình sang, nhóm còn lại là Mường Kỳ Lão di cư từ các nơi khác nhau đến như Huế, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An. Hai nhóm người Mường này có tiếng nói và phong tục tập quán tương đối khác biệt nhau [27].

Mặc dù, có sự khác nhau về ngôn ngữ, phong tục, tập quán nhưng từ rất sớm các nhóm tộc người này đã hoà quyện vào nhau tạo thành một khối thống

nhất, qua những bút tích, sắc phong, thần phả còn giữ ở thôn bản, những câu chuyện còn ghi lại trong lòng người, được truyền lại đời này qua đời khác, nói lên vùng đất này từ xa xưa con người đã biết đoàn kết, cuu mang, giúp đỡ nhau để chống chọi với thiên tai dịch họa, muông thú bảo vệ cuộc sống.

Do điều kiện là địa hình đồi, núi thấp mà người Mường ở Kỳ Phú ít trồng lúa nước, một năm họ chỉ trồng một vụ lúa hè thu, chủ yếu làm nương rẫy. Ngoài các cây trồng quen thuộc, phổ biến vẫn là cây lương thực: ngô, khoai, sắn..., đến nay người Mường ở Kỳ Phú đã trồng thêm cây mía và một số cây công nghiệp cho thu nhập cao. Hiện nay, đã có một công ty mía đường đặt ở huyện Thạch Thành, Thanh Hóa, do có điều kiện đất đồi tốt, nên người dân chuyển sang trồng mía là chủ yếu, thu nhập từ cây mía mang lại cho người dân khá ổn định, mà công việc cũng không vất vả như trồng lúa nước.

Vườn ở đây trồng đủ các loại cây như: cau, mít, bưởi, chuối, khế, chanh, tre, bương, chuối, bưởi (trám)... Có thể nói, ngoài các hình thức lao động kiếm sống phụ khác, mảnh vườn trở nên gắn bó mật thiết với đồng bào như một phần cuộc sống. Với người Mường Kỳ Lão hầu như nhà nào cũng có mảnh vườn để trồng cây quanh nhà, mỗi thứ một ít để phục vụ cho nhu cầu gia đình theo kiểu mùa nào thức ấy, ngày nay những cây trồng trong vườn dần được đồng bào lưu ý đến giá trị kinh tế. Họ trồng các cây cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao như nhãn, vải, chanh, thanh long, dưa, quýt, bưởi... để bán ra thị trường. Tổng diện tích gieo trồng ổn định ở mức 1095 ha. Trong đó cây Lúa 260 ha, cây Lạc 100 ha, cây Dưa 30 ha, cây Mía 245 ha, cây Ngô 340 ha, cây Sắn 250 ha. Sản lượng hàng năm tăng, năm 2005 là 2.182,4 tấn, đến năm 2013 là 3.378,19 tấn. Bước đầu đã hình thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa: Dưa, Lạc và Lúa mùa ở bản Xanh, Xăm, Phùng Thượng, Vóng, Sạng, Thường Xung, Sau, Cả, Ao. Khu vực bản Tân Phú, Mét, Ao Lươn,

Đồng Chạo tập trung trồng cây công nghiệp và trồng vườn đồi cho thu hoạch khá cao và ổn định [27].

Người Mường ở Kỳ Phú chăn nuôi gia súc, gia cầm là chủ yếu như nuôi trâu, bò để lấy sức kéo và tận dụng phân bón để trồng trọt. Trước đây, người Mường chủ yếu ở nhà sàn, trâu bò được nhốt dưới gầm sàn nhưng hiện nay vì ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống nên người dân đã làm riêng chuồng trại cho gia súc và gia cầm cách xa nhà ở và khu vực sinh hoạt. Gia cầm chủ yếu là gà, trước hết là phục vụ cúng lễ tổ tiên và các thần linh; ngoài ra đây còn là lễ vật chính trong lễ cưới của người Mường. Đặc biệt, hiện nay nghề nuôi lợn Mường ở Kỳ Phú khá phát triển, mang lại thu nhập tương đối cao. Xã gần với khu du lịch vườn quốc gia Cúc Phương nên việc nuôi lợn đen hay còn gọi là “lợn cắp nách” làm món lợn thui, một đặc sản rất hấp dẫn với khách du lịch.

Hiện nay, cộng đồng người Mường nơi đây còn nuôi nhiều loại con có giá trị kinh tế cao để làm tăng thu nhập cho gia đình như nuôi hươu để lấy nhung (531 con), nuôi nhím (145 con), nuôi dê (1579 con), bò câu... Đó là do áp dụng các phương thức khoa học kỹ thuật vào trong chăn nuôi nên nghề chăn nuôi ở xã Kỳ Phú rất phát triển, góp phần làm thay đổi diện mạo đời sống của người dân trong xã [27].

Hệ thống giao thông đường bộ về tới xã tương đối thuận tiện, thuận lợi cho giao lưu văn hóa, đặc biệt đó là tuyến đường du lịch từ thành phố Ninh Bình đi Tràng An, Bái Đính, Phú Lộc, Kỳ Phú đi Cúc Phương, là con đường liên thôn, liên xã đã được bê tông hóa, tạo điều kiện rất lớn cho nhân dân trong xã đi lại, thông thương và phát triển kinh tế.

Với điều kiện đất đai, rừng núi đa dạng, phong phú là yếu tố thuận lợi để Kỳ Phú phát triển kinh tế toàn diện, tuy nhiên thời tiết khí hậu nơi đây

cũng khá thất thường, nắng hạn, úng lụt, sâu bệnh... đến nay vẫn còn là một nỗi lo của đồng bào các dân tộc trong xã, là thử thách lớn lao đối với Đảng bộ và nhân dân trong xã.

1.4. Nhóm tộc người nghiên cứu

Ninh Bình có số dân vào loại trung bình của cả nước, năm 2013 là 927.000 người, riêng huyện Nho Quan là 158.322 người, gồm hai dân tộc chính người Kinh và người Mường, trong đó người Mường có 31.800 chiếm tới gần 20% dân số toàn huyện, họ sống tập trung ở các xã Cúc Phương, Kỳ Phú, Phú Long và sống rải rác, xen kẽ ở 6 xã (Quảng Lạc, Văn Phương, Yên Quang, Xích Thổ, Thạch Bình, Gia Sơn). Trên địa bàn rộng lớn của ba tỉnh: Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, có “Mường Ngoài” (ở Hòa Bình), “Mường Trong” (ở Thanh Hóa), “Mường Giữa” (ở Ninh Bình). Theo một số nhà nghiên cứu, người Mường ở Ninh Bình có 4 nhóm địa phương chính:

- Người “*Mường Vang*” ở các xã Thạch Bình, Xích Thổ, Yên Quang, xưa kia họ di cư từ Hòa Bình xuống.

- Người “*Mường Rậm*” di cư từ Thanh Hóa ra, người Mường Rậm thường cư trú nơi rừng rú (Cúc Phương, Văn Phương).

- Người “*Mường Bơ*” di cư từ Thanh Hóa ra, cư trú ở những xóm, bản trại riêng nhưng đã giao lưu với người Kinh từ lâu đời và có khá đông đồng bào Công giáo như ở Quảng Lạc, Thạch Bình.

- Người “*Mường Kỳ Lão*”, di cư từ Hòa Bình tới, từ Huế, Thanh Hóa và Nghệ An ra, vốn chỉ sinh sống trong một vài bản cổ thuộc xã Kỳ Phú, có tiếng và giọng nói khác biệt hẳn so với các nhóm Mường ở quanh vùng.

Ngoài ra, còn có một bộ phận nhỏ người “*Mường Bi*” di cư từ Hòa Bình tới và chủ yếu tập chung ở hai xã Cúc Phương và Kỳ Phú. Đây cũng chính là nhóm người Mường chiếm đa số trong xã Kỳ Phú [26].

Xã Kỳ Phú là một xã vùng cao với 70% dân số là người Mường, chia thành 2 nhóm nhỏ *Mường Bi* và *Mường Kỳ Lão*. Riêng người Mường Kỳ Lão là nhóm người sống tập trung tại duy nhất 3 bản của xã Kỳ Phú là bản Cả, bản Ao và bản Sau. Họ có những sắc thái văn hóa như tiếng nói, sinh hoạt văn hóa tinh thần cũng như phong tục tập quán khác biệt hơn so với nhóm người Mường Bi ở xã Kỳ Phú nói riêng và người Mường ở huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình nói chung.

Về *nguồn gốc lịch sử* của người Mường Kỳ Lão vẫn còn có nhiều quan điểm khác nhau. Theo một số cụ cao niên trong làng kể lại rằng: “*Người Mường Kỳ Lão ở ba bản Cả, Ao, Sau vốn là con cháu của 7 dòng họ khác nhau từ các nơi tới sinh sống ở Kỳ Phú cho tới nay được khoảng 600 - 700 năm. Các dòng họ này bao gồm: Quách, Đinh, Nguyễn, Bùi, Lê, Phạm, Hoàng. Tuy nhiên, dưới thời Pháp thuộc, do chính sách thu thuế theo dòng họ rất cao nên tất cả các họ trong Nác (làng) Kỳ Lão đã thống nhất đổi sang cùng một dòng họ là họ Đinh như ngày nay*”.

Đó cũng chính là lý do tại sao hiện nay tất cả người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú đều mang họ Đinh, tuy nhiên ở mỗi dòng họ các cụ cao niên vẫn truyền lại cho con cháu nhớ được cội nguồn xa xưa của dòng họ mình là từ Hòa Bình sang, từ Nghệ An – Thanh Hóa tới và thậm chí là cả từ Huế ra nữa. Chẳng hạn, theo lời kể của cụ Đinh Văn Thiện (79 tuổi, thầy mo bản Ao, xã Kỳ Phú) : “*Các cụ dòng họ Quách và họ Bùi chúng tôi cùng kể lại rằng ông tổ của chúng tôi là Quách Vi Công trong một lần đi săn trong rừng xa đã lạc vào một vùng có rừng rậm nhiều muông thú, đất đai bằng phẳng, cây cối xanh tốt, lại gần nguồn nước rất thuận lợi để trồng lúa, ngô nên đã quay về rủ hai người bạn đi săn của mình là Bùi Văn Vang và Bùi Văn Vênh đến vùng đất mới an cư lập nghiệp. Trong chuyến đi săn đó ba ông đã mang theo một con chó và khi đến được vùng đất này họ đã phải ở lại đây rất lâu bởi con*

chó đến ngày đẻ con không thể về ngay. Thấy được những thuận lợi cho cuộc sống mưu sinh các ông đã quay về Dốc Ngổ (một địa danh ở Hòa Bình) nay là khu vực của người Mường Bi ở Hòa Bình để đón gia đình, anh em, họ hàng tới lập bản sinh sống tại Xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan. Ngày nay, người Mường Kỳ Lão đã suy tôn ba vị trên làm “Quan cầm Mường” (người đầu tiên về cầm đất Mường, lập đền thờ ở cả ba bản).

Theo lời kể của cụ Đinh Văn Nều (79 tuổi, thầy mo bản Sau, xã Kỳ Phú): “Các cụ họ Nguyễn cũng truyền lại, vào năm đó cụ tổ dòng họ Nguyễn (còn gọi là dòng họ Nguyễn Bông Báo) do đi đánh trận thua trở về, lo sợ sự truy xuất của quân giặc ông đã đưa vợ con, người thân từ trong Huế ra ngoài Bắc đến khu vực quèn Thung Lâu (nay là quèn thung Lâu xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan) để an cư lập bản sinh sống. Khi đó, tại khu vực chân quèn Thung Lâu đã có 6 dòng họ người Mường vốn là con cháu của các cụ “Quan cầm Mường” từ Hòa Bình tới đang sinh sống. Vào một ngày nọ, bỗng nhiên có một ngôi sao từ trên trời xa xuống giữa làng của người Mường Kỳ Lão (ngày nay ở khu vực làng Kỳ Lão có khu ruộng mang tên “ruộng Sao Xa” tương truyền là nơi xưa kia ngôi sao đã xa xuống), ngôi sao chiếu sáng chói chang suốt 9 ngày 9 đêm rồi mà vẫn không tắt làm cho cả bản nóng như thiêu đốt, cả bản đã tập trung nhau lại lấp đất đá, phủ lá cây rừng để che khuất ánh sáng chói chang của ngôi sao nhưng vẫn không được. Họ liền mách nhau đi mời ông thầy mo Cun Ngà (tức cụ tổ dòng họ Nguyễn Bông Báo) tới giúp nhân dân trong bản dập tắt ngôi sao. Lạ thay, khi ông Cun Ngà tới gần ngôi sao, ông văng một cái hèo (cái gậy thần) tới chỗ ngôi sao thì nó liền vụt tắt ngay. Sau đó, người dân trong bản đã phá bằng quèn Thung Lâu lấy lối xuyên sang khu vực Đồng Thăng nơi mà ba bản Cả, Ao, Sau đang sinh sống hiện nay. Về phần ông Cun Ngà, sau khi đã cứu giúp dân bản dập tắt ngôi sao, cụ đã đưa vợ con tới sinh sống cùng với 6 dòng họ kia và lập nên làng

Kỳ Lão như ngày nay. Tương truyền ông Cun Ngà vốn là thầy mo rất giỏi, ông đã truyền dạy mo cho các đời con cháu của mình và tính đến nay đã có 12 đời con cháu của ông đã làm mo ở làng Kỳ Lão. Hơn nữa, trong làng Kỳ Lão chỉ có con cháu của dòng họ Nguyễn Bông Báo mới có thể làm mo được”. Hiện nay, ba bản người Mường Kỳ Lão chỉ còn lại có hai ông thầy mo (con cháu đời thứ 12 của dòng họ Nguyễn Bông Báo) chuyên lo việc cúng bái và làm mo - làm ma cho các gia đình trong 3 bản”.

Để tưởng nhớ đến công lao khai phá, lập làng của các vị tiền bối, người Mường Kỳ Lão đã lập đền thờ ba vị *Quách Vi Công, Bùi Văn Vang* và *Bùi Văn Vên* ở cả ba ngôi đền trong bản. Hàng năm cứ đến dịp tết *khai hạ* (mùng 7 tháng giêng âm lịch), tết *thượng xuân* (mùng 2 tháng 2 âm lịch) và tết *lên thu*, nhân dân ba làng lại tổ chức rước kiệu và tế lễ ở ba đền trên. Trước kia người Mường ở đây tự đặt tên cho nhóm của mình là “*Kỳ Lão*”, trong đó *kỳ* (kỳ cùng, mãi mãi), *lão* (sống lâu, thọ dai) và *Kỳ Lão* nghĩa là mong cho mọi người trong làng sống lâu và bản làng mãi mãi trường tồn.

Trước kia, người Mường Kỳ Lão cư trú thành làng với tên gọi là Nác (làng) Kỳ Lão, có khoảng trên 100 nóc nhà cùng chung sống quây quần bên nhau dưới chân những quả đồi thuộc ba bản trung tâm xã Kỳ Phú ngày nay. Hiện nay, làng Kỳ Lão được phân chia làm 3 bản: Cả, Ao, Sau, trong đó bản Cả gồm 103 hộ với 358 nhân khẩu (334 nhân khẩu là người Mường Kỳ Lão); bản Ao gồm 60 hộ với 200 khẩu (100% là người Mường Kỳ Lão); bản Sau gồm 136 hộ với 250 khẩu Mường Kỳ Lão [26].

Trước kia, bộ máy của làng vận hành theo chế độ tự quản, trong làng có một người đứng đầu là *Thầy làng* do dân bản bầu chọn. Đó là người có uy tín trong làng, có tiếng nói với dân bản, có kinh nghiệm, am hiểu các phong tục tập quán, biết cúng bái. Người này là người có quyền quyết định cao nhất những việc xảy ra trong làng, đứng ra giải quyết những mâu thuẫn trong làng

theo luật tục. Thầy Làng cũng là người có quyền điều hành, điều tiết mọi công việc chung trong làng từ việc tổ chức việc làng (lễ hội làng) đến việc đề ra những nội quy, tập tục hay lệ làng... Giúp việc cho Thầy làng còn có ông Trùm và hai ông Lệnh, trong đó ông Trùm là người thay mặt ông Thầy làng trực tiếp thực hiện các công việc trong làng, tổ chức đi thu tiền quyền góp của từng gia đình để làm việc làng, đặc biệt ông Trùm còn phải ra đình thắp hương 2 lần cho *Thượng thần* (ông Thần bảo hộ cho làng) tại đền của làng vào đầu và giữa hàng tháng. Cuối cùng là tới ba ông Cai có nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị an trong làng như đóng cổng ra vào làng (bất cứ ai muốn ra vào làng đều phải xin phép Cai làng), giám sát và trị tội những người vi phạm nội quy, tục lệ của làng, bảo vệ tài sản của các gia đình... Điều đặc biệt là nhiệm kỳ của mỗi ông Trùm là một năm, hết nhiệm kỳ làng sẽ tiến cử người khác và đương nhiên mỗi một xuất đình trong bản khi đến tuổi sẽ lần lượt được bầu làm ông Trùm. Trước kia, những người ốm đau bệnh tật hiểm nghèo hoặc đi tham gia kháng chiến sẽ được làng miễn nhiệm kỳ làm Trùm, còn hiện nay những người tham gia vào công tác xã hội hoặc vì lí do nào đó không thể làm Trùm được sẽ làm lễ khất Trùm bằng cách đóng tiền và chuẩn bị mâm cúng làm lễ báo cáo Thượng Thần ở đền, khao vọng dân làng.

Đặc điểm nổi bật của người Mường Kỳ Lão là tính cộng đồng cao, ý thức gia tộc, dân tộc rất rõ nét. Trước đây, người Mường Kỳ Lão chỉ cho phép con trai hay con gái kết hôn với những người trong cùng làng mà không được lấy người ngoài làng. Có lẽ do sự khác biệt nhiều về tiếng nói, phong tục của họ với những nhóm người Mường xung quanh nên người Mường Kỳ Lão sống khép kín, tự trị theo kiểu “nội bất xuất, ngoại bất nhập”.

Hiện nay, do quá trình phát triển dân số số hộ người Mường đã tăng lên rất nhiều, chính quyền địa phương đã quyết định tách làng Kỳ Lão thành ba bản nhỏ để tiện cho việc quản lý hành chính cũng như việc khuyến khích phát

triển sản xuất kinh tế cho đồng bào. Mỗi bản có một địa lãnh thổ riêng, ranh giới thường là con đường hay ngọn đồi. . . Mỗi bản đều có một đền thờ Thượng thần (thành hoàng) riêng. Kiểu tổ chức làng theo kiểu truyền thống cũng không còn nữa, thay vào đó là kiểu tổ chức hành chính thôn bản hiện nay. Đứng đầu mỗi bản là ông trưởng bản, chịu trách nhiệm thi hành mọi công việc trong bản, tuyên truyền, vận động nhân dân trong bản thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng làng, bản văn hóa và xây dựng nông thôn mới.

- Hoạt động kinh tế

Người Mường Kỳ Lão có nhiều loại hình kinh tế khác nhau, song kinh tế chủ yếu vẫn là nghề làm nông nghiệp, ngoài ra họ còn có các nguồn kinh tế khác như chăn nuôi, săn bắt, hái lượm. Nguồn lương thực chính để sống là lúa, ngoài ra còn có ngô, sắn, khoai, đậu đỗ. Phương thức canh tác xưa kia rất lạc hậu, công cụ lao động chủ yếu là con dao, cái dùi, chiếc gậy chọc lỗ và lưỡi hái. Đồng bào cũng trồng lúa nước nhưng chỉ một vụ mùa vì phụ thuộc vào nước mưa tự nhiên, năng suất rất thấp. Do vậy đời sống của đồng bào thường xuyên là thiếu ăn, thiếu mặc, cuộc sống lam lũ vất vả. Từ khi có chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, người Mường Kỳ Lão đã tiếp thu những khoa học kỹ thuật trong canh tác nông nghiệp chẳng hạn, diện tích lúa nương thu hẹp, thay vào đó là 200 ha ruộng lúa nước, công cụ sản xuất chủ yếu là cây bừa bằng trâu, cuốc, thuổng, thậm chí họ đã biết sử dụng phân bón hóa học và máy nông nghiệp (máy cày, máy tuốt lúa)... Đi đôi với loại hình canh tác này là hệ thống thủy lợi: mương, phai, đập... Hiện nay, người Mường Kỳ Lão đã chuyển sang cấy 2 vụ, họ đã sử dụng các loại máy bơm nước để dẫn nước vào ruộng thay vì đợi nước mưa tự nhiên như trước kia. Nếu như trước đây năng suất lúa nước rất thấp thì hiện nay đồng bào đã tiếp thu các giống lúa lai Trung Quốc, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích.

Và giờ đây nông nghiệp lúa nước đã trở thành nguồn cung cấp lương thực chính cho đồng bào.

Trước kia, họ chủ yếu dùng trâu để cày bừa nên số lượng trâu trong mỗi gia đình gần như nhà nào cũng có một đàn (5 - 10 con). Hiện nay tại các bản làng ở địa phương đã được cơ giới hóa nên số lượng trâu đã giảm đi rất nhiều trong khoảng 10 năm trở lại đây. Chỉ những khu đất ruộng nào không di chuyển máy lên được thì họ mới dùng đến sức trâu. Ngoài con trâu ra, hiện nay một số gia đình còn nuôi thêm bò, lợn, gà, hươu, ong... để tăng thu nhập cho gia đình.

Bên cạnh việc phát triển lúa nước, đồng bào vẫn canh tác nương rẫy. Các loại cây chủ yếu được canh tác trên nương nhiều nhất là mía, sắn, ngô, sắn dây, củ voi và cây keo lấy gỗ... Trước kia, người Mường Kỳ Lão chỉ chăn nuôi để phục vụ cho nhu cầu gia đình thì hiện nay chăn nuôi đã trở thành một loại hình kinh tế mang lại thu nhập cao, cải thiện đời sống vật chất của đồng bào. Nhiều gia đình từ nghèo khó đã vươn lên làm giàu từ việc nuôi trồng các loại cây, con có giá trị kinh tế.

Trước đây, người Mường Kỳ Lão khá phát triển như nghề đan lát, trồng bông, trồng chàm để dệt và nhuộm vải. Ngày nay, nghề thủ công gia đình người Mường Kỳ Lão vẫn chỉ mang tính chất hỗ trợ, tự cung, tự cấp cho sinh hoạt gia đình và hoàn toàn mang tính tranh thủ khi nông nhàn. Sản phẩm thủ công trở thành hàng hóa không nhiều và ít được bán ở các chợ. Đặc biệt, nghề dệt đã mất hẳn trong đời sống của đồng bào hiện nay, do các loại vải trên thị trường khá rẻ và bền hơn vải tự dệt nên đồng bào không còn phải vất vả dệt các loại vải truyền thống như trước kia nữa. Hàng ngày, các cụ già hay đàn ông trong gia đình tranh thủ đan những chiếc rổ, giá, thúng hay những chiếc bị bằng dù để đựng quả chám, quả bùi vào mùa thu hoạch tháng 8 hàng năm.

Xưa kia, săn bắt được tiến hành cả ban ngày lẫn ban đêm. Họ dùng súng kíp và nhiều loại bẫy để săn bắt thú rừng để phục vụ cho bữa ăn hàng ngày: cáo, cây, sóc, nai, lợn rừng, gà rừng, hươu, chồn, hoẵng kể cả hổ. Họ săn bắt quanh năm, có khi săn tập thể, có khi săn cá nhân, bằng cách rình hoặc vây, đuổi. Từ khi thực hiện chỉ thị của Đảng và nhà nước về việc cấm săn bắt thú rừng, người Mường Kỳ Lão hiện nay chỉ tập trung vào việc đánh bẫy chim chuột, đánh bắt thủy sản ở các chân ruộng, hồ, suối.

Hái lượm truyền thống chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế của người Mường Kỳ Lão. Hái lượm lâm thổ sản của rừng cũng là nguồn lợi đáng kể đóng góp vào đời sống của đồng bào, nhất là những mùa thất bát. Trước kia, vào những dịp giáp hạt thiếu ăn, đồng bào thường thiếu ăn phải lên rừng đào củ mài, lấy măng, lấy rau rừng, mật ong, ong non, trứng kiến, châu chấu... thay cho lương thực hàng ngày. Hiện nay hoạt động này vẫn được duy trì, nhưng do rừng bị thu hẹp nên hái lượm không thường xuyên. Tuy vậy, họ vẫn theo thói quen đi tìm kiếm các nguồn lợi tự nhiên từ trong rừng như lấy măng, lấy mật ong, ong non, hay trứng kiến, châu chấu... để cải thiện bữa ăn hàng ngày.

Trước đây, do phương tiện đi lại khó khăn người Mường Kỳ Lão thường phải đi bộ dọc theo con đường liên xã gập ghềnh, khó khăn tới 20km mới tới được chợ trung tâm của huyện Nho Quan. Do đó, việc mua bán trao đổi diễn ra không được thường xuyên. Gần đây, giao thông ở bản người Mường Kỳ Lão đã phần nào được cải thiện, đặc biệt là con đường Tràng An nối từ trung tâm thành phố Ninh Bình qua xã Kỳ Phú lên tới vườn Quốc gia Cúc Phương đã được bê tông hóa làm cho đồng bào người Mường Kỳ Lão nói riêng và xã Kỳ Phú nói chung có nhiều đổi mới trong đời sống kinh tế. Người Mường Kỳ Lão đã có thể sử dụng các phương tiện như xe đạp, xe máy để đi lại thuận tiện, do đó việc trao đổi mua bán cũng diễn ra thường xuyên hơn.

- *Đặc điểm xã hội*

Người Mường Kỳ Lão sống tập trung thành bản, gồm nhiều gia đình theo chế độ phụ quyền, anh em họ hàng làm nhà gần nhau. Do đặc điểm địa hình mà nhà của người Mường Kỳ Lão thường xây dựng xung quanh các đồi đất thấp, cây cối um tùm. Anh em họ hàng thường làm nhà gần nhau để tiện giúp đỡ lẫn nhau lúc khó khăn và cùng nhau làm ăn.

Trước đây, làng Kỳ Lão gồm có 7 dòng họ cùng sinh sống, mỗi họ lại có một *ông trưởng họ*. Đây là nhân vật vô cùng quan trọng, là linh hồn của cả dòng họ. Trưởng họ có trách nhiệm giúp đỡ mọi gia đình làm ma chay, làm nhà mới, tổ chức cưới xin, chia tài sản, quán xuyến mọi công việc của dòng họ đồng thời cũng là người chịu trách nhiệm giải quyết các xích mích giữa các gia đình dòng họ. Do vậy, người tộc trưởng phải là người am hiểu phong tục tập quán các dân tộc, có uy tín ảnh hưởng sâu sắc đối với mỗi thành viên trong tông tộc. Nếu như một gia đình trong họ có con gái hay con trai tới tuổi lập gia đình thì ông trưởng họ sẽ là người thay cha mẹ người đó tiến hành mọi thủ tục tổ chức đám cưới như đi ăn hỏi hay đi xin dâu... Nếu chẳng may trong gia đình nào đó trong họ có người chết mà ông trưởng họ chưa tới lo liệu thì người nhà không thể phát tang hay làm mo chôn cất người chết được. Đôi khi, ông trưởng họ còn là người đại diện trung gian trong các mối quan hệ ứng xử hai gia đình thông gia. Chẳng hạn, nếu một trong hai nhà thông gia bị ốm đau thì ông trưởng họ sẽ thay mặt cho hai ông bà thông gia nhà gái hoặc nhà trai tới thăm hỏi nhau. Đặc biệt, người Mường Kỳ Lão còn có tục lệ kiêng ông (bà) thông gia trực tiếp tới phúng viếng đám tang của gia đình thông gia nhà mình, lúc đó ông trưởng họ sẽ đại diện đi phúng viếng giúp. Cho tới nay, vai trò của *ông trưởng họ* vẫn không có gì thay đổi trong đời sống của người Mường Kỳ Lão ở nơi đây.

Gia đình: Về cơ bản duy trì hình thức đại gia đình và gia đình hạt nhân. Đại gia đình (gia đình lớn) là hình thức nhiều thế hệ cùng sống chung dưới một mái nhà từ các cụ đến ông bà, bố mẹ, con cái, cháu chắt. Nhưng hiện nay hình thức phổ biến là gia đình hạt nhân với hai thế hệ cùng chung sống đó là bố mẹ và con cái, ít có những gia đình 3 – 4 thế hệ ở với nhau. Con cái sau khi lập gia đình thường ra ở riêng, chỉ một số ở lại cùng bố mẹ để tiện chăm sóc phụng dưỡng. Trong gia đình ông bố là chủ, khi bố chết con trưởng thay; vợ theo chồng, con cái theo cha mẹ, em nghe anh chị. Tuy vậy, trong thực tiễn, những công việc quan trọng của gia đình đều có sự bàn bạc giữa vợ và chồng cùng với các con lớn tuổi, thậm chí còn xin ý kiến của những người có uy tín trong dòng họ. Công việc trong gia đình người Mường Kỳ Lão được phân công khá chặt chẽ cho từng thành viên. Đàn ông, đứng đầu là chủ gia đình phải chăm lo việc cúng bái, mua bán gia súc, sắm sửa đồ đạc, tu sửa nhà cửa và chuồng trại vật nuôi, chế tác và mua sắm các loại nông cụ. Phụ nữ chăn nuôi, may vá, giặt giũ và truyền dạy các công việc thêu thùa vá may cho con gái.

- Đặc điểm văn hóa

Trước đây, người Mường Kỳ Lão ở nhà gác (nhà sàn) hình chữ nhật (một số ít ở nhà vách đất), thường dài 20m, rộng 10m, sàn lát luồng, thường dựng cách mặt đất từ 1,6 đến 1,8m, các cột đều được chôn xuống đất. Vật liệu làm nhà chủ yếu là tre, nứa, gỗ, kiến trúc theo kiểu bốn mái dốc hình mu rùa. Mái nhà lợp bằng cỏ tranh hay lá cọ, vì kèo liên kết chủ yếu là buộc, gá. Dụng cụ làm nhà cũng khá đơn giản chỉ cần rìu, dao, đục, cưa, bào là có thể dựng nhà được. Nhà sàn thường có ba gian chính, hai chái, vách làm bằng phên nứa đan. Cửa sổ mở ở đầu hồi và vách phía sau. Trong nhà, ở gian giữa, phần trên là quan trọng nhất là nơi có cửa vóng, nữ giới không bao giờ được ngồi và đi qua, còn nam giới được ngủ ở gian này. Hai đầu hồi của nhà, phía ngoài là hai

cầu thang lên xuống. Cầu thang bên hữu dành cho nam giới, cầu thang bên tả dành cho nữ giới.

Hiện nay, do ảnh hưởng của văn hóa Kinh, họ không làm nhà sàn nữa, thay vào đó là những ngôi nhà trệt. Hiện ba bản Cả, Ao, Sau, chủ yếu là những ngôi nhà từ 3 – 5 gian cấp 4 hoặc bằng gạch, ngói, xi măng, những gia đình còn khó khăn về kinh tế có thể ở nhà vách đất, xung quanh nhà là các công trình phụ kiện như bếp, nhà vệ sinh, chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nhà người Mường Kỳ Lão hầu như không xây tường rào bao quanh mà là các bụi cây dại, nếu có chỉ là hai trụ để làm cổng. Cũng do điều kiện sinh hoạt và do việc xây dựng nhà sàn khá phức tạp và tốn kém nên hiện nay bà con người Mường Kỳ Lão không còn ở nhà sàn.

Về trang phục, trước kia người phụ nữ Mường Kỳ Lão thường có khăn đội đầu làm bằng vải tơ tằm trắng hoặc vàng, khi đội quấn một vòng quanh đầu rồi thắt bỏ múi sang hai bên. Hàng ngày, người phụ nữ mặc chiếc áo cánh (áo cóm), may bằng vải trắng, vải xanh sẫm hoặc vải màu hồng, không chiết eo, có bốn thân, hai thân sau ghép liền nhau, hai thân trước có nếp dài từ cổ xuống tận gấu, cổ viền tròn cao khoảng 3cm, tay áo dài, không có khuy cài, áo mặc bên ngoài khoác yếm. Yếm còn gọi là áo báng, để lót ngực làm bằng vải trắng hoặc vải màu, mặc trong cùng, giống như yếm của người Kinh nhưng ngắn hơn. Váy ống làm bằng vải tơ tằm hoặc sợi bông nhuộm đen, bó sát từ thân eo xuống gần mắt cá chân. Cũng gần giống với chiếc váy của người phụ nữ Thái, Lào váy của phụ nữ Mường Kỳ Lão không có cạp cao che được cả ngực và bụng như váy của các nhóm Mường khác tại địa phương. Trong những dịp lễ hội, phụ nữ Mường Kỳ Lão còn mặc áo chùng bên ngoài, được may theo kiểu chiết eo, mở phía trước, cũng không có khuy cài. Ngoài ra, phụ nữ Mường Kỳ Lão còn dùng thắt lưng xanh thắt bên ngoài váy tằm ngang hông. Họ còn đeo các đồ trang sức như vòng cổ, khuyên tai... đều làm

bằng bạc. Ngày nay, phụ nữ Mường Kỳ Lão ăn mặc như người Kinh, do điều kiện sinh hoạt thuận tiện hơn và mua vải dễ dàng hơn.

Nam giới Mường Kỳ Lão trước đây thường mặc áo vải mộc nhuộm màu nâu hoặc chàm, giống áo cánh ta, có đường may ghép ở dọc sống lưng, xẻ tà hai bên, hai vạt áo may hai túi to, có khuy cài, ngực áo trái có thêm một túi, đôi khi do điều kiện kinh tế khó khăn hàng ngày nam giới còn dùng khố. Hiện nay, do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cũng với giao lưu văn hóa, họ cũng ăn mặc như người Kinh.

Người Mường Lão ở xã Kỳ Phú, có đời sống tinh thần rất phong phú. Thơ ca như: dân ca, hát đúm, hát giao duyên mà người Mường Kỳ Lão quen gọi là “răng thường”... là món ăn tinh thần không thể thiếu được đối với người dân lao động trong các dịp lễ, tết hay trong các cuộc vui. Các bài hát thường nói về cảnh lao động sản xuất, tình yêu lứa đôi, ca ngợi phong cảnh thiên nhiên, con người... Đặc biệt, ở người Mường Kỳ Lão có hát nói kết hợp với hát cúng lễ, điển hình là hát mo Mường, hát Răng thường có sự giao thoa giữa 2 yếu tố "Tục" và "Thanh" kết hợp những lễ nghi tín ngưỡng dân gian để chúc tụng nhau nhân ngày lễ tế, dịp hội đầu xuân. Hát đúm cũng là loại hát phổ biến của bà con dân tộc Mường Kỳ Lão, đó là loại hát giao duyên (tựa như hát quan họ của người Kinh bắc, hát ví dặm của người Nghệ Tĩnh, hát si, hát lượn của đồng bào Tày, Nùng). Hát đúm thường tập trung ở những chàng trai, cô gái trẻ, bởi đó là những giai điệu của tình yêu, thường diễn ra vào mùa xuân khi tết đến xuân về, hoa đào, hoa mận khoe sắc trên bản Mường.

Về âm nhạc, công chiêng trở thành những loại nhạc cụ không thể thiếu được trong đời sống tinh thần của người Mường Kỳ Lão. Đó là thứ nhạc cụ chào đón những sự kiện vui mừng của mỗi gia đình hay cả bản nhưng đó

cũng là thứ nhạc cụ tiễn đưa con người sang thế giới bên kia. Trước kia, mỗi gia đình người Mường Kỳ Lão đều có một bộ chiêng nhưng cho đến nay thì cả bản chỉ còn lưu giữ được một bộ cồng chiêng cổ rất quý và được người Mường Kỳ Lão coi như một báu vật của mình. Bộ cồng chiêng của người Mường Kỳ Lão gồm 7 chiếc: 3 cồng, 4 *lệnh* (chiêng). Cồng chiêng chỉ được sử dụng vào việc làng (chỉ cần nghe thấy tiếng lệnh là cả dân làng biết được việc làng hay có đám tang trong bản), hay khi trong làng có đám cưới cũng đánh cồng chiêng...

Người Mường Kỳ Lão dùng ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Việt – Mường để trao đổi trong gia đình hàng ngày. Người Mường Kỳ Lão không có chữ viết riêng. Về tiếng nói, người Mường Kỳ Lão có sự khác biệt về tiếng nói so với các nhóm Mường khác ở địa phương, biểu hiện trong thanh điệu và một số từ vựng cơ bản. Hiện tại, người Mường Kỳ Lão vẫn nói tiếng Mường trong sinh hoạt hàng ngày nhưng trong quan hệ xã hội họ nói tiếng phổ thông để giao tiếp với các dân tộc khác.

- *Tín ngưỡng dân gian*

+ *Tín ngưỡng thờ tổ tiên*: Người Mường Kỳ Lão cũng thờ cúng tổ tiên, tuy nhiên không lập bàn thờ, lễ cúng không thường xuyên như người Kinh. Họ chủ yếu tổ chức lễ cúng vào các dịp tết Nguyên đán, mừng cơm mới, ngày làm vía, ngày cầu mát.

Người Mường Kỳ Lão không lập bàn thờ và đặt các bát hương như các dân tộc khác. Ngày giỗ là ngày chôn cất không phải là ngày chết. Tuần giỗ được thực hiện ở hầu hết các con trai trong gia đình, bắt đầu từ người con trai cả tiếp đến là các con trai thứ và con trai út. Như vậy, gia đình nào đông con trai thì cha mẹ được giỗ nhiều lần trong tháng đó tại gia đình nhà các con.

+ *Tín ngưỡng thờ Thành hoàng*: Cả ba làng Kỳ Lão đều thờ các vị *Thần Kỳ Tăng Cảnh* (Thành Hoàng bản thổ), những nhân vật có công khai lập nên bản làng người Mường như Quách Vi Công (bản Sau), Bùi Văn Vang (bản Ao), Bùi Văn Vênh (bản Cỏ). Hàng năm, cứ vào dịp như tết “*Khai hạ*” (mùng 7 tháng giêng), tết “*Thượng Xuân*” (mùng 2 tháng hai), tết “*Lên thu*” (mùng 2 tháng tám) nhân dân ba bản Kỳ Lão lại nô nức tổ chức hội rước kiệu và tế lễ tại đền của làng, cầu cho các vị Thần Kỳ Tăng Cảnh phù hộ cho họ có một năm làm ăn khấm khá, cầu cho bản làng yên ấm, người thịnh, vật an.

+ *Lễ cơm mới*: Lễ này thường được tổ chức vào ngày 15 tháng 10 tại ngôi đền chung của bản, sau đó từ 20 tháng 10 trở đi các gia đình tổ chức ăn tết riêng tại nhà. Người ta quan niệm rằng khi mùa màng thu hoạch xong thì người ăn bát cơm bằng gạo mới đầu tiên phải là tổ tiên, trời đất, thần thánh vì họ cho rằng có tổ mới có ta, có trời có đất mới có mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, có thần thánh mới bảo vệ được con người khỏe mạnh để làm ăn. Lễ này mang đậm tính tâm linh.

+ *Lễ nạ mụ*: Người Mường Kỳ Lão quan niệm mỗi đứa trẻ sinh ra đều có một bà mụ đỡ đầu mà người Mường Kỳ Lão gọi là *nàng Ai non tôi con chiêm cái* (nàng mụ nuôi con dạy cái), nếu là con gái thì ở cạnh cây si thứ chín, con trai thì ở cạnh cây si thứ bảy. Khi đứa trẻ sinh ra họ làm lễ nạ mụ. Lễ vật bao gồm: một cành si, một ngọn mía, hai ống cơm lam, hai đôi dĩa bông, một lá đu đủ, một hoặc hai củ chuối, một hoặc hai củ khoai, một cái áo của trẻ con, một con gà (hoặc cá nướng), rượu, xôi, hai bát cơm tẻ có lá chuối cuốn thành nón úp lên bát cơm, một cái nạ (được đan từ những thanh tre nhỏ), một vài chàng hạt vòng tay, vòng cổ trẻ em.

Thầy mo làm lễ xong, gia đình lấy lá chuối, hai đôi dĩa, một ngọn mía dặt vào nạ và treo lên mái nhà, từ đây coi như hồn vía ở tại *nạ* (nhà). Ý nghĩa

của lễ nạ mụ là làm nơi ăn chốn ở ổn định cho bà mụ để bà chăm lo cho con cháu hay ăn chóng lớn. Lễ nạ mụ không được thực hiện trong ngày tết. Khi rơi một trong các vật tạ nạ mụ là điềm không lành nên phải làm lại. Nạ mụ chỉ được vứt đi khi người đó chết, không được vứt lung tung mà dứt khoát phải vứt lên các ngọn cây trong vườn.

+ *Lễ cầu mát*: Dùng cho việc cầu phúc lộc, bình an cho gia đình, cầu cho con cái học hành, công tác tiến bộ, được tiến hành tại cửa voóng tông (nơi cửa sổ chính, quan trọng nhất trong ngôi nhà sàn người Mường). Lễ vật gồm có một con gà, một con vịt luộc (hoặc cá nướng, trừ cá mè, cá trê, cá quả), ba bát xôi, rượu, nước, trầu cau, dứa. Một mâm phụ gồm: một ấm, ba chén, thuốc Lào, chè, bên cạnh để thớt, lá chuối, dao. Thầy cúng làm lễ mời anh em chàng Vàng về hưởng lễ và phù hộ cho gia đình làm ăn tấn tới, con cháu khỏe mạnh.

+ *Lễ nhóm lửa*: Tổ chức khi một gia đình vừa xây cất xong nhà mới. Khi mới dựng các cột bếp, gia chủ lấy một bẹ chuối dài hình ba con cá, dùng một dây nứa kẹp lại rồi buộc lên cột bếp để tránh hỏa hoạn, đồng thời cũng là lễ vật để cúng các ông đầu rau. Tại cửa bếp, gia chủ đặt một quả bí xanh, bốn góc bếp và giữa bếp bỏ vài miếng vỏ cây lúc lác (núc nắc).

Trước khi đun nấu ở nhà mới, gia chủ làm lễ nhóm lửa, xin thần bếp cho đặt ba hòn đầu rau, trong đó một hòn tượng trưng cho vía chủ nhà. Chủ nhà mời một người già có uy tín, giỏi việc bếp núc tới nhóm lửa. Nếu lửa cháy ngay là điềm lành, gia chủ sẽ ăn nên làm ra, chẳng may lửa tắt phải mo một chạng dài, xin thần bếp cho nhóm lại lửa. Khi lửa cháy chủ nhà mời thầy cúng và người già ra ăn một bát cơm, một quả trứng, sau đó bảo con cháu trai chiếu mời cụ vào nghỉ ngơi. Đêm đến, dưới ánh sáng bếp lửa, gia chủ mời họ hàng và láng giềng đến uống rượu, rang thóc cho lũ trẻ ăn và chuẩn bị một rổ ốc luộc để thết đãi các bà, các chị. Sáng hôm sau, khi cụ già thức dậy, người nhà làm cơm ăn và bắt đầu một ngày mới. Người Mường Kỳ Lão quan niệm

làm như vậy gia chủ sẽ gặp nhiều may mắn khi đến ở nhà mới, bếp núc luôn vui vẻ, quanh năm luôn có thức ăn sung túc để nấu nướng.

+ *Lễ cốm si cốm xanh (lễ làm vía)*: Khi trong nhà có người già, sức khỏe yếu, gia đình sẽ chọn ngày để làm lễ. Người nhà chuẩn bị một mâm cúng gồm một giá xôi, một con gà, thịt lợn luộc, trầu cau, rượu... Người con dâu trưởng cắt một cành si, tốt nhất là cành mọc ở hướng đông, cắm vào giá xôi. Đồ cúng lễ được bày ra một cái nia, lấy một cái quốc con đặt vào nia cho thầy mo hành lễ. Người nhà chuẩn bị thịt lợn, bày ra năm mâm, một mâm riêng cho thầy cúng. Thầy cúng bắt đầu cúng lễ mời *vị quan cảm sở cổ thiết* (vị kem chấm sở sinh tử) xuống cho người ốm tăng tuổi thọ, khi cúng đến phần *cốm si*, con cháu mỗi người nắm một nắm xôi *cốm* (vun hay đắp) vào giá xôi có cắm cành si với ý nghĩa cầu cho cha (mẹ) hay ông (bà) sống lâu trăm tuổi. Cúng lễ xong, con cháu hạ lễ và tổ chức ăn uống.

+ *Lễ cúng ông nhà ông công (thờ thổ công, thổ địa)*: Đền mỗi gia đình người Mường Kỳ Lão ta thấy gia đình nào cũng nhà thờ ông công, ông táo, chỉ duy nhất một mái. Nhà ông công chỉ đặt ở cổng, mục đích là để canh cổng, giữ nhà không cho ma quỷ vào nhà. Nếu được làm trên đồng mỗi xông là tốt nhất, nếu không có người ta thường đắp đất tượng trưng. Mỗi tháng một lần, muộn nhất là ba tháng một lần, người Mường Kỳ Lão tổ chức cúng lễ cho ông công ông táo. Lễ vật là xôi, gà, rượu hoặc cá nhưng không được dùng cá mè và chỉ nướng khô chứ không được nấu.

+ *Lễ tảo mộ (mát mả)*: Hàng năm vào tết tháng ba âm lịch, mỗi gia đình chuẩn bị một con lợn, gạo, xôi, mời thầy cúng mang ra khu mộ của gia đình, con cháu tổ chức rầy cỏ, thay nước tại vò sành trên đầu mộ, sau khi cúng, hạ lễ và ăn uống ngay tại ruộng, công việc này do người con trưởng đảm nhiệm, các con thứ có trách nhiệm đóng góp.

Tiểu kết chương 1

Kỳ Phú là một xã vùng cao thuộc huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, với 70% dân số là đồng bào người Mường, trong đó có hai nhóm địa phương chính là Mường Bi và Mường Kỳ Lão. Với điều kiện địa hình khó khăn, chủ yếu là đồi núi, ít đất canh tác lúa nước, đồng bào người Mường nơi đây chủ yếu canh tác nương rẫy và chăn nuôi là chính. Điều kiện địa hình tương đối khó khăn, thời tiết khí hậu khắc nghiệt nên đời sống kinh tế của đồng bào người Mường ở Kỳ Phú còn rất khó khăn. Hiện nay, với những chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, đời sống kinh tế của đồng bào người Mường nơi đây đang được cải thiện rõ rệt. Bên cạnh đó, quá trình cộng cư sinh sống với người Kinh đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao lưu văn hóa và kinh tế giữa đồng bào Mường với các dân tộc khác trên địa bàn.

Chương 2

TẬP TỤC TRONG TANG MA CỦA NGƯỜI MƯỜNG KỶ LÃO, XÃ KỶ PHÚ, HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

2.1. Quan niệm của người Mường Kỳ Lão liên quan đến tang ma

2.1.1. Quan niệm về vũ trụ

Theo quan niệm cổ truyền của người Mường cũng như người Mường Kỳ Lão, vũ trụ chia làm ba tầng, ba khu vực khác nhau phân bố trên một trục dọc ở giữa là Mường Pura (Mường Pura nghĩa là Mường bãi bằng, hay là Mường bằng phẳng), thế giới của người sống. Ở đây người sống tập hợp lại thành NÓOC (nóc nhà, tiểu gia đình), thành QUÊL (quê tức xóm) thành MƯỜNG (Mường, địa vực gồm nhiều xóm) dưới sự cai quản của Lang, đẳng cấp thống trị và ẬU (ậu), tay chân của lang. Mường Pura là thung lũng và núi đồi, là ruộng nước và nương rẫy, là xóm là Mường, nhưng cũng là KE CHƠ (kẻ chợ) nữa, vì trong quan niệm của họ, người Mường không hoàn toàn loại trừ địa bàn của những dân tộc khác, đặc biệt là những dân tộc đã sống cạnh họ từ lâu đời, như con Táo (Con đáo tức người Kinh).

MƯỜNG K'LOI (Mường trời), ở bên trên Mường Pura, là nơi ngự trị của BUA K'LÔI (vua trời) có các KEM (kem) phò tá. Xã hội Mường cổ truyền không có Vua, nhưng vì nhiều lý do lịch sử nên khái niệm Vua rất quen thuộc với người Mường. Về mặt thời gian và không gian ở Mường trời, trong tất cả những người cung cấp tài liệu ai cũng khẳng định rằng, vua trời và các Kem không thể chết họ bất tử, nếu thế thời gian ở Mường trời là vô tận. Nhưng không gian ở đây lại hữu hạn, một trong những dẫn chứng là trích đoạn trong “Mo kiện”:

MOONG NHỊM TI CẬ TOL

MOONG TÒL TI CẬT KHUÔNG

(Nghĩa là: Muông nhím đi hết lối

Muông don đi hết nẻo)

Đây là tận cùng của Muồng trời, nơi cao nhất trong hệ thống dọc của vũ trụ. Còn nơi thấp nhất của Muồng trời giáp với Muồng Pura là ở đâu, điều đó không ai xác định được, chỉ biết rằng đâu đó ngoài Muồng trời, trên đường xuống Muồng Pura có một con sông, theo “Mo kiện” khi lên trời người chết phải vượt qua KHUÔNG KHAN PÊN KHAN (sông khăng bên khạn). Như vậy, giữa Muồng trời thế giới siêu nhiên và Muồng Pura thế giới tự nhiên, có sẵn lối thông thường, nhưng người sống không thể leo lên lối đó mà lên trời được. Đây là lối dành cho linh hồn người chết vì Muồng trời là một chặng đường trong hành trình của linh hồn đã thoát xác.

Tầng thấp nhất của vũ trụ dưới mắt người Muồng thừa trước có đến hai thế giới bên dưới: dưới đất và dưới nước. Thế giới bên dưới mặt đất, có thể nói trong lòng đất mang tên MUÔNG PURA TIN (Muồng bằng dưới) Muồng Pura Tín không phải là thế giới siêu nhiên. Ở đó có người, có súc vật, săn bắn và đánh cá, cũng lấy vợ, lấy chồng sinh con đẻ cái, có sống có chết. Ở đó có nhà cửa, có xóm Muồng, có Lang - Âu, duy có một khác biệt so với thế giới của chúng ta: Lấy lại gần nguyên xi lời một Bô Mo, thì ở đây con trâu chỉ bằng co chó ta, con bò chỉ bằng con mèo, người lớn bằng trẻ con mười ba, mười bốn tuổi. Xưa kia Muồng Pura và Muồng Pura Tín có lối thông thương với nhau đây là một cái RÔNG (cái Rông tức lối thông miệng tròn nối liền hai tầng cao thấp) nối liền mặt đất với thế giới bên dưới, rồi một hôm nào đó ruộng bị lấp đi và quan hệ giữa hai thế giới bị cắt đứt từ đó [12, tr19-20].

Cũng ở tầng thấp nhất của vũ trụ nhưng không phải trong lòng đất, còn có MUÔNG BUA KHU (Muồng Vua Khú) thế giới khác với Muồng bằng dưới, ít nhất cũng ở chỗ nó được đặt dưới quyền trị vì của một ông Vua. Còn

Mường bằng dưới thì không. Khú là một nhân vật huyền thoại hoặc thường xuất hiện trong cổ tích và truyện kỳ Mường dưới dạng rắn lớn ở nước. Đến đây ta có thể nói rằng: Hệ thống Vũ trụ “Ba tầng – bốn thế giới” của người Mường lấy Mường Pura, thế giới của người sống, làm trung tâm: Mọi đường đi đều xuất phát từ đây, mọi thế giới khác đều quy tụ về đây. Tuy đều ở trong những không gian hữu hạn cả, mỗi thế giới đều có một bản chất riêng, do sự thông thường giữa các thế giới bị hạn chế. Mường Pura là thế giới tự nhiên, là cõi sống của người Mường. Mường Pura Tín, vốn thông thương với Mường Pura, cũng là thế giới tự nhiên, nhưng thấp kém hơn. Mường trời là thế giới tự nhiên, nhưng thấp kém hơn. Mường trời là thế giới siêu nhiên hoàn chỉnh nhất, thời gian ở đây là vô tận. Mường Vua Khú, mang nặng tính chất cổ tích hơn tôn giáo, cũng là một thế giới siêu nhiên. Phải có môi giới của pháp luật.

Có thể nói người Mường nói chung chấp nhận một hệ thống vũ trụ nhiều tầng rất hoàn chỉnh. “Ba tầng – bốn thế giới” mà tầng thấp nhất lại bao gồm hai thế giới: một dưới đất, một dưới nước. Thực ra, ta biết rằng hai thế giới bên dưới của người Mường, Mường bằng dưới (Âm phủ) Mường Vua khú (Thủy phủ) không đóng vai trò gì trong việc khuôn xếp thân phận cuối cùng dành cho người vừa chết đang thực hiện tang ma. Dù sao thiếu chúng thì cũng không có vũ trụ “Ba tầng – bốn thế giới” mà vũ trụ này hiện lên trong tâm lý của người Mường thời chưa xa như một cấu trúc hữu thức. Ba tầng vũ trụ: Tầng trời, Tầng mặt đất, Tầng âm dưới mặt đất. Bốn thế giới: Mường Bằng, Mường ma, Mường dưới, Mường ma khú. Người sống trong xã hội đã phân hóa thành những tầng lớp mà theo thân phận được truyền theo dòng họ đó là họ Lang, họ dân, nói theo cách khác là các dòng họ quý tộc (Đinh, Quách, Bạch, Hoàng) các dòng họ bình dân (Bùi, Nguyễn và một số dòng họ khác). Từng dòng họ cứ vĩnh viễn giữ chức và phận của mình không gì xảy ra để có thể thay đổi điều đã cố định ấy từ ban đầu. Chính vì thế mà người

Mường đã dựng nên (mặc dù trong tưởng tượng) một vũ trụ gồm có 3 tầng 4 thế giới. Vũ trụ 3 tầng 4 thế giới không nhằm đề ra một lời giải đáp nào cho thân phận cuối cùng của người vừa mất. Nó được sử dụng làm khung cho tư duy thần thoại. Nó góp phần với thần thoại để đặt ra vấn đề số kiếp của con người giữa trời và đất, giữa tư duy và bản năng. Vũ trụ 3 tầng 4 thế giới góp phần thỏa mãn những đòi hỏi của con người trên cả hai mặt tinh thần và tình cảm, qua đó mà càng củng cố lòng tin của từng cá nhân vào cuộc sống trong lòng cộng đồng mình.

Tầng trên	<i>Mường trời</i>	- Nơi trú ngụ của Vua Trời và các Kem
Tầng giữa - Mặt đất	<i>Mường Pura</i>	- Nơi Con người sinh sống
Tầng dưới – Lòng đất	<i>Mường Pura Tín</i> <i>Mường Vua Khú</i>	- Nơi trú ngụ của người tí hon - Nơi trú ngụ của Vua thường luồng và các loài thủy sinh

Sơ đồ 1: Quan niệm về 3 tầng vũ trụ của người Mường “Kỳ Lão”

2.1.2. Quan niệm về cõi sống, cõi chết, hồn và vía

Người Mường Kỳ Lão quan niệm không phải chết là hết mà là chuyển sang “Sống” ở một thế giới khác mà thôi. Họ cho rằng con người sống cũng có linh hồn, mà tiếng Mường gọi là Wại. Nếu là nam giới sẽ có 7 vía, nữ sẽ có 9 vía, vía chủ ở trên đầu, mất vía chủ thì người đó cũng mất. Khi con người đã mất đi vía không còn nữa, hồn được lìa khỏi xác nhưng không nhập vào loài vật nào, mà biết “Cát bùa hóa phép” theo mây theo gió để đi lại. Như vậy, người Mường Kỳ Lão cho rằng: khi còn sống thì hồn trú ngụ trong cơ thể con

người; khi chết, hồn hoá thành ma sống ở một thế giới khác cũng giống như thế giới người sống.

Thế giới của người chết người Mường gọi là Mường ma. Mường ma có cùng một không gian với Mường Mol (Mường Mol là thế giới của người sống bình thường, nó nằm ở vị trí Mường Pura trong vũ trụ). Mường ma có cùng một không gian với Mường Mol nhưng lại là một thế giới bên tối, còn Mường Mol là thế giới bên sáng, nên con người của hai thế giới không bao giờ nhìn thấy nhau, vì vậy người Mường gọi những người đã chết là “Mol thối thăm” (Mường tối tăm) hay “Thối thăm nhà mình” Nghĩa là “tối tăm nhà mình”, dịch đúng nghĩa là: Người nhà mình ở bên tối tăm.

Thực ra người Mường Kỳ Lão cũng có quy định cho Mường ma một vị trí trong không gian: Đó chính là nơi chôn cất người chết ở ven rừng mà tiếng Mường gọi là: Tôổng (Mường Đổng). Mường ma ở ngoài đổng, điều đó càng cho phép nghĩ rằng Mường ma và Mường người chung nhau một không gian có điều vì hoạt động trong một thời gian khác với ma, nên khi đến đổng người sống chúng ta không nhìn thấy được cái thế giới vô hình đang sinh hoạt ở đây. Vì căn cứ vào nội dung phân Mo “Nhòm họ” thì ở thế giới bên kia cũng có xã hội, gồm linh hồn những người đã chết cũng có gia đình, họ hàng, xóm Mường: Xã hội ma chỉ là xã hội con người ảnh xạ vào thế giới siêu nhiên. Và điều đó đảm bảo cho linh hồn một cuộc sống không xáo trộn mấy so với hồi còn ở Mường người.

2.2. Các nghi thức chủ yếu trong tang ma

Với mỗi gia đình người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, khi có bố (mẹ) già yếu chết, để làm một đám ma, gia đình phải chuẩn bị rất nhiều thứ cần thiết như: lợn, gà, gạo, hương, tiền giấy âm phủ để cúng cho người chết. Tùy theo khả năng kinh tế của từng gia đình mà đồng bào quyết

định thịt con lợn to hay nhỏ để cúng bố (mẹ). Với những gia đình có điều kiện kinh tế và đông con cái, thường thịt 3 - 4 con lợn, mỗi con khoảng 50 kg - 70 kg, mỗi người con gái sẽ góp một con lợn, lợn, rượu để tổ chức cúng tạ ơn bố (mẹ) và thiết đãi họ hàng, làng xóm, những người giúp việc đám tang trong vòng hai, ba ngày đêm. Những gia đình thuộc diện trung bình hoặc nghèo và có ít con cháu, thường chỉ thịt 1 con lợn ước chừng 40 kg - 50 kg và thường không tiến hành làm mo mà chôn cất ngay.

Người Mường quan niệm rằng chết có hai loại: chết bình thường và chết bất đắc kỳ tử (chết dữ)s, những người già cả, ốm đau chết ở nhà, ở cửa là cái chết bình thường, ngược lại những người chết do bị tai nạn, cây đổ, rấn cắn, ngã núi, chết đuối... và ngay cả những người tham gia kháng chiến hy sinh ngoài mặt trận cũng là chết dữ. Những người chết dữ là do ma ác làm hại, không được mang về nhà làm ma vì sợ ma ác theo về làm hại người nhà nên phải mang ra ngoài đồng (nghĩa địa) do đó, trước khi chôn cất người nhà phải làm lễ *Kẹ* (giải trùng và nhập xác). Những đứa trẻ dưới 12 tuổi không được làm mo mà chỉ làm *giỗ phục hồn* (cho hồn ăn cơm) sau đó gia đình tổ chức đem đi chôn cất.

Đối với cái chết bình thường, người Mường Kỳ Lão gồm nhiều nghi lễ: Lễ rửa mặt và mặc quần áo cho người chết, lễ khâm liệm; lễ giỗ phục hồn, lễ làm mo và lễ đưa ma và chôn cất.

2.2.1. Lễ rửa mặt và mặc quần áo cho người chết

Khi có người ốm tắt thở (trừ trẻ nhỏ) mọi người trong nhà không được khóc ngay. Trong lúc đó, các con cháu trong gia đình người chết nấu nước lá thơm, thường là lá bưởi (đun sôi để nguội) hoặc lá quế, lá bồ kết hay lá chanh, cũng có trường hợp chỉ tắm bằng nước đun sôi để nguội. Họ lấy vuông vải trắng nhúng vào chậu nước, vắt khô rồi lau xuôi mặt người

chết. Nếu người chết là đàn bà, người ta chải tóc quấn khăn như khi còn sống. Sau đó người con trai hoặc con dâu mặc quần áo cho bố (mẹ), thường mặc quần áo mới và số lượng quần áo cũng tùy theo điều kiện kinh tế của từng gia đình, nếu nhà nào có điều kiện mỗi người con sẽ biếu bố (mẹ) một hoặc vài bộ quần áo mới. Mặc quần áo cho người chết phải đúng là quần áo truyền thống của dân tộc và quần áo phải được mặc trái và cắt hết cúc. Người Mường Kỳ Lão kiêng không để cúc áo hay đồ trang sức bằng kim loại chôn theo người chết vì sợ sét đánh sẽ làm hại thi thể người chết. Con cháu lấy dây rơm buộc 2 ngón chân, ngón tay của người chết. Tiếp đến, đại diện gia đình cho vào miệng người chết ít gạo với ngụ ý: cho người chết khỏi bị đói khi về thế giới mừng ma. Các công việc trên hoàn tất, con cháu trong gia đình lấy chiếu (trải mặt trái) giải ở gian giữa nhà, rồi lấy một tấm *nái vàng* (lụa vàng) trùm lên mặt người chết và đưa người chết từ buồng ngủ ra đặt vào chiếu theo hướng đầu quay vào phía trong, chân quay ra cửa chính, rồi lấy màn quây lại. Sau khi chôn cất người chết miếng nái vàng đó được gia đình treo ở góc trang trọng nhất của ngôi nhà như một dấu hiệu của việc để tang trong ba năm, sau khi hết tang sẽ hạ xuống và cất giữ cẩn thận như một kỉ vật của người đã khuất.

Riêng đối với các con gái trong gia đình sau khi cha (mẹ) tắt thở, người anh trai cả sang bên nhà thông gia nơi cô gái làm dâu để xin phép gia đình, tổ tiên, ma nhà chồng cho cô gái về chịu tang cho cha (mẹ) mình.

Để hành lễ làm ma cho người chết, gia đình mời thầy mo làm nhiệm vụ tiễn đưa linh hồn người chết lên Mường Trời và về thế giới mừng ma. Sau khi người chết, người nhà sẽ thông báo tới ông trưởng dòng họ mình biết để đứng ra lo liệu việc ma chay. Ông trưởng họ lập tức tới “học lời” (hỏi ý kiến) thầy mo về việc chuẩn bị cho các nghi thức làm ma cho người chết. Thầy mo tính toán cẩn thận ngày, giờ khâm liệm, chôn cất cho người chết và dặn dò

ông trưởng họ những công việc chuẩn bị đám tang. Ông trưởng họ về báo cho gia đình ghép áo quan, chuẩn bị lợn, gạo, lễ vật dâng cúng, và những công việc cụ thể cho đám tang. Quan tài của người Mường Kỳ Lão được ghép từ 5 ván gỗ dài, được chuẩn bị ngay từ khi người chết còn sống. Người Mường Kỳ Lão thường vào rừng tìm những cây gỗ lớn về xẻ sẵn thành 5 miếng ván, ngâm dưới bùn ao sau đó đưa lên phơi khô và cất cẩn thận đến khi trong gia đình có người mất sẽ ghép lại thành chiếc quan tài.

Sau đó, ông trưởng họ lại tiếp tục mang 6 miếng trầu và một “*be*” (chai) rượu sang mời thầy tới làm mo cho người chết. Thầy mo mở gói trầu và be rượu đặt lên bàn thờ cúng báo *ngũ vị thánh sư* (5 ông tổ nghề cúng bái). Ông mo khẩn xin các vị tổ sư đi theo giúp đỡ mình làm mo cho người chết: “*Con xin báo cáo các vị thánh tổ sư hôm nay là ngày... tháng... trong bản có người già yếu chết, con xin các vị thánh tổ sư về chứng giám và phù trợ cho con đi cứu nhân độ thế*” (Theo lời ông Đinh Văn Xiêm, thầy mo, 77 tuổi, bản Sau, xã Kỳ Phú). Trước khi đi, thầy mo không quên đem theo “*thuốc phép*” (loại thuốc bí truyền được làm từ các loại lá cây rừng, có tác dụng xua đuổi côn trùng và ngăn không cho thi thể thối rữa, bốc mùi) để làm phép cho người chết. Nếu người chết là những người có vai vế trong làng sẽ được ông *Thầy làng* cử 7 người tới đánh trống, *lệnh* (cồng), chiêng trong lễ làm ma, ngược lại những người bình thường chỉ được đánh *lệnh* trong lúc làm ma.

Thầy mo tới cửa nhà tang chủ rút gươm ra “*khoán chấn*” (tổng trùng, đuổi hết tà ma làm hại người chết). Ông rút gươm vạch xuống đất hai nhát hình chữ nhân, miệng hô thần chú “*trấn quỷ, trừ ma*”, sau đó giơ kiếm chống mạnh vào từng bậc cầu thang lên nhà với ý nghĩa xua đuổi tà ma đang lẫn khuất xung quanh nhà. Người nhà chuẩn bị mâm cúng với 6 miếng trầu, 5 chén rượu mời các vị tổ sư về chứng kiến cho thầy mo làm lễ.

2.2.2. *Khâm liệm*

Đây là nghi lễ quan trọng được chuẩn bị khá chu tất. Theo tục lệ của đồng bào, trong khi thầy cúng hành lễ, các con trai, con rể của người chết phải ngồi xổm, các con gái và con dâu phải để tóc xoã chứ không được vấn tóc hoặc đội khăn, chỉ sau khi đưa ma xong mới được vấn tóc lên.

Con cháu cắt đứt dây màn, thầy mo rút túi “*thuốc phép*” ra rắc khắp người và xung quanh chỗ người chết nằm với ý nghĩa xua đuổi không cho con trùng tới xâm hại xác chết. Thi thể người chết được bó lại bằng chiếu. Cùng lúc đó, thầy làm lễ cúng báo tổ tiên người chết và làm nghi lễ phát tang cho con cháu. Nếu là con trai, đầu đội mũ nùn chuối, áo xô trắng xỏ gấu dài tới chân, ở giữa buộc dây và đeo 12 đồng tiền xu ở ngang hông, tay chống gậy tre. Các cô con gái đầu đội *mũ quách* (mũ mào màu trắng), áo xô trắng xỏ gấu dài tới chân, các con rể cũng mặc tang phục như con gái nhưng đầu thắt khăn tang thả múi hai bên dài, bên ngắn.

Tiếp theo, người nhà chuyển chiếc quan tài đã ghép xong vào gian góc nhà và thầy mo tiến hành làm “*lễ phạt mộc*” (xua đuổi tà ma lần khuất xung quanh quan tài). Thầy mo một tay rút gươm chống mạnh vào bốn góc quan tài, tay kia cầm bó đuốc soi khắp quan tài, miệng hô thần chú: “*Dao Thầy có phép, dao thầy có đồng, thầy ép phương Đông, thầy ép phương Tây trấn quỷ, trừ ma, con ma trông thấy con ma phải chạy hết lên rừng*” (Theo lời kể ông Đinh Văn Nều 79 tuổi, thầy mo, bản Sau, Xã kỳ Phú).

Xong xuôi, thầy mo lại tiến hành “*khoán trống, khoán chiêng*” và hô thần chú: “*Đầu lông lộng, trống lông lộng, thần nào thấy phải tránh thật xa, ma nào thấy thì tránh khỏi, không cho ai tới chốn này*” (Theo lời kể ông Đinh Văn Nều 79 tuổi, thầy mo, bản Sau, Xã kỳ Phú). Lúc này, trống chiêng nổi lên, con cháu rắc gạo rang vào trong quan tài và khiêng xác đặt vào trong, đây nắp áo quan.

Sau đó, thầy mo làm lễ “*vải mát*” (lễ mát nhà) với ý nghĩa làm sạch nhà, sạch cửa, xua đuổi tà ma, ám khí ra khỏi ngôi nhà. Người nhà sẽ chuẩn bị mâm cúng gồm ba bát cơm, ba đĩa thịt luộc, ba chén rượu, ba đôi đũa, ba miếng trầu, một chậu nước và một cành lá tre. Thầy mo khăn mời ba vị thần gồm hai ông Tá và *nàng mụ Gia mát* (ba vị thần chuyên trông coi bếp núc); các vị thần ở ngoài sông biển về thụ hưởng lễ vật và làm sạch nhà cửa. Tiếp đó, thầy mo vừa hô thần chú vừa làm phép vào chậu nước, rồi nhúng cành tre vào chậu, vẩy vào các xó xỉnh khắp nhà với ý nghĩa dọn sạch nhà cửa. Riêng chậu nước phép không được đổ đi mà được cất cẩn thận vào góc nhà, để sau khi đưa người chết đi chôn cất xong, những người anh em, họ hàng, làng xóm sẽ quay trở lại nhà tang chủ lấy nước phép vẩy vào người, xua tan ám khí, tà ma trước khi về nhà.

2.2.3. Lễ giỗ phục hồn (cho hồn ăn cơm)

Đây cũng là một nghi thức quan trọng được chuẩn bị khá cẩn thận. Tùy vào người chết là đàn ông hay đàn bà người nhà sẽ chuẩn bị số mâm cúng khác nhau. Người Mường Kỳ Lão quan niệm “*đàn ông ba giỗ, đàn bà bốn giỗ*” và mỗi *giỗ* sẽ gồm bốn mâm cúng trong đó 3 mâm cúng cho các ông bà cách người chết 3 đời (từ ông tam đại trở lại) và một mâm cho người chết. Tang chủ sẽ giết thịt một con lợn khoảng 40 - 50kg làm lễ giỗ cho cha mẹ. Lễ vật mỗi mâm cúng ông bà tổ tiên sẽ gồm 2 đĩa thịt, 2 bát cơm, hai giá xôi, 2 con cá nướng (cá diếc), 2 miếng trầu, 2 chén rượu và hai đôi đũa. Riêng mâm cúng hồn người chết mỗi thứ chỉ có một: một đĩa xôi, một con cá, một đĩa thịt, ... Thầy mo khăn mời ông bà tổ tiên của người chết về hưởng lễ vật để đi chuộc hồn người chết ở trên Mường Trời. Người Mường Kỳ Lão quan niệm rằng khi sống con người làm nhiều điều xấu như giết thịt các loài động vật nên khi chết linh hồn bị cùm trói ở trên Mường Trời, bố mẹ người chết sẽ làm nhiệm vụ đi chuộc hồn người chết ở trên Mường Trời. Trong trường hợp mà

bố mẹ người chết vẫn còn sống thì ông bà nội sẽ đi chuộc thay. Vì vậy, ngoài các mâm giỗ người nhà còn phải chuẩn bị thêm một hòm đựng đầy *núi* (lúa) trắng, đỏ, vàng để làm lễ vật cho tổ tiên mang lên Mường Trời chuộc hồn người chết.

Thầy mo tay cầm chiếc đuă gỗ ba nhát vào bát và gọi vong hồn người chết về ăn cơm để chuẩn bị theo tổ tiên lên Mường Trời. Vừa khấn thầy mo vừa “*khất cảo*” xin thần linh trên trời khất số cho người chết. Dụng cụ “*khất cảo*” là một chiếc “*cảo*” [xem PL4, a.9, tr.119] bằng gỗ, thầy tung hai nửa thẻ tre tượng trưng cho âm dương, nếu *chàng* (lần) một mà hai thẻ tre đã nhất âm, nhất dương thì chứng tỏ người chết đúng số, ngược lại thầy mo phải tung hai, ba hay bốn chàng thì chứng tỏ người chết không đúng số hay bị chết oan.

Tiếp theo, thầy mo lại làm lễ “*giải trùng*” (cắt trùng) với mục đích làm trong sạch vong hồn, không bị tà ma ám ảnh, đặc biệt lễ giải trùng còn có ý nghĩa cắt mối liên hệ giữa người sống với người chết, hoặc cắt đứt bệnh tật truyền nhiễm cho con cháu để hồn về ngôi mộ cho yên, ngôi mả cho đẹp.

Để thực hiện nghi lễ này, người nhà sẽ chuẩn bị một cái thuyền bè (bằng giấy hay cây chuối), một cây chuối, mười hai đoạn dây mơ và một tờ giấy trắng cắt thành dây dài. Thầy mo làm lễ xong, người nhà mang thuyền bè thả trôi trên dòng suối với ý nghĩa tống táng hết sạch tà ma khỏi bám theo làm hại người chết và cả con cháu đang sống.

2.2.4. Lễ giỗ thế bữa tối (lễ cúng báo hiếu cha mẹ)

Đây cũng là một nghi lễ quan trọng và được chuẩn bị khá chu tất. Để thực hiện nghi lễ này, mỗi cô con gái sẽ để chuẩn bị một con lợn to chừng 20 - 25 kg, xôi, gà... làm cơm cúng báo hiếu cha (mẹ) và khoảng 5 - 6 mâm cơm canh, nấu ở nhà chồng rồi gồng gánh tới cúng cha (mẹ), thiết đãi gia đình, anh em, họ hàng. Đại diện nhà thông gia là ông *họ* (trưởng họ bên nhà trai), cũng

chuẩn bị 5 – 6 mâm “*com họ*” (com cúng thông gia) để làm lễ “*thế bữa tối*”. Sau khi thầy mo cúng gọi hồn người chết về thụ hưởng lễ vật, ông họ thực hiện nghi lễ “*phúng ke muộng*” (phúng thông gia), ông mặc quần áo tang màu trắng, đầu chít khăn tang, đội mâm cúng gồm một con gà luộc, một giá xôi, một coi trầu đến trước linh cữu người chết. Ông chấp tay trước trán, hú ba tiếng và lạy tám cái (bốn lạy thầy mo, bốn lạy gia tiên người mất). Thầy mo tiếp tục khấn báo tên tuổi người phúng viếng để ma người chết biết. Đại diện tang chủ là ông trưởng họ sẽ tiếp đón ông họ nhà thông gia. Sau lễ giỗ thế bữa tối, tang chủ làm com thiết đãi anh em, họ hàng, thông gia và cả làng xóm - những người giúp việc đám tang.

Tang lễ của người Mường Kỳ Lão xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình thường được tổ chức với nhiều nghi lễ liên tục theo trình tự nhất định, các nghi thức phúng viếng được đan xen trong quá trình thực hiện lễ tang. Lễ phúng viếng được thực hiện sau khi đưa người chết vào quan tài. Do quá trình thực hiện tang ma gồm rất nhiều lễ nghi phức tạp, phải tốn kém một khoản chi phí nhất định nên gia đình tang chủ rất cần sự giúp đỡ của mọi thành viên trong họ hàng và bà con thôn bản. Có thể nói, đám tang là sự kiện lớn, thể hiện tính cố kết dòng họ, cộng đồng tộc người. Khi nghe tin có người mất, bà con họ hàng, thông gia, dân bản đều hỏi thăm không ai bảo ai nhưng tất cả đều im lặng xen lẫn tiếng sụt xịt, không ai cười cợt với tâm niệm nghĩa tử là nghĩa tận, và có trách nhiệm giúp đỡ gia chủ gạo, rượu, lợn, tiền... để lo tang ma cho người xấu số.

Đến phúng viếng người chết, con cháu mỗi người mang một con gà luộc, một giá xôi, một be rượu và trầu cau, hương, tiền âm phủ đến viếng. Lễ vật của con cháu đến phúng viếng được ông thầy mo cúng báo với ma người chết rõ ràng từng thứ và họ tên tuổi, con cháu nhà ai, ở đâu. Những nghi thức phúng viếng của bạn bè, bà con dân bản, hàng xóm láng giềng và

những người quen biết nhưng không thuộc anh em họ tộc với người đã chết được coi là lễ phúng viếng thông thường. Lúc đi, họ thường mang theo các lễ vật như: một số chai rượu, một ít gạo, hoặc là ngô, một bó củi... Ngày nay, đồng bào thường hay đưa tiền mặt hoặc vừa tiền mặt cộng với các lễ vật như trên đến nhà tang chủ để viếng người chết và cũng là để giúp đỡ cho gia chủ. Tuy nhiên, việc phúng viếng tùy thuộc vào điều kiện và khả năng của mỗi người.

Các lễ vật này thường được trao cho một tổ thư ký do gia đình sắp xếp, những người này chủ yếu là người thân thiết trong gia đình có khả năng ứng biến, chu đáo, hoạt bát thực hiện nhiệm vụ ghi lại tên, tuổi, địa chỉ và các lễ vật của người đến viếng một mặt vừa để thể hiện sự ân cần, đón tiếp chu đáo với khách, một mặt khác việc ghi chép này còn với mục đích để tang chủ ghi nhớ và đáp lễ sau này.

Mỗi khi có khách hay đoàn khách đến phúng viếng, gia chủ và con cháu của người chết phải quỳ lạy khóc bên quan tài, sau khi khách làm lễ viếng xong thì mọi người phải cúi chào để tỏ lòng cảm ơn các khách viếng đã đến chia buồn với tang quyến. Tang chủ phải tới từng người lạy ba lạy để tạ ơn bà con đã đến thăm viếng và giúp đỡ mình.

Bà con xóm làng tự nguyện đến giúp tang gia những công việc hậu cần, phụ trợ những công việc mà gia chủ đã nhờ, chuẩn bị các dụng cụ làm bếp, chuẩn bị chỗ nấu nướng, dựng rạp, phục vụ thầy cúng, xay giã (sát) gạo, thổi cơm, gánh nước, thịt lợn, chuẩn bị quan tài, làm nhà táng, làm cáng, đào huyệt, khiêng quan tài, lấp huyệt, đến việc giúp gia đình lợn, gà... cho gia chủ và bên cạnh đó động viên, chia sẻ nỗi đau thương với các thành viên trong gia đình có người mất. Trong số những người tới giúp, đại đa số họ sẽ ăn uống cùng gia đình và giúp gia đình cho tới khi việc chôn cất diễn ra kết thúc.

2.2.5. Lễ mo

Đây là một nghi lễ vô cùng quan trọng trong đám tang của người Mường Kỳ Lão. Trước khi bắt đầu nghi lễ quan trọng này, thầy mo trở về nhà mang theo 2 gói trầu mỗi gói gồm 6 miếng trầu, hai *be* (chai) rượu, và một số lễ vật do tang chủ kính biểu làm lễ báo với tổ tiên là đã cúng xong cho người mất và có lộc về báo cáo gia tiên. Trước khi quay trở lại gia đình tang chủ làm mo cho người chết ông mo lại đặt một gói trầu gồm sáu miếng trầu và một *be* rượu do ông trưởng họ mang sang khăn vái mời các vị tổ sư sang nhà tang chủ chứng kiến thầy làm mo cho người chết.

Nghi lễ mo sẽ kéo dài từ một đến ba đêm tùy vào hoàn cảnh kinh tế của mỗi gia đình, thực chất của nghi lễ làm mo là thầy mo hướng dẫn vong hồn người chết lên Mường Trời xin chuộc hồn, về thăm lại nơi chôn rau cắt rốn, nhà cửa, xóm làng, người thân, sau đó đưa người chết trở về nhà ăn cơm bữa cuối, chia tay con cháu và về Mường ma ở hẳn với tổ tiên ông bà.

Bắt đầu nghi lễ làm mo, thầy “*cúng chuộc hồn*” người chết, nghĩa là đưa vong hồn người chết lên Mường Trời “*xin đuông chuộc số*” (xin kiếp, chuộc số), lễ vật là một mâm cơm canh gồm ba cơm, ba thịt, ba canh, ba cá nướng, ba trầu, ba rượu, ba bát, ba đĩa. Thầy mo khăn lạy xin thần linh cho cha mẹ hoặc ông bà nội của người chết lên Mường Trời chuộc linh hồn người chết và xin tài, xin kiếp, chuộc số, xin lộc cho người chết; để về thế giới Mường ma sống cuộc sống hạnh phúc; để “*đưa hồn về ngôi mộ cho yên, ngôi mả cho đẹp*”. Nội dung lời khấn như sau: “*Hôm nay là ngày này tháng này ở bản Sau thôn, Kỳ Phú xã, Nho Quan huyện, Ninh Bình tỉnh, có ông Đinh Văn A chết trường chà, già trường chiếu, liễu chân tay, còn mắc linh hồn ở nhà quan Nam Tào, Bắc Đẩu. Hôm nay cho ông Đinh Văn B (bồ đề của ông A) lên chuộc người chết về. Nghĩa là: Hôm nay là ngày... tháng..., tại đây có ông Đinh Văn A ốm đau, già yếu mà chết, còn mắc linh hồn ở nhà ông quan Nam*

Tào, Bắc Đẩu. Hôm nay, cho ông Đinh Văn B là bố để lên chuộc hồn về” (Trích theo lời kể thầy mo Đinh Văn Xiêm, 77 tuổi, bản Sau, xã Kỳ Phú).

Theo chỉ đạo của ông mo chiêng, trống nổi lên *đánh giăng độn đường* cho ma (linh hồn người chết) đi. Con đường từ nhà lên Mường Trời rất dài và khó khăn vất vả: *“Từ cây si 4 trà, cây đa bốn chồi, lên cái Mường Ma Lơi trên trời, lên cho đến nhà ông quan Nam Tào, Bắc Đẩu, ông quan cầm sổ cổ thiết, vào trong đã tỏ, vào ngõ đã thấy linh hồn ông Đinh Văn A ở trong nhà ông quan Kem, còn mặc cái chân cùm cà khăng, chân lẳng cà khách ở cửa nhà Vua. Xin khát âm dương là một hết số, xin cho ông A ra về, về nhà cho ăn ba cơm, ba rượu là xong. Ăn xong là giải trùng. Nghĩa là: Từ cây si 4 cành, cây đa 4 ngọn, lên cái Mường Trời, lên nhà ông quan Nam Tào, Bắc Đẩu, ông quan cầm sổ chấm sinh tử, vào trong đã thấy rõ linh hồn ông A còn mặc cùm chổi ở nhà ông quan Kem. Xin một đài âm dương cho người chết hết số để chuộc hồn ra về, về nhà cho ăn 3 cơm, ba rượu rồi giải trùng cho mồ yên, mả đẹp”* (Trích theo lời kể ông Đinh Văn Xiêm, thầy mo, 77 tuổi, bản Sau, xã Kỳ Phú).

Sau khi vong hồn được chuộc về tới nhà, ông mo lại dẫn vong hồn đi thăm nơi chôn rau cắt rốn, mồ mả tổ tiên, nội ngoại người chết, thăm lại đất nước, xóm Mường, thung lũng, núi đồi, nhà cửa, và những khung cảnh quen thuộc khi người còn sống. Thầy mo lại tiếp tục mo *“để đất để nước”*, kể về sự tích hình thành vũ trụ, vạn vật và con người, rồi ông cũng mo kể lại lai lịch, tiểu sử cuộc đời của người chết, khuyên can người chết yên tâm về mường ma sống cuộc sống sung túc và phù hộ cho con cháu, không lưu luyến hay quay về làm hại con cháu. Kết thúc lễ mo, thầy làm lễ *“đạp cối”* (xuống ghè).

Theo tục lệ của đồng bào Mường Kỳ Lão, sau đêm làm mo sáng ngày hôm sau, nếu người chết được giờ đưa ma thì tang chủ sẽ giết thịt một con lợn khoảng 40 – 50 kg làm lễ *giỗ thế bữa* sáng và làm cỗ thiết đãi anh em, xóm làng trước khi đưa người chết đi chôn. Trường hợp người chết không được

giờ chôn cất hoặc chết trùng, thi hài sẽ được quan trong nhà từ 3 – 4 ngày mới được đi chôn. Trong suốt thời gian đó, tang chủ phải làm giỗ thể bữa 2 lần một ngày cho tới khi đưa ma.

2.2.6. Lễ đưa ma và chôn cất

Đến giờ đưa ma, chiêng, trống nổi lên, người con trai trưởng lấy một bát com, canh và một chén rượu, một miếng trầu mở nắp quan tài, đổ vào trong quan tài, miệng khấn: “*Con cho bố (mẹ) ăn com, uống rượu, ăn trầu*”. Cúng xong gia đình thực hiện nghi lễ chia tài sản cho người chết trước khi đi chôn cất.

Theo tập quán của đồng bào, trước khi khiêng người chết ra huyệt, gia đình làm lễ chia tài sản cho người chết với ngụ ý để người chết có đủ những thứ thiết yếu sử dụng hàng ngày và lao động sản xuất ở thế giới bên kia như: bát, đĩa, chén, com, rượu, dao, cuốc, ... Tất cả những tài sản được chia cho người chết phải làm hư hoặc sút mẻ, vì họ quan niệm rằng thế giới âm ngược với dương gian, khi gửi về âm phủ lại là đồ lành lặn. Tất cả của cải của người chết được chia, họ đem theo khi đưa ma.

Bản chất của lễ chia tài sản là gắn liền với bản chất của việc tạo cho người chết những vật dụng cần thiết. Nhà dân tộc học Tokarev S A đã phân tích bản chất của hiện tượng trên:

Lúc ban đầu vì hoàn toàn không ràng buộc bởi những hiện tượng rõ rệt nào, cho dù là biểu tượng mê tín; người ta vứt lên xác người chết hoặc là vứt vào lửa hỏa táng các vật dụng của người chết đó chỉ là do cơn xúc động mà cái chết của kẻ thân thuộc đã gây ra. Sau đó những hành động ấy được phong tục củng cố và bắt buộc (điều đó có thể không loại trừ sự thể hiện một tình cảm chân thật. Về sau người ta bắt đầu giải thích những hiện tượng đó theo tinh thần qua những biểu hiện tôn giáo đã phát triển: người chết đòi các vật của họ, họ cũng cần ăn, uống, vũ khí và đồ dùng như người sống [24, tr158].

Trong khi diễn ra lễ chia tài sản, tất cả con cháu ngồi quì trước quan tài đặt ở gian góc nhà, thầy mo một tay cầm con gà sống, một tay quảy cành dâu, trên vai vác một chiếc đòn gánh buộc quần áo và tài sản chia cho người chết, miệng niệm thần chú gọi hồn vía người sống ở lại nhập vào cành dâu, ngăn không cho đi theo ma ra đồng. Sau nghi lễ này, tất cả con cháu đứng dậy chuẩn bị đưa người chết ra mồ.

- *Lễ đưa ma*

Đến giờ đã định, thầy mo cho khiêng “*Cóc Kây*” (quan tài) ra qua cửa voóng, các con trai xếp theo thứ tự quỳ phục độn đường. Có 4 người khiêng quan tài là những người dân trong bản được tang chủ mời từ hôm trước. Quan tài được kẹp trên hai đoạn cây bương to, dài hơn quan tài để khiêng hai đầu, mỗi đầu hai người. Trước kia, nếu người chết là nhà giàu, tang chủ sẽ cho người đục rỗng các cây đòn khiêng quan tài và nhét đầy tiền xu vào đòn khiêng thật nặng, quan tài đi càng chậm càng tốt. Gia chủ cũng có thể đặt lên trên quan tài một cốc nước đầy, nếu phu khiêng quan đi chậm không lảng nước từ cốc ra, tang chủ sẽ thưởng người khiêng quan thật hậu hĩnh. Cũng có trường hợp người chết là nhà nghèo, con cháu không có điều kiện làm mo, hay sắm quan tài mà chỉ bó chiếu hoặc quấn một tấm liếp đan bằng che rồi đem đi chôn.

Trên đường đi từ nhà đến mộ, con trai cả chống gậy tre đi trước “*cha tiến mẹ lùi*”, đầu đội mũ nùn chuối, dáng đi cúi khom, đôi lúc lại dừng lại vái lạy bố (mẹ); kế tiếp là những người khiêng quan tài; đi theo sau là các con cháu trong nhà, con dâu và con rể, mỗi người tay cầm nén hương và ít giấy bản, đi đến đâu thả giấy bản đến đó với ngụ ý “bắc cầu” cho bố (mẹ) đi, đồng thời thắp hương với ngụ ý “trình báo” cho thổ thần biết và xin đường cho người chết đi về thế giới bên kia; tiếp theo là bà con dân làng và đi sau cùng là thầy mo tay cầm gươm, vừa đi vừa khoán trấn ma quỷ không cho theo hại người chết. Trên

đường đi, thỉnh thoảng người ta đánh 3 tiếng trống, 3 tiếng chiêng cho đến tận huyết và không được nghỉ ngơi. Tiếng trống, tiếng chiêng có ý nghĩa là tiễn đưa linh hồn người chết đi về nơi an nghỉ với tổ tiên. Họ đưa người chết đi thẳng từ nhà đến nơi chôn cất, chứ không có tục nghỉ dọc đường như vẫn thường quan sát thấy ở các nhóm người Mường khác cùng địa phương.

Đến nơi đã định, con cháu và anh em trong gia đình dừng lại ở cầu *Bén Pheo* (gần nghĩa địa) bà con dân làng tiếp tục đưa người chết đi chôn xong rồi cùng về nhà.

- *Chôn cất người chết*

Người người Mường Kỳ Lão có tập quán mai táng, sau khi đã chọn được ngày và giờ tốt, gia đình cử hai người (thường là người trong bản) đi đào huyết. Theo lời kể của các thông tin viên và qua quan sát của chúng tôi, *đống* (nghĩa địa) của người Mường Kỳ Lão là: nơi có địa thế cao, thoáng và cách xa làng; không nằm ở khu rừng đầu nguồn nơi cung cấp nước ăn hoặc nước tưới tiêu cho dân làng, không đặt mộ trong nương rẫy và vùng đất đã có chủ khác quản lý, mộ người chết sau tuyệt đối không đặt ở phía trên mộ người chết trước. Nơi chôn cất thường ở các sườn đồi, trong thung lũng, nơi đó phải đảm bảo không bị sụt lở, không bị ngập nước khi mưa lũ. Đất được chọn đào huyết thường là những nơi nhìn được xa, phía trước không vướng nhà cửa. Đồng bào cho rằng như vậy con cháu sẽ được mạnh khỏe làm ăn khá. Để đảm bảo được các yêu cầu trên, đồng bào thường mời thầy cúng xem và làm lễ chọn đất đào huyết.

Thầy mo đặt dọc cán mai theo hướng đã định, khấn xin "*khất cáo*", nêu một âm, một dương chứng tỏ người chết đồng ý nằm ở chỗ đó và ngược lại phải đặt xin chỗ khác nếu người chết không đồng ý. Sau khi người chết đồng ý, thầy mo lấy hai cai *cọc chuôn* (cọc đánh dấu điểm đầu và cuối của huyết) cắm vào điểm đầu và điểm cuối của cán mai.

Theo quan niệm của đồng bào, đặt đầu người chết về phía đôi (dù hướng nào) để đầu gối đất, chân đạp nước. *Hú* (huyệt) được đào rộng vừa chiếc quan tài, độ sâu của huyệt thường là 1m đến 1, 5m, nếu sâu hơn càng tốt còn chiều rộng tùy thuộc vào kích cỡ của quan tài lớn hay nhỏ. Vì họ cho rằng nếu chôn cất người chết nông sẽ bị các con thú đến đào bới ăn, hoặc bị nước lũ cuốn trôi mất.

Khi khiêng quan tài người chết đến địa điểm mai táng, trước khi cho quan tài xuống “*hú*” (huyệt), thầy cúng đứng ở phía đầu quan tài (phía đầu người chết) để gọi hồn của người sống ở lại, không theo xuống huyệt với người chết đi về thế giới bên kia. Ông thầy cúng báo cáo và đốt tiền âm phủ gửi cho thổ thần, thổ địa, các thần ma cai quản vùng đất đó biết là người chết toại nguyện được làm nhà ở nơi này và canh giữ không cho đám ma ác bắt ma người chết. Tiếp đến, những người lắp mộ dùng 2 dây thừng, đỡ hai đầu quan tài và từ từ cho quan tài xuống huyệt, những người giúp tang chủ lắp huyệt, đó là hành động tỏ ý xây dựng nhà cho người quá cố sang thế giới bên kia được may mắn. Sau khi kéo dây lên, người ta đắp mộ cao chừng 1m, họ đặt vuông đất (khi chọn đất đã để riêng một chỗ) lên giữa mộ và thắp hương ở đó. Xung quanh mộ, có thể đào rãnh nhỏ hai bên, dưới chân mộ để cơm, nước, bát, đĩa, rượu và thắp 3 nén hương cắm trước cửa mộ và tất cả những tài sản được chia cho người chết. Trong lúc, những người giúp việc đắp mộ, thầy mo xách một gói trầu và be rượu đến trình ông thần linh, thổ địa, ông cửa mả, ngả đồng. Theo ông Đinh Văn Nều (79 tuổi, thầy mo, bản Sau, Xã kỳ Phú): “*Hôm nay thấy có vong hồn ông Đinh Văn A, tôi trình cho ông A vào thôn ma, để cho ngôi mồ yên, ngôi mả đẹp, cho yên ma, lành hồn...*”.

Khác với các dân tộc khác, người Mường Kỳ Lão không bao giờ cải mộ, họ quan niệm rằng cải mộ là phạm vào tổ tiên, bị tổ tiên quở trách khiến

con cháu gặp phải những điều không may mắn trong cuộc sống, như sức khỏe yếu, không làm ăn kinh tế được...

Những người đi tiễn trước khi ra về đều đi vòng quanh mộ từ phải sang trái (nếu người chết là nam) và đi từ trái sang phải (nếu người chết là nữ). Sau khi thầy cúng gọi hồn tất cả những người đi đưa ma hôm đó về, đoàn người bắt đầu trở về nhà, vẫn đi theo một con đường như lúc đưa ma. Theo tập quán, người ta đi thẳng về nhà tang chủ, kiêng không ngoái lại phía sau vì sợ rằng hồn của người sống sẽ đi theo người chết về thế giới bên kia. Những người đi đưa ma trở về nhà tang chủ chỉ được phép vào nhà sau khi đã vẩy nước phép xua sạch ám khí từ chậu nước phép do thầy mo đã phù phép sẵn phía ngoài cổng.

Tang chủ dọn bữa cơm thân mật cảm ơn anh em họ hàng, hàng xóm, láng giềng đã đến giúp đỡ gia đình làm ma cho người chết. Người Mường Kỳ Lão không có tục cúng cơm hay lập bát nhang thờ cúng người chết như đồng bào Mường ở khu vực xung quanh.

2.2.7. Các nghi thức sau khi chôn cất

- Để tang

Người Mường Kỳ Lão cũng như các dân tộc khác, có tục để tang cho người chết, con cái hay vợ chồng để tang 3 năm, anh em họ hàng để tang 3 tháng 10 ngày, hàng xóm để tang 3 ngày. Đối với người Mường Kỳ Lão, khi có người thân ra đi con cháu phải quần khăn tang trắng trên đầu. Khăn tang rộng hay hẹp, dài hay ngắn là tùy thuộc vào sự chuẩn bị của từng gia đình, thường dài 1,5 m - 2 m và rộng 0,4 m. Trường hợp cả bố và mẹ đều không còn nữa thì khi đội khăn phải để hai đầu khăn xoắn xuống lưng bằng nhau; nếu bố hoặc mẹ còn sống thì phải để hai đầu khăn lệch nhau: đầu dài hơn tượng trưng cho người còn sống và cầu mong sẽ sống lâu hơn nữa, còn đầu

ngắn biểu hiện người đã qua đời. Các con cháu đội khăn tang liên tục ba ngày làm ma và chỉ được phép cởi khăn sau khi đã làm ma xong. Tập quán của đồng bào qui định không sử dụng khăn tang vào bất cứ việc gì, giữ lại để trong nhà sau khi mãn tang. Theo tục lệ để tang người chết của người Mường Kỳ Lão, thì chỉ áp dụng trong ba ngày tại nhà có đám, theo đó con rể đã đổi theo họ vợ, nhập ma vào họ vợ (rể đời) thì mới được mặc áo tang và đội mũ tang màu trắng; con rể bình thường thì thường chỉ đội khăn trắng; con gái đã đi lấy chồng, nhập ma vào họ của chồng và các con gái của người chết chưa đi lấy chồng có thể đội một chiếc khăn tang màu trắng hoặc chỉ được một miếng vải tang; tất cả các cháu kể cả cháu đích tôn, anh em họ hàng gần xa, bạn bè kết nghĩa, các người giúp việc... mỗi người chỉ có một miếng vải tang nhỏ màu trắng.

- Kiêng kỵ trong tang ma

Vào những ngày có đám, những người trong dòng họ có người mất kiêng tổ chức các hoạt động vui chơi, ca hát; các gia đình trong dòng họ không tiến hành các công việc như gieo trồng, mở đầu thu hoạch ngô, lúa ... để tỏ lòng tôn kính người đã khuất, để chia sẻ nỗi đau thương mất mát với gia đình có đám. Những người đang chuẩn bị các công việc hệ trọng như sắp làm lễ tế thần linh, đi đưa đón dâu... kiêng không đến nhà đang có lễ ma chay. Họ sợ rằng ma của người chết sẽ ám ảnh và gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện các nghi lễ hệ trọng.

Tại nhà gia đình có người chết phải kiêng kỵ nghiêm ngặt. Trong những ngày đội tang, con trai con gái không được ngồi chung một ghế, không nô đùa và trêu ghẹo nhau, không cãi cọ, đánh mắng nhau, không ca hát nhảy múa, ăn mặc đẹp. Vì họ quan niệm rằng trong những ngày làm ma chay, trai gái nô đùa, hoặc chửi bới nhau là không tôn trọng người chết, có tình gieo rắc những điều không tốt cho tổ tiên, thần linh và người chết, điều

đó khiến cho người chết, tổ tiên, thần, ma phật ý, sẽ gây tai họa cho con cháu về sau này.

Sau khi đã tiễn đưa người chết về nơi an nghỉ cuối cùng, các con cháu trong gia đình cũng phải tuân thủ một số kiêng cử nhất định trong phạm vi một tháng: phụ nữ không đeo vòng và hoa tai, không may vá và thêu thùa trong 3 ngày làm ma, còn nam giới kiêng đi săn bắt thú.

Ngoài những kiêng kỵ của người thân, anh em họ hàng của người chết trong tang ma, còn có những điều kiêng kỵ đối với thầy cúng trong suốt quá trình thực hiện các nghi lễ làm ma. Đầu tiên các thầy phải vệ sinh thân thể sạch sẽ, không được quan hệ vợ chồng để đảm bảo sự thanh khiết trước thánh thần và ma người chết. Trước khi đi làm lễ ma chay phải chọn giờ tốt để xuất hành, đọc thần chú hộ mệnh, làm thủ tục cúng ma tổ tiên, cúng ma tổ sư của nghề cúng bái, vừa là để xin tổ tiên giúp đỡ khi làm lễ được thông minh tỉnh táo và không nhầm lẫn. Thứ hai phải chuẩn bị đầy đủ y phục hành lễ gồm: khăn, mũ, xiêm (áo), quần, tiếp đến là các dụng cụ để thực hiện trong nghi lễ như: gươm, quách lông gánh giánh lông công, thẻ xin âm dương, chuông Lạc... [xem PL.4, a9, 10, 11, tr.119-120].

- Lễ cúng 100 ngày

Sau khi chôn cất xong, người Mường Kỳ Lão không có tục lệ lập ban thờ mà chỉ làm lễ cúng “*bách nhật*” (100 ngày) với ý nghĩa đoạn tang cho anh em họ hàng. Con cháu trong gia đình, anh em, họ hàng làm cơm cúng cha (mẹ) gồm có thịt, xôi, cá nướng (không dùng cá mè) và mời thầy mo tới cúng. Trong lễ cúng bách nhật ông họ nhà thông gia cũng làm một mâm cúng gồm gà, xôi, thịt... tới phúng “*ke muộng*”. Sau khi cúng lễ xong, tang chủ mời ông họ ở lại thiết đãi cỗ bàn và biếu lại bên gia đình thông gia một mâm cơm có xôi, gà, thịt và 12 đồng tiền thể hiện lòng cảm ơn gia đình thông gia đã đến chia buồn cùng gia đình. Đặc biệt, trong lễ cúng bách

nhật, thầy mo có đem một chiếc lược cho tất cả anh em, họ hàng người mất chải tóc trước khi ra về với ý nghĩa “*đoạn tang*” chấm dứt việc đầu tang tóc rồi. Sau lễ cúng *bách nhật* con cháu chỉ làm giỗ hàng năm chứ không thực hiện bất cứ nghi lễ gì khác, người Mường Kỳ Lão không có tục thay mả mà sau ba năm mãn tang gia đình sẽ đào mả người chết lên, bật nắp ván thiên ra cho vào đó một vài mảnh lụa và mấy bộ quần áo rồi đập nắp lại chôn vĩnh viễn.

2.3. Các nghi thức tang ma đối với người chết không bình thường

Người Mường Kỳ Lão quan niệm rằng, những người không bị ốm đau mà chết như: bị rắn cắn, cây đổ, ngã núi, ngã rừng hay chết đuối, chết tai nạn, chết trận... đều được coi là *chết dữ, do ma dữ làm hại*. Vì vậy, những người đó không được đưa về làm mo làm ma ở nhà mà phải mang ra *bến Pheo* (nơi quy định ở nghĩa địa) làm lễ *kẹ (tống trùng và nhập xác)* sau đó đem chôn ngay tại đó. Mục đích của việc làm *kẹ* là giải trùng, không cho tà ma về ám hại người sống, gọi hồn người chết nhập xác. Để chuẩn bị cho lễ *kẹ* gia đình phải lập một cái đàn gồm 2 tầng bằng tre nứa ở *đống (nghĩa địa)* và mời thầy mo đến cúng. Lễ vật bắt buộc phải có trong lễ *kẹ* là gà (trắng hoặc đen) còn sống và số lượng phải tùy vào lúc thầy mo làm lễ, 11 mâm cúng gồm xôi, thịt, cá, hương, tiền âm phủ... Thầy mo bày biện lễ vật và khấn mời các nhân vật tầng trên như Phật Thượng Đẳng; quan Nam Tào – Bắc Đẩu hay còn gọi là *quan cầm sổ cổ thiết* (nhân vật chỉ hết sổ trên trời) và tầng dưới như quan Thần Kỳ Tăng Cảnh (thành hoàng làng); Thần Kỳ Thổ công (thần thổ địa); Đức chúa Sơn Lâm (quan cai quản vùng rừng); Hà Bá Thủy quan (quan cai quản vùng nước); Đức chúa Cửu thiên (các vị quan trên 9 tầng trời); Thần oan – Thần oán; Lít cửu thiên (ma trên trời); Lít cửu trùng (ma dưới đất); gia tiên người chết. Các thần trên trời, ma dưới đất được mời về thụ hưởng lễ vật và chứng giám cho việc người

chết bị oan hết số. Tiếp theo, thầy mo lấy một con gà sống (trắng hoặc đen) xuyên qua đầu chiếc que nửa (một đầu đang chôn dưới đất) và dùng tay bẻ gãy xương đùi con gà để bói (còn gọi là *bói giò*). Nếu một con gà vẫn chưa bói được thì phải thay con khác cho tới khi được mới thôi. Mục đích của việc lấy que nửa xuyên qua cổ con gà là để con gà hình nhân thế mạng cho người chết, để cho trùng (ma ác) không quay về làm hại ma người chết và người sống.

Sau khi lễ xong, người nhà cho chôn thi hài ngay tại chỗ kẻ, con cháu về nhà làm một mâm cơm canh cúng vong hồn người chết là xong.

Theo tục lệ của người Mường Kỳ Lão, những người chết dưới 12 tuổi (chết non) thì mọi nghi thức tang lễ sẽ tổ chức giống người bình thường nhưng không có nghi lễ làm mo. Hay những trường hợp chết do bệnh truyền nhiễm hoặc vì một lí do nào đó phải chôn ngay thì sau nghi lễ làm giỗ người nhà sẽ đưa đi chôn ngay và tới ngày cúng bách nhật sẽ tổ chức làm mo sau.

2.4. So sánh tang ma của người Mường Kỳ Lão với các nhóm Mường khác tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

2.4.1. Sự tương đồng

Về cơ bản, các nghi thức trong tang ma của người Mường Kỳ Lão và các nhóm người Mường ở xã Kỳ Phú nói riêng và huyện Nho Quan nói chung đều diễn ra theo một diễn trình nhất định. Xuất phát từ quan niệm về hồn và vía, về vũ trụ quan, về thế giới của người sống và người chết (ma) nên các nghi thức làm ma cho người chết từ khi tắt thở tới lúc chôn cất đều tuân theo một sơ đồ sau: “*Người ốm tắt thở → Tắm rửa, thay quần áo mới → Làm lễ phật mộc, gọi vong hồn người chết nhập quan tài → Cúng cơm cho người chết; giải trùng → Làm mo → Đưa ma và chôn cất*”.

Nói chung, lễ vật dâng cúng cũng như lễ vật tổ chức làm ma cho người chết đều không thể thiếu lợn, gà, rượu, gạo... và nhân vật không thể thiếu được trong bất cứ đám ma nào đó chính là thầy mo, người có am hiểu sâu sắc phong tục tập quán, những lễ nghi của dân tộc và là người có khả năng giao tiếp với các thế lực siêu nhiên, hướng dẫn con người những cách thức ứng xử với các thế lực siêu nhiên sao cho phù hợp với đạo lý, truyền thống văn hóa dân tộc và quy luật của cuộc sống. Đặc biệt, trong đám tang thầy mo là người có khả năng thông thạo những áng mo dài và là người hướng dẫn cho linh hồn người chết về với tổ tiên ở Mường ma.

Cả người Mường Kỳ Lão và người Mường nói chung ở Nho Quan đều có tục để tang ba năm đối với con cháu ruột thịt, riêng họ hàng để tang ba tháng mười ngày. Đồng bào tổ chức cúng *bách nhật* (cúng 100 ngày) để mở cửa mả và mãn tang cho anh em họ hàng.

Đối với những trường hợp chết bất đắc kỳ tử (chết dữ) thì đồng bào đều tiến hành làm *lễ kẹ* tuy nhiên lễ vật và cách thức tiến hành lại hoàn toàn khác nhau. Những trường hợp chết trẻ dưới 12 tuổi trở xuống đồng bào Mường ở đây đều không làm ma mà chỉ cúng cơm rồi đưa đi chôn.

2.4.2. Sự khác biệt

Mặc dù có nhiều đặc điểm tương đồng trong cách thức tiến hành các nghi thức tang ma giữa người Mường Kỳ Lão và các nhóm Mường khác ở xã Kỳ Phú nói riêng và huyện Nho Quan nói chung nhưng các nghi lễ tiến hành của người Mường Kỳ Lão lại có sự khác biệt khá lớn được thể hiện ở từng giai đoạn từ trang phục để tang cho tới lễ vật dâng cúng, cách tiến hành làm ma... Cụ thể ở từng giai đoạn sau:

- Đối với nghi lễ phát tang

Với các nhóm Mường khác ở huyện Nho Quan nói chung, sau khi cha (mẹ), người thân trong gia đình mất, con cháu không khóc ngay mà phải làm

lễ tắm rửa, thay quần áo cho người chết. Người con trai trưởng sẽ đeo dao đi tới *voóng tông* (cửa sổ voóng) chặt ba nhát vào đó. Người ta sẽ đánh ba tiếng cồng (nếu là quan lang nổ ba phát súng) để báo hiệu cho anh em, họ hàng và làng bản biết gia đình có tang. Tuy nhiên, người Mường Kỳ Lão lại không được đánh trống hay cồng chiêng trước khi thầy mo được mời tới. Người con trai trưởng phải mời nhà ông trưởng họ đứng ra chỉ đạo việc tổ chức tang ma cho cha (mẹ). Ông trưởng họ sẽ cho người đi thông báo với anh em họ hàng, làng xóm xung quanh tới tổ chức tang lễ cho người chết.

- Các nghi lễ trước khi khâm liệm

Với người Mường Kỳ Lão sau khi tắm rửa và mặc quần áo cho người chết, con cháu bỏ gạo vào miệng để người chết để cho người chết không bị đói khi về Mường ma. Tuy nhiên, với các nhóm Mường, thực hiện nghi lễ phạm hàm bằng cách cho vào miệng người chết một vài đồng tiền (ngày nay là một lá vàng dát mỏng) và một miếng trầu làm lộ phí cho vong hồn người chết đi đường.

Người Mường Kỳ Lão quan niệm rằng khi cha mẹ mất, mọi việc tổ chức tang lễ đều do ông trưởng họ một tay đứng ra lo liệu, từ việc đón thầy mo tới làm mo, làm ma cho người chết cũng phải là ông trưởng họ. Với các nhóm Mường khác ở Nho Quan thì người con trai trưởng sẽ đích thân đứng ra lo liệu mọi việc cho cha (mẹ) và đi mời thầy mo cũng là do người con trai trưởng tiến hành.

- Nghi lễ khâm liệm

Với người Mường Kỳ Lão, sau khi thầy mo được mời tới cửa nhà tang chủ, ông mo sẽ làm lễ *khoán trùng* (xua đuổi tà ma) và bỏ thuốc phép vào xác người chết, làm lễ phạt mộc và gọi hồn người chết nhập quan. Sau đó, tang chủ tiến hành một loạt các nghi lễ như lễ *giỗ phục hồn* và *giải trùng, thế bữa*

tối (do các cô con gái chuẩn bị), *lễ làm mo*, và cuối cùng là *lễ thế bữa sáng* trước khi đưa ma đi chôn cất.

Riêng ở các nhóm Mường khác tại địa phương lại không tiến hành như vậy. Sau khi thầy mo tới nhà, ông tiến hành làm *lễ nam vong* (gọi hồn) *cây khăng (quan tài) si sai (hồn)* ” nghĩa là gọi hồn người chết nhập vào quan tài. Một tay cầm gương, một tay cầm bó hương, ông mo hơ qua hơ lại trong chiếc quan tài độc mộc, rồi gọi hồn người chết nhập vào quan tài và ngăn không cho vía người sống đi theo. Tùy theo dòng họ người Mường ở đây sẽ để *cây khăng* (quan tài) ngang hay dọc nhà. Trên đầu quan tài có đặt bát hương và một bát cơm quả trứng có cắm một đôi đũa. Tiếp theo, thầy mo làm *lễ phát phục* (phát quần áo tang cho con, cháu trong gia đình) gia đình tang chủ sẽ chuẩn bị 5 mâm cúng ông bà tổ tiên nội ngoại người mất, một mâm cho các vị tổ sư thầy mo (được thầy mo mời tới để đưa hồn người chết lên Mường Trời) và một mâm cúng cho người mất. Lễ vật cho mỗi mâm cúng là xôi, thịt, gà, trâu, rượu, tiền âm, tiền trần. Người Mường gọi đây là *bữa cúng phát phục* hay bữa phát phục. Sau đó, thầy mo lại tiến hành nghi lễ “*kẹ thuốc, kệ lá*” (chữa lành bệnh cho vong hồn người chết). Gia đình tang chủ chuẩn bị một mâm cúng gồm xôi, thịt, gà, trâu cau, rượu, hai cái bát, hai chén, hai đôi đũa và một bát nước vôi, trên có cắm một ngọn cành tre và một hình nộm kết bằng rơm tượng trưng cho thân xác người chết. Ông mo khấn mời “*Cun Lang – Chàng kệ*” (hai nhân vật chuyên chữa bệnh cho người chết ở Mường Trời) xuống chữa lành bệnh cho vong người chết. Người Mường ở đây quan niệm rằng, người chết là do có bệnh tật trong người (có thể là trong nội tạng hoặc ngoài cơ thể như gãy chân, tay hay đau ở mắt, mũi...). Vì vậy, trước khi về Mường ma phải được chữa lành bệnh để cho “*người lành như cũ, để ma lành bệnh, để cơm được nhá (ăn), cá được ăn, để ma dứt bệnh, khỏe mạnh về Mường ma làm*

ăn sinh sống” (Theo lời kể ông Đinh Văn Tân, thầy mo, 61 tuổi, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình).

Ông mo miệng vừa khấn, vừa lấy cành tre nhúng vào bát nước vôi chấm làm phép lên khắp hình nộm (hình người tết bằng rom, tượng trưng cho thân xác người chết) với ý nghĩa chữa lành bệnh cho người chết. Sau nghi lễ này, gia đình tang chủ chuẩn bị lễ vật cho nghi lễ làm mo.

- *Lễ làm mo*

Khác với người Mường Kỳ Lão, các nhóm người Mường ở huyện Nho Quan thường tổ chức làm mo trong 3 đêm nghi thức và lễ vật cũng phức tạp hơn, bắt buộc phải mời 3 thầy tới làm mo gồm *mo chính*, *mo phụ* (giúp việc cho mo chính) và *chí chuốc* (người gánh đồ cho ma) và 3 nhân vật thổi kèn, trống, bốp và cà mềng. Lễ vật chuẩn bị cho lễ làm mo gồm có 2 con gà (đang sống) nhốt vào giỏ tre, 1 liên trâu cau (6 miếng trâu cau), 3 cây mía, một chiếc cò vải. Theo quan niệm của đồng bào, con gà sẽ làm nhiệm vụ báo thức cho linh hồn biết giờ giấc lên Mường Trời, thầy mo sẽ khấn vái nhờ *tổ mo* (các ông tổ nghề mo) đưa linh hồn người chết lên Mường Trời.

Đêm thứ nhất, thầy mo sẽ đưa *ma* (vong hồn người chết) lên Mường trời “*xin đuông chuộc số*” (xin kiếp chuộc số), đoạn đường từ nhà lên Mường trời rất khó khăn vất vả, đồ đạc được chuẩn bị cũng khá chu đáo, hành trang của ma gồm có 2 con gà báo thức, 3 cây mía làm gậy đi đường, một chiếc cò vải ghi tên tuổi, quê quán người chết, đồ ăn và nước uống... Chiêng trống nổi lên, đánh giăng độn đường cho ma trong suốt hành trình, mo chính cùng đoàn đi (gồm 6 nhân vật kể trên) dẫn ma đi từ nhà tới Bến Búi (bến nước nằm trên một con sông thuộc huyện Nho Quan), tiếp theo đoàn tùy tùng sẽ quay trở lại, vía *tổ mo* sẽ đưa ma tiếp tục lên Mường Trời. Bắt đầu mo, thầy mo phải kể “*giấy khăng, tắng khăng*” (nói về chuyện tay khăng, tay áo) để kể lại tiểu sử

và cuộc đời của người chết và sau đó “*dạy khót khánh*” (kể về sử thi đẻ đất - đẻ nước), về quá trình hình thành trời đất, vạn vật và con người, dạy bảo cho ma biết được nguồn gốc cội nguồn mình.

Lên tới Mường Trời linh hồn phải tới nhà vua Trời xin chuộc tội lỗi của mình khi còn sống đã làm nhiều điều xấu như ăn, giết thịt các loài vật, khi chết chúng lên Mường Trời kêu oan. Tại đây, ma sẽ tự bào chữa tội hoặc các tổ mo sẽ biện hộ thay, sau đó vua trời sẽ phán xét công tội của ma để chấm vào sổ sinh tử, rồi ma lại từ Mường trời trở về nhà. Đến đây, đêm mo thứ nhất kết thúc.

Đêm mo thứ hai và thứ ba, các mo sẽ dẫn ma đi chuyển “*nhòm họ, nhòm Mường*” (ma sẽ thực hiện một chuyến đi thăm lại mồ mả tổ tiên hai họ nội ngoại, thăm lại quê nội, quê ngoại, thăm lại thung lũng, núi đồi, xóm Mường nơi chôn rau cắt rốn). Đến đây, toàn bộ nghi lễ làm mo kết thúc.

Tiếp theo, các cô con gái trong nhà mỗi người chuẩn bị một giá xôi và một con lợn luộc để cúng báo hiếu cha (mẹ) đẻ.

- *Đưa ma và chôn cất*

Các nghi thức đưa ma và chôn cất của các nhóm Mường ở nơi đây cũng có sự khác biệt với nghi thức đưa ma và chôn cất của người Mường Kỳ Lão. Trước lúc đưa ma, khi tang chủ chuẩn bị 6 mâm cúng cha (mẹ) và thiết đãi anh em, họ hàng, làng xóm mà người Mường gọi đây là *bữa về rừng* để kỉ niệm cuộc chia tay cuối cùng giữa ma với người sống.

Về cách chọn đất để đào mả chôn người chết cũng được đồng bào ở đây tiến hành khác biệt so với người Mường Kỳ Lão. Vào buổi sáng ngày đưa ma, người con trai trưởng vác ngược cán mai đi vòng qua đầu quan tài, hú ba tiếng và gọi “*bố (mẹ) ơi đi lấy đụn cả (nhà ma), nhà mới trong Mường ma*”. Ra tới *đổng* (nghĩa địa) người con trai trưởng sẽ đặt lễ vật gồm 1 chai rượu, 1

đĩa hoa quả, trầu cau, miệng khăn và *khắt cảo* (xin âm dương) xin thần thổ công, thổ địa hướng đào huyệt. Sau khi đã chọn được chỗ đào huyệt người con trai trưởng sẽ vác mai đào 3 nhát đầu tiên đánh dấu cho dân bản biết chỗ đào giúp gia đình.

Các nhóm người Mường ở Nho Quan đều có tục chia của cho người chết, trong lúc thầy mo làm lễ đưa ma ra đồng, người con dâu trưởng sẽ vác một chiếc cặp váy và một gánh đồ gồm bát, đĩa, mâm, rỗ, giá, quần áo cũ của ma... (số đồ của còn lại sẽ được mang ra mả chia nốt cho ma vào lễ cúng bách nhật). Cùng lúc đó, các cô con gái, con dâu trong nhà tiến hành làm lễ *quạt ma* với ý nghĩa cầu mong cho người chết ra đi mát mẻ và siêu thoát. Để thực hiện nghi lễ này, mỗi người cầm một chiếc quạt, cán được làm bằng thanh tre dài khoảng 40cm, một đầu cán gắn miếng mo cau bằng bàn tay, quạt được phe phẩy trên mặt áo quan.

Đến giờ đã định, thầy mo cho người khiêng quan tài qua *voóng tông* (cửa sổ voóng), thầy đi trước dẹp đường không cho ma, quỷ và vía người sống bám theo, các con trai trong nhà nằm lót đệm đường để khiêng quan tài qua. Tất cả con cháu, anh em, họ hàng đều đưa ma ra tới tận huyệt chôn cất xong mới trở về. Đưa ma ra tới cổng, thầy mo quay trở lại nhà làm lễ *mát nhà*, đoàn đưa ma tiếp tục đưa ma ra đồng.

Thầy mo chuẩn bị một chậu nước bên trong có bỏ *ngái* (ốc vặn), và 7 thứ lá rừng như tre, cỏ chà, cỏ bách... Một tay múc một bát nước trong chậu, một tay cầm *dao lù* (kiếm) đi quanh nhà, rảy nước từ trong nhà to đến bếp núc khắp xó xỉnh “*Thầy đuổi hết ma ra khỏi nhà, si (ma) trong nhà phải ra hết, thầy đuổi trừ Ngọc Hoàng để ra, Vua cha để lại. .*” (Người kể ông Đinh Văn Tân, thầy mo, 61 tuổi, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình). Tiếp theo, thầy lại làm vía “*khắt khi, khắt khanh*” (chia vía người sống và vía

người chết) với ý nghĩa cầu cho ma đi về thế giới Mùong ma, còn vía người sống ở lại trần gian được khỏe mạnh. Lễ vật chuẩn bị là hai mâm cúng gồm có xôi và thịt, cá (cả cá sống và cá chết), trầu cau, rượu; hai cành cây xanh (một cành để lá một cành tuốt trụi lá), hai cây chuối (một cây có đủ cả gốc, ngọn, lá xanh tốt, một cây chặt củ, chặt lá và ngọn). Hai mâm cúng được chia đều hai bên: một mâm dành cho người sống thì cá phải là cá sống, xanh có cành và chuối có gốc có ngọn; mâm kia dành cho ma là cá chết, xanh cắt lá, chuối cắt ngọn. Thày khấn mời bà mẹ “*Chiếm khi và nàng ai non tôi con chiếm cái*” (2 nhân vật trên Mùong Trời có nhiệm vụ tạo ra con người và đưa xuống trần gian giống bà mẹ) trên trời xuống chia vía, chia vãi người sống người chết: “*để củ không được chung mộ, đô (cây dâu) không được chung gốc, ốc sống, ốc chết không được chung sông, si chết không được chung cành, xanh chết không được chung lá, cá chết không được chung bi, chung bai (chung ao, hồ)*” (Theo lời kể ông Đinh Văn Tân, thầy mo, 61 tuổi, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình). Cúng xong, cành xanh có lá được treo trên mái ngói trước cửa nhà tang chủ làm dấu hiệu cho việc có tang của gia đình, cây chuối đủ ngọn, xanh cành được đem trồng sau vườn; còn lại cành xanh cắt lá, cay chuối cắt ngọn được đem ra mả người chết.

Riêng đoàn đưa ma ra tới mả, hạ huyết xong, các cô con dâu mỗi người sẽ vào rừng kiếm cho ma một bó củi đặt cạnh mộ. Sau khi chôn cất xong, thầy mo làm lễ cúng nhập mả, lễ vật chuẩn bị là 5 mâm cúng gồm xôi, thịt, trầu, rượu và mâm thứ 6 cho làng ma. Thày khấn mời “*Cun chiềng làng, lang cun chạ đống*” để nhập mộ cho ma. Sau đó, đoàn đưa ma trở về nhà làm cơm cúng ma, bát hương lúc khâm liệm người chết được đặt lên ban thờ cho đến khi hết tang.

Khác với người Mùong Kỳ Lão, đồng bào Mùong ở đây có tục bốc bát nhang thờ cúng ông bà, tổ tiên và người chết. Sau khoảng 7-10 năm gia đình sẽ cải táng và đem chôn cất tại một khu đất trống khác.

- *Tang phục*

Tang phục của người Mường ở Nho Quan nói chung rất khác so với của người Mường Kỳ Lão. Con trai trong nhà sẽ mặc quần áo xô trắng, đầu đội mũ nùn chuối, hông đeo dao đi rừng. Con gái và con dâu mặc váy vá áo tang giống trang phục hàng ngày nhưng may bằng vải xô trắng, đầu đội mũ mào, tuy nhiên con dâu là mũ mào màu vàng. Riêng con rể, cũng mặc quần áo tang may bằng vải xô trắng nhưng mũ lại quấn như khăn xếp của người Kinh và giữa đỉnh đầu có hai miếng vải trắng buộc chéo hình chữ “X”. Anh em ruột thịt hai, ba đời chỉ quấn khăn tang trắng giống khăn xếp của người Kinh.

- *Quan tài*

Khác với người Mường Kỳ Lão, người Mường ở Nho Quan nói chung đều táng người chết trong một chiếc quan tài độc mộc làm bằng một cây gỗ lớn có đường kính khoảng 1-1,2m, dài khoảng 2m, bở đôi và khoét rỗng ở giữa như chiếc máng cho lợn ăn. Ngay từ khi còn sống họ đã vào rừng chặt những cây gỗ lớn đem về ngâm xuống ao, vớt lên phơi khô và để sẵn trong nhà phòng khi về già trong nhà có người qua đời. Cũng có trường hợp không kịp chuẩn bị sẵn quan tài mà đã có người qua đời thì có thể vay hàng xóm hoặc anh em, họ hàng.

- *Lễ kẹ*

Khác với người Mường Kỳ Lão, đồng bào Mường tiến hành nghi lễ *kẹ* cho những người chết dữ theo một cách khác. Những người chết dữ vẫn được đưa về nhà làm ma như bình thường nhưng trước khi làm ma đồng bào thường mời thầy mo tiến hành lễ *kẹ* cho người chết với mục đích là chữa lành bệnh tật, cắt đứt tai họa đã giáng xuống cho người chết để về thế giới Mường ma được “*yên ma, lành mộ*” đồng thời cắt đứt đường dây truyền nhiễm bệnh tật sang người sống. Để thực hiện lễ *kẹ* bắt buộc phải giết thịt một con chó

đem lấy tiết và thịt của nó dâng cúng cho “*Cun lang – Chàng kẹ*” ở trên trời, xuống chữa lành bệnh cho người chết. Sau đó, các nghi thức tang lễ vẫn diễn ra bình thường.

Như chúng ta đã biết, nguồn gốc của người Mường Kỳ Lão vốn là những nhóm người từ các nơi khác nhau tới (Hòa Bình vào, Thanh Hóa – Nghệ An hay Huế ra), trong quá trình di cư tới Nho Quan họ đã tiếp thu văn hóa của các tộc người xung quanh, tạo nên những dấu ấn văn hóa riêng trong phong tục tập quán đồng thời làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của tộc người. Đặc biệt, trong quá trình sinh sống với người Kinh, người Mường Kỳ Lão đã tiếp thu những yếu tố văn hóa của Đạo giáo (thờ quan *Nam Tào – Bắc Đẩu* hay *quan cầm sổ cổ thiệt*) và Phật giáo (thờ *Phật Nhiên Đăng*) và một số tín ngưỡng dân gian của người Kinh như thuật bùa chú ma thuật, tín ngưỡng thờ Thành hoàng bản xứ, tín ngưỡng thờ Mụ, thờ thần bếp (*hai ông Tá và nàng mụ Gia mát*)... làm phong phú thêm đời sống tinh thần của dân tộc.

Tiểu kết chương 2

Ma chay của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình là hệ thống cấu trúc bao gồm các kết cấu đan xen, hòa quyện với nhau từ quan niệm về lễ nghi tang ma cho đến các mối quan hệ, các hoạt động ứng xử khác nhau, liên quan đến nhau giữa người sống với người sống, người sống với người chết trong tổng hòa các quy định, thiết chế xã hội cũng như các nghiêm luật thực hành nghi lễ. Hệ thống ấy bao gồm các quan niệm về thế giới quan, nhân sinh quan, cõi sống, cõi chết, linh hồn, ma quỷ và thân phận con người. Các yếu tố này hòa quyện với nhau tạo nên bản sắc riêng trong đời sống tinh thần của người Mường Kỳ Lão nơi đây.

Tang ma của người Mường Kỳ Lão nơi đây biểu hiện sâu sắc đạo hiếu, đạo nghĩa của người sống dành cho người chết, người sống với người sống. và

giữa con người với thiên nhiên theo quy luật sinh tử của tạo hóa. Thông qua tang ma, những quan niệm về vũ trụ luận, nhân sinh quan, thế giới quan, những ý nguyện tâm linh và các quy tắc ứng xử gia đình, cộng đồng được biểu hiện rõ nét hơn bao giờ hết, các ứng xử của con người trong ma chay đều nhằm lý giải cho quá trình siêu thoát, sự tồn tại, trưởng thành của linh hồn ở thế giới bên kia, nó chi phối đời sống xã hội Mường một cách lâu dài, bền bỉ, thậm chí trở thành những ràng buộc xã hội, tạo nên sức cố kết cộng đồng mạnh.

Điều quan trọng hơn cả, tang ma còn thể hiện lòng hiếu thảo của con cái đối với ông bà, cha mẹ, nghĩa tình của mọi người trong cộng đồng dòng họ, biểu hiện sâu lắng tình cảm, sự xẻ chia của người thân, gia đình và cộng đồng, củng cố đạo đức của các thành viên gia đình, xã hội, kèm theo nghĩa và lễ, tang ma góp phần nâng lên cái thiện và những điều nhân văn cho cuộc sống. Từ những quan hệ ứng xử đó đã trở thành nếp sống truyền thống của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Chương 3

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TANG MA CỦA NGƯỜI MƯỜNG KỲ LÃO

3.1. Những giá trị cơ bản trong tang ma của người Mường Kỳ Lão xã Kỳ Phú

3.1.1. Giá trị về đạo đức, nhân văn

Khi mỗi thành viên của cộng đồng người Mường Kỳ Lão sinh ra, lớn lên, trưởng thành, xây dựng gia đình, về già và chết đi... đều phải sống và tuân theo cái “khuôn” văn hóa của tộc người mình, trong đó là tổng hòa các mối quan hệ cha con, vợ chồng, anh em, họ hàng, dòng tộc, bạn bè... đan xen lẫn nhau. Nhân cách của mỗi người trong cộng đồng được hình thành, định hình và hoàn thiện từ các mối quan hệ đó (trong tập tục, nếp sống gia đình, dòng họ). Thông qua việc tham gia, tham dự, thực hiện các công việc trong các nghi lễ tang ma giúp mỗi thành viên trong cộng đồng được giáo dục, rèn luyện nhân cách con người, dần nâng cao tri thức, nhận thức các quan niệm đạo đức, lối sống... theo chuẩn mực nhất định để hình thành nên nhân cách con người, dẫn dắt con người khi sống phải sống có ích, sống phải nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ với bản thân, gia đình, dòng họ, với cộng đồng một cách tốt nhất, thể hiện ý thức về nguồn cội, tình yêu thương giống nòi, đùm bọc lẫn nhau, tương thân, tương ái của con người với con người... Khi chết đi được con cháu thương nhớ, đau buồn và làm nghi lễ ma chay chu đáo với tất cả tấm lòng thành kính, sự tôn trọng tiền người thân về với tổ tiên.

Ứng xử nhân văn giữa người sống với chết: Trong các tập tục của người Mường Kỳ Lão, tập tục làm ma có sức sống mạnh mẽ nhất trong tâm thức của đồng bào. Ở đó thể hiện lòng hiếu thảo, lòng kính trọng mong muốn được báo hiếu, đền đáp ơn sinh thành dưỡng dục của những người đang sống với những người đã khuất. Nó mở rộng ra cho cả dòng họ, cộng đồng, để anh

em, họ hàng cùng nhau bàn bạc, phân công nhiệm vụ lo việc tang lễ cho người chết với khát vọng “tái sinh” cho người chết, khiến linh hồn người chết được giải thoát và đoàn tụ với tổ tiên, từ đó linh hồn sẽ phù hộ độ trì cho cuộc sống, công việc của người thân luôn được trôi chảy, tốt đẹp. Các bên thông gia thì giữ đúng vai trò của tình thông gia, ứng xử hài hòa và có mối gắn kết sâu sắc, đôi bên như một, chia sẻ và cảm thông. Việc thực hiện đúng, đủ, theo trình tự các nghi lễ ma chay như cái “khung” văn hóa định hình nên nhân cách của các thành viên trong cộng đồng, nó tạo ra một hăng số văn hóa rõ nét trong văn hóa truyền thống người Mường Kỳ Lão, đó là đức tính trung thực, thẳng thắn, hiếu lễ, hiếu khách, sẵn sàng tương trợ giúp đỡ người khác. Đó cũng chính là lý do để các thành viên tồn tại và phát triển trong môi trường văn hóa truyền thống tộc người, thể hiện sâu sắc đạo lý uống nước nhớ nguồn.

Qua những ý nghĩa trên ta có thể thấy, trách nhiệm trao truyền văn hóa tộc người luôn thường trực trong thâm tâm của thế hệ trước giành cho thế hệ sau và thế hệ sau luôn có trách nhiệm làm tròn bổn phận, nhiệm vụ với thế hệ đi trước, để bảo lưu, phát huy và truyền giao tiếp những tinh hoa bản sắc văn hóa của tộc người mình trong bối cảnh giao lưu, hội nhập văn hóa hiện nay.

Tóm lại, việc tổ chức các nghi lễ tang ma theo phong tục tập quán của người Mường Kỳ Lão chứa đựng giá trị đạo đức, nhân văn. Các nghi lễ thực hiện cho người chết phần nhiều mang yếu tố tâm linh nhưng đều mang tính hướng thiện, nó có tác dụng ổn định tinh thần cho người sống, giải quyết được những vấn đề liên quan đến tâm linh. Thể hiện mối quan hệ ứng xử giữa anh em, họ hàng, dân bản được gần gũi, gắn kết keo sơn trong môi trường cộng đồng người, giúp ổn định tâm lý cộng đồng, tâm lý xã hội.

3.1.2. Giá trị phản ánh lịch sử tộc người

Qua nghiên cứu tang lễ của người Mường Kỳ Lão nơi đây còn có thể gợi thêm cho chúng ta về nguồn gốc lịch sử tộc người.

Tập tục tang ma ăn sâu vào trong nếp sống cổ truyền của người Mường Kỳ Lão, nó tương đối tập trung các nội dung bao hàm các giá trị văn hóa, bản sắc tộc người, hơn thế nữa nó được bảo lưu và không dễ gì có thể biến đổi nhanh chóng được.

Nghi lễ tang ma là một phần trong phong tục tập quán của người Mường Kỳ Lão, là hệ quả của quá trình lịch sử, văn hóa tộc người, nó được ra đời, thử thách và định hình trong nhận thức và hoạt động trong tiến trình lịch sử của tộc người Mường Kỳ Lão. Đó là những thói quen trong nếp sống gia đình và cộng đồng được biểu hiện qua mỗi cá nhân, thành viên của cộng đồng, là sự phản ánh những nhận thức, triết lý về thế giới, về lễ sống, cõi chết... của con người. Những biểu hiện của nghi lễ ma, chay khác nhau nhưng đều nằm trong khung văn hóa tộc người, là cái góp phần tạo nên các giá trị bản sắc tộc người trong dặm dài lịch sử văn hóa tộc người và tiến trình phát triển của lịch sử cộng đồng. Qua các giá trị văn hóa được hình thành trong lịch sử mà phần nào giúp chúng ta nhận diện sắc thái văn hóa tộc người trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường của tác động văn minh công nghiệp và của sự giao lưu văn hóa mang tính quốc gia mạnh mẽ ngày hôm nay.

Thông qua các nghi lễ được thực hiện trong tang ma là một bằng chứng cụ thể, sinh động phản ánh trình độ phát triển của các cư dân nông nghiệp trồng trọt nơi đây trong bối cảnh của kinh tế tự cung tự cấp, kỹ thuật thủ công, một thiết chế xã hội phát triển chưa cao, một thế giới văn hóa đậm đà tính dân gian và đượm yếu tố của tín ngưỡng nguyên thủy.

Các hình thức tổ chức và tiến hành các nghi lễ ma chay của người Mường Kỳ Lão đều là sự phản ánh một trình độ phát triển kinh tế - xã hội của thời kỳ văn minh “tiền công nghiệp”. Việc tổ chức các nghi lễ đều lấy gia đình – đơn vị kinh tế, xã hội cơ bản của thiết chế xã hội đậm tính công xã nông thôn làm cơ sở... Nội dung của các nghi lễ còn phản ánh sự gắn bó, chi

phối của các yếu tố tín ngưỡng với một thế giới siêu thực và phản ánh các khía cạnh của các yếu tố phụ quyền là chính trong nhận thức và nếp sống của cộng đồng.

Thông qua các bài cúng trong tang ma của người Mường Kỳ Lão, cũng bổ xung thêm nguồn tư liệu nghiên cứu về lịch sử, văn hóa của người Mường Kỳ Lão nói riêng và người Mường nói chung để chúng ta có thể có một cái nhìn toàn diện hơn về văn hóa của họ và những vấn đề giao thoa văn hoá tộc người. Qua các nghi lễ trong tang ma, ta có thể nhận ra rằng tang ma của người Mường Kỳ Lão đang được bảo lưu rất nhiều giá trị văn hoá tộc người. Tang ma đã đi sâu vào nếp sống của từng thành viên, từng gia đình, dòng tộc và trở thành những nghi lễ, nghi thức cổ truyền phổ biến trong cộng đồng, dù có sự tác động của nền kinh tế thị trường hay các yếu tố khách quan nhưng những phong tục ấy vẫn không thay đổi làm nên bản sắc văn hoá tộc người.

3.1.3. Giá trị cốt kết cộng đồng

Mỗi khi có gia đình nào trong làng tổ chức ma chay thì mọi người dân trong bản đều có nhiệm vụ giúp đỡ lo liệu ma chay, đến chia buồn với tang chủ và tỏ lòng tiếc thương với người quá cố. Việc tang ma không phải là việc riêng của gia đình người chết mà trở thành việc chung của cả dòng họ, làng mạc. Sự giúp đỡ sẻ chia này làm cho mọi người trong dòng họ, trong làng bản gần gũi, gắn kết nhau hơn. Tính cốt kết cộng đồng trở lên chặt chẽ và bền vững. Tính đoàn kết cộng đồng của họ được thể hiện trên ba mối quan hệ: mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, trong dòng họ, trong cùng cộng đồng làng bản.

Trong mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình: Để tổ chức lễ làm ma cho người quá cố thường mất nhiều thời gian với rất nhiều các nghi lễ, nghi thức... cùng với chuẩn bị các lễ vật vô cùng tốn kém và công phu.

Điều này đòi hỏi phải có sự gắn kết, đoàn kết mật thiết giữa các thành viên trong gia đình mới có thể làm thành công được. Để có được đủ số lễ vật dùng trong tang ma thì mỗi gia đình người Mường Kỳ Lão trong làng bản phải cùng nhau lao động sản xuất vất vả trên ruộng nương, họ gắn kết với nhau bởi phương thức sản xuất; người đàn ông cày ruộng, làm đất, người phụ nữ gieo mạ cấy lúa, trẻ con thì trông nhà, chăn trâu bò... Trong quá trình tổ chức, người chồng, người con trai trưởng trong gia đình có vai trò quyết định mọi việc lớn nhỏ, có quyền phân công cho mọi thành viên thực hiện các công việc cụ thể. Cả gia đình cùng làm việc trong sự tự giác không có tính ép buộc bởi họ đều hướng về mục tiêu làm tròn đạo hiếu, thể hiện tình yêu thương của mình cho ông bà, tổ tiên.

Tính đoàn kết giữa gia đình với dòng họ, các bên thông gia được thể hiện sâu sắc qua cách thức đề cao vai trò của ông trưởng họ và những lễ nghi thành kính của các bên thông gia với nhau. Lễ làm ma là một điển hình về nghi lễ cộng đồng qua đó giữ vững mối quan hệ cộng đồng bền chặt. Ngoài những đóng góp cho gia chủ về mặt vật chất họ còn giúp đỡ nhiệt tình về công sức. Những người cao tuổi thì tập trung nhau lại đến nhà tang chủ cùng giúp đỡ, trong số họ có những người là trưởng họ, trưởng tộc, thầy cúng, thông gia... họ sẽ tư vấn, trợ giúp, cùng tổ chức với gia chủ để thực hiện các nghi lễ làm cho người mất được đàng hoàng, đúng quy chuẩn văn hóa, phong tục của đồng bào mình.

Tính đoàn kết giữa gia đình với cộng đồng làng bản: Người Mường Kỳ Lão sống khá tập trung cho nên tổ chức ma chay của gia đình người Mường Kỳ Lão nơi đây còn được sự giúp đỡ của tất cả các thành viên trong làng bản như: gánh nước, bở củi, làm cơm, mổ lợn... Ngày nay, tang ma của mỗi gia đình còn có sự tham gia của chính quyền địa phương với bài điệu văn phúng viếng và các đoàn thể xã hội tham gia giúp đỡ. Với vai trò quản lý nhà nước

tại địa phương, họ còn có trách nhiệm định hướng cho nhân dân địa phương tổ chức tang ma cho người chết theo chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, hài hoà với tục lệ của địa phương, phù hợp với nếp sống văn minh trong thời đại mới, đảm bảo hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Qua các nghi lễ trong tang ma của người Mường Kỳ Lão thể hiện một quy tắc ứng xử giữa cá nhân trong gia đình, dòng tộc với cộng đồng làng bản. Thế ứng xử đó tạo nên mối giao ước và những quy tắc không chỉ liên quan đến người chết, mà còn ràng buộc những người sống với nhau, buộc con người phải có nghĩa vụ, trách nhiệm với cộng đồng. Nghi lễ tang ma là một sinh hoạt thắt chặt hơn mối quan hệ tộc người với nhau. Khi có người quá cố, họ hàng thân tộc của người quá cố và người dân trong bản thể hiện trách nhiệm liên kết, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, điều đó đã thể hiện rõ mối quan hệ mang tính đa chiều trong cộng đồng xã hội người Mường Kỳ Lão. Đó chính là sự cam kết giữa các cá nhân và hộ gia đình của mạng lưới xã hội với các bên liên quan một cách tự giác, phân cấp trên nền tảng gia đình, dòng tộc và cộng đồng. Mối quan hệ này không hẳn chỉ nghiêng về mối quan hệ bên dòng họ nội mà còn mềm dẻo hơn trong việc tạo thành mạng lưới quan hệ dòng họ nội, dòng họ ngoại và dòng họ bên vợ. Ngoài ra, mối quan hệ của con người được mở rộng hơn trước chứ không bó hẹp trong cộng đồng thôn bản, một số ít hộ gia đình người Mường Kỳ Lão cũng có những quan hệ bạn bè, đồng nghiệp với người ở thôn bản khác và xã khác. Do đó khi gia đình tổ chức tang ma, họ ít nhiều cũng có sự chia sẻ, trợ giúp và phúng viếng nhiều hơn. Tuy nhiên, về căn bản, mạng lưới quan hệ các cá nhân dòng tộc của người Mường Kỳ Lão nơi đây chủ yếu vẫn chưa vượt ra ngoài ranh giới của cộng đồng thôn bản. Trong điều kiện cư trú riêng biệt tộc người, với các mối quan hệ nội ngoại, thông gia chẳng chịt, thực hành trợ giúp từ lễ vật đến tinh thần cùng hỗ trợ chia sẻ càng củng cố thêm sự cố kết tộc người.

3.1.4. Giá trị nghệ thuật

Các nhạc cụ dùng trong tang lễ của người Mường Kỳ Lão gồm: Chiêng, Cồng, trống, chiếc chuông Lạc (lục lạc) được kết hợp nhịp nhàng, đồng điệu giữa các nhạc cụ. Khi các nhạc cụ cùng diễn xướng âm thanh phát ra lúc trầm lúc, lúc bổng theo từng khung cảnh, theo từng sắc thái lúc hành lễ của các thầy cúng tạo nên sự trang nghiêm của các nghi lễ và nỗi buồn ra rứt của người sống phải chi tay mãi mãi với người chết.

Trong các tiến trình thực hiện nghi lễ tang ma, nhạc tang lễ là một phần không thể thiếu khi hành lễ, là một yếu tố quan trọng làm thi vị hóa phong tục tập quán. Nhạc tang lễ của người Mường Kỳ Lão được xem như là phương tiện để giao tiếp với thần linh, tổ tiên, với hồn ma người chết. Theo từng nghi thức trong từng nghi lễ mà các thầy cúng hòa tấu lên các tiết tấu, các âm điệu khác nhau như: Các âm điệu của nhạc cụ vang lên nhẹ nhàng là mời tổ tiên, thần linh về đón nhận linh hồn người đã khuất; âm thanh vang lên mạnh mẽ, dồn dập và sôi động tỏ ý thị uy xua đuổi tà ma hoặc đưa linh hồn qua các cửa ải... trên con đường về thế giới bên mừng ma.

Ngoài ra dàn nhạc trong tang lễ còn là lời khóc thương đầy tình cảm của người sống giành cho người chết, bên cạnh đó còn có ý đánh thức và báo cho linh hồn người chết biết rằng có thông gia hay bạn bè tới phúng viếng, điều đó tạo thêm cho tang ma mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc hay là một dạng thức hoạt động văn hoá hơn là tang lễ.

Giá trị nghệ thuật trong tang ma của người Mường Kỳ Lão ở nơi đây còn được biểu hiện trên lễ phục của ông thầy mo. Các thầy cúng chỉ được mặc khi thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng văn hoá dân tộc mình như: lễ làm mo, lễ kẹ, lễ cúng giải trùng hay trừ tai giải hạn...

Ngày nay, những chiếc áo thầy cúng của người Mường Kỳ Lão được làm cất may theo kiểu thủ công, truyền thống, chất liệu vải sợi bông còn lại

rất ít, nếu còn thì cũng quá cũ khó có thể sử dụng, bảo quản hoặc bị thủng rách nhiều chỗ. Để phục vụ cho các nghi lễ tín ngưỡng của dân tộc, lễ phục của thầy cúng vẫn được làm theo kiểu truyền thống nhưng chất liệu là vải công nghiệp hiện đại.

3.1.5. Giá trị phản ánh quan niệm, triết lý tộc người về vị trí, ý nghĩa của cá thể, thành viên trong đời sống

Nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão thể hiện một hệ thống các quan niệm về thế giới quan, nhân sinh quan, cõi sống, cõi chết, linh hồn và cái chết, về tập tục làm ma với hệ thống các nghi lễ, nghi thức theo một quy định mang đậm dấu ấn bản sắc tộc người, cá tính tộc người. Nội dung các bài cúng trong nghi lễ tang ma đều nhắc nhở các thành viên trong gia đình, anh em, họ hàng, làng bản nói chung về nguồn gốc tổ tiên mình sinh ra. Điều đó có ý nghĩa quan trọng về giáo dục ý thức cộng đồng, cố kết cộng đồng một cách mạnh mẽ cho các thành viên. Bởi chính việc thực hiện các nghi lễ tang ma là do gia đình, dòng họ đứng ra tổ chức nên có ý nghĩa sâu xa về dòng tộc, dòng máu thân thiết; có một sức truyền cảm giáo dục về lý trí, đạo đức và trách nhiệm khá ấn tượng cho các thành viên.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão nơi đây đã nói lên những biểu hiện sâu sắc đạo hiếu, đạo nghĩa, cách ứng xử của người sống dành cho người chết, người sống với người sống và giữa con người với thiên nhiên theo quy luật sinh tử của tạo hóa. Điều này còn thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự nhiệt tình chu đáo và tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, tạo nên tính cố kết cộng đồng mạnh mẽ. Chính điều này dường như đã trở thành một quy luật, một truyền thống tốt đẹp được truyền từ đời này sang đời khác và trở thành một quy ước bất thành văn, ăn sâu vào tiềm thức, suy nghĩ của từng cá thể, từng thành viên trong cộng đồng, hình thành nên nhân cách của con người ngay từ khi bắt đầu biết suy nghĩ (mỗi cá

nhân muốn tồn tại trong cộng đồng phải tuân theo, đó là lối sống, nếp nghĩ và hành động ăn ở có trước có sau, vui buồn, hoạn nạn có nhau...), để họ thấy rằng văn hóa của dân tộc mình luôn luôn mang đến những điều tốt đẹp, để họ tự nhận ra chính mình, thấy mình không lẻ loi, không cô độc giữa dòng đời và luôn cảm thấy an tâm trong cuộc sống và được bao bọc, trở che của cả một cộng đồng người. Qua đó còn làm thỏa mãn đời sống tâm linh, cân bằng trạng thái tâm lý, vun đắp nghĩa tình giữa người với người, với quê hương, với cộng đồng dân tộc...

Toàn bộ các hoạt động trong tang ma của đồng bào Mường Kỳ Lão nơi đây đều gắn với quan niệm tín ngưỡng của cộng đồng, rằng vạn vật có linh hồn (coi vạn vật hữu linh) và linh hồn bất tử. Điều đó là chỗ dựa tinh thần, góp phần hình thành nên các nghi lễ cũng như điều chỉnh tốt hơn các quan niệm sống. Thông qua tang ma, người Mường Kỳ Lão khẳng định một lần nữa triết lý về thân phận con người, khi sống có 2 phần: phần xác và phần hồn. Khi chết, linh hồn sẽ về đoàn tụ với tổ tiên ở Mường ma. Thân xác sẽ vĩnh viễn bị phân hủy và mất đi nhưng linh hồn sẽ tồn tại bất tử mãi mãi. Tang ma không phải là sự đứt đoạn của sự sống mà là một cột mốc báo hiệu sự thay đổi để bắt đầu một cuộc sống mới ở một thế giới mới với niềm tin lạc quan bất tận, dù người chết và người sống phải chia lìa nhau nhưng về mặt tâm linh vẫn luôn gần gũi.

3.2. Sự biến đổi trong tang ma truyền thống của người Mường Kỳ Lão xã Kỳ Phú hiện nay

Theo các thông tin viên khảo sát thực tế của chúng tôi thì từ thời kỳ đổi mới và mở cửa của chúng ta từ năm 1986 đến nay, đặc biệt nhất là hai chục năm gần đây dưới ánh sáng của thời kỳ mới, vấn đề văn hóa các dân tộc thiểu số và xây dựng nếp sống văn hóa trong tập tục tang ma của đồng bào Mường ở xã Kỳ Phú nói chung, nhóm tộc người Mường Kỳ Lão nơi đây nói riêng đã

có nhiều biến đổi theo chiều hướng tích cực, đang từng bước phù hợp với thời kỳ công nghiệp hòa, hiện đại hóa của đất nước hiện nay.

Đề hòa nhịp với bối cảnh toàn cầu hóa, mở rộng giao lưu và hội nhập với cuộc sống mới hiện nay, đặc biệt là việc thực hiện tốt các chỉ thị của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương sở tại về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; tang ma của người Mường Kỳ Lão nơi đây cũng đang vận động và biến đổi theo chiều hướng tích cực. Đó là những biến đổi về quan niệm – nhận thức, về quy mô cách tổ chức, về nội dung diễn xướng bài cúng trong các nghi lễ làm ma, cách sử dụng quan tài...

3.2.1. Biến đổi về nhận thức

Người Mường Kỳ Lão định canh, định cư, sống gần gũi với người Kinh, họ đã học hỏi và ứng dụng được rất nhiều kinh nghiệm về phương thức sản xuất nông nghiệp và thương nghiệp để nâng cao về đời sống kinh tế của mình, đồng thời cũng thay đổi khá nhiều về quan niệm và nhận thức trong cuộc sống. Đặc biệt là sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và các cấp chính quyền địa phương về sản xuất kinh tế và vận động đồng bào các dân tộc thực hiện nếp sống văn hóa mới ở cơ sở trong việc cưới, việc tang và lễ hội đã làm biến đổi khá nhiều về quan niệm và nhận thức của đồng bào, trong đó có tang ma. Nếu trước đây gia đình có bố (mẹ) chết, người Mường Kỳ Lão cho rằng con cháu có hiếu với cha mẹ được thể hiện qua việc làm ma, làm mo cho người chết phải thật to và linh đình, sử dụng nhiều lợn, gà và rượu để cúng tế cho thần linh và người chết. Khi bố (mẹ) chết phải để trong nhà nhiều ngày để làm mo là sự thể hiện lòng tiếc thương của con cháu, nếu không làm được đó theo quan niệm truyền thống dân tộc sẽ bị dân làng coi thường và chê cười. Ngày nay, người Mường Kỳ Lão cho rằng có hiếu thảo với bố mẹ là sự thể hiện sự quan tâm, chăm sóc khi còn sống; khi bố (mẹ) chết mà tổ chức ăn uống linh

đình và để xác trong nhà nhiều ngày là hủ tục lạc hậu, mất vệ sinh và tốn kém lớn về vật chất là không cần thiết. Nếu xưa kia, khi đưa người chết đi chôn cất, con cháu rất sợ ma người chết bắt đi theo, nên trong đám tang con cháu không dám đưa cha (mẹ) đến tận huyệt chôn thì nay họ đã tự tay chôn cất cha (mẹ) thể hiện sự tận hiếu với cha mẹ. Hơn nữa, nhận thức của đồng bào đã thay đổi, họ không sợ ma người chết, nên trong tang ma bà con dân làng đến rất đông để phúng viếng, giúp đỡ tang chủ và đưa ma người chết tới nơi chôn cất. Đó là cơ hội củng cố lại tình cảm và quan hệ họ hàng, làng xóm trong cộng đồng người Mường. Trước đây, khi bố (mẹ) còn sống con cháu vào rừng tìm cây gỗ lớn để đóng quan tài cho người chết, họ cho rằng quan tài chôn người chết phải do chính con cháu trong nhà tự làm thì ma người chết mới ở được. Ngày nay, đồng bào có điều kiện đã mua quan tài đóng sẵn về sử dụng ngay hoặc thuê thợ đóng thành những chiếc quan tài từ gỗ cây có sẵn trong vườn nhà như gỗ cây bùi, một loại cây được trồng nhiều trong vườn hầu hết các gia đình...

Đặc biệt, trước kia người Mường Kỳ Lão không bao giờ mang thi hài những người chết xấu số (chết dữ) về nhà làm ma thì hiện nay đồng bào đã không có sự phân biệt đối xử và họ đã đưa thi hài những người chết xấu số về nhà làm ma như bình thường.

3.2.2. Biến đổi về các tập tục tang ma

Sự biến đổi về quan niệm và nhận thức của đồng bào Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú còn được thể hiện bằng những hành động cụ thể trong các tập tục tang ma:

**** Biến đổi về quy mô và thời gian, không gian tổ chức***

Biến đổi về quy mô tổ chức lớn, thành phần tham dự đông: Quá trình biến đổi về kinh tế dẫn đến sự biến đổi về văn hóa, xã hội từ đó các hiện

tượng văn hóa tâm linh cũng biến đổi theo. Trước đây, đám tang của người Mường Kỳ Lão được tổ chức với quy mô nhỏ, ít người tham dự, chủ yếu bó hẹp trong phạm vi một làng hoặc liên làng trong xã. Ngày nay, đám tang của người Mường Kỳ Lão đang biến đổi mạnh mẽ với quy mô tổ chức lớn hơn và đông thành phần tham dự. Nguyên nhân là sự gia tăng về dân số, giao thông và phương tiện đi lại thuận lợi, sự phát triển công nghệ thông tin nhanh nhạy và kịp thời. Những người đến tham dự lễ viếng có nhiều nhóm khác nhau. Thứ nhất là nhóm chính quan trọng, bao gồm con cháu, anh em, họ hàng nội ngoại bốn bên trong gia đình. Thứ hai là anh em thông gia, liên gia. Thứ ba là bà con hàng xóm, láng giềng. Thứ tư anh em bạn bè đồng chí, đồng nghiệp của các thành viên trong gia đình. Thứ năm là đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan, đoàn thể, trường học của con cháu gia đình tang chủ có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới người chết hoặc người thân của người chết. Nhóm này thường vào viếng theo đơn vị, đảng, chính quyền, các cơ quan đoàn thể; mỗi đoàn đem theo vòng hoa, hương quả và tiền cho vào phong bì; trong đó có một người thay mặt đoàn đọc lời viếng. Đoàn viếng được Ban tổ chức tang lễ giới thiệu tên đơn vị, người làm trưởng đoàn.

Thời gian được rút gọn, lễ vật được đơn giản hóa: Một trong những biến đổi quan trọng nhất và ý nghĩa nhất của người Mường Kỳ Lão hiện nay là thời gian làm ma, đã rút ngắn lại rất nhiều. Nếu trước đây đồng bào thường làm ma, làm mo trong 2 ngày đến 3 ngày đêm liền, chi phí rất tốn kém, ngày nay đồng bào chỉ làm ma trong phạm vi 2 ngày 1 đêm hoặc 1 ngày 1 đêm và chỉ mo trong một đêm. Có đám tang do xem được ngày, chết hôm trước hôm sau đã phải đưa đi chôn cất ngay. Do vậy các thầy cúng phải giảm bớt các bài cúng và các nghi lễ trùng lặp hoặc nghi lễ phụ. Mặc dù phải co ép cho kịp thời gian, song phần lễ thức chính vẫn phải đảm bảo đúng, đủ theo truyền thống dân tộc. Giảm bớt thời gian làm ma còn giảm bớt rất nhiều về vật chất cho

con cháu và tránh được sự lãng phí không cần thiết, phù hợp với nhiều gia đình kinh tế khó khăn.

Không gian tổ chức rộng: Mặc dù thời gian tổ chức đám tang ngắn, lễ vật được đơn giản hóa nhưng không gian tổ chức lại rộng hơn so với trước đây. Không gian chính để tổ chức đám tang là ở ngôi nhà truyền thống của người Mường Kỳ Lão (ngôi nhà mà người mất đã sinh sống ở đây cho đến lúc mất). Bao bọc lấy không gian chính là không gian phụ bao quanh gồm: sân, đường ngõ, vườn quanh nhà, nhà bếp, nhà kho... thậm chí liên kết với vài nhà xung quanh đều là các không gian dùng vào việc phục vụ đám tang.

Sự xuất hiện của Ban tang lễ: Ban này ra đời để giúp gia đình điều hành các hoạt động của lễ tang, nhất là hoạt động thăm viếng, ăn uống, đưa tang sao cho khoa học, có thứ tự, có trật tự, phù hợp với nếp sống văn hóa mới ở cơ sở.

** Biến đổi về cách tổ chức và nội dung các nghi lễ*

Đổi mới về nghi lễ được thể hiện ở việc không kết hợp lễ chôn cất với lễ làm ma. Vì khi kết hợp cả hai làm ma và làm ma thì phải để thi hài người chết trong nhà nhiều ngày chờ con cháu ở xa kịp lễ. Chính vì vậy, ở một số gia đình khi có người mất người ta lập tức tiến hành các nghi lễ làm ma rồi đưa thi hài đi chôn cất, sau này nếu có điều kiện thì tổ chức làm ma. Có thể coi đây là bước biến đổi hợp lý, đảm bảo vệ sinh, giữ gìn được sức khỏe cho con cháu người chết và cộng đồng mà vẫn bảo đảm được tập tục truyền thống của dân tộc.

Lễ mời thầy cúng về làm ma của người Mường Kỳ Lão nơi đây đã được đơn giản hóa. Người đi mời không nhất thiết phải là trưởng họ, có thể là người thân trong gia đình cũng được. Khi đi không quá cầu kỳ trong việc lựa chọn lễ vật mang theo và thầy cúng cũng luôn sẵn lòng giúp đỡ trong mọi

trường hợp. Tang ma là công việc làm phúc, tích đức, cho nên các thầy cúng có trình độ hiểu biết đều lo tề lễ một cách tận tâm, giúp các gia đình có người mất thực hiện nghi lễ làm ma chay bằng khả năng và lương tâm của mình, họ không bao giờ trục lợi tang chủ thỏa lòng tham của bản thân.

Nếu như ngày trước, khi trong nhà có người chết con trai trưởng phải đến tận nhà thông gia xin phép cho em (chị) gái về chịu tang bố (mẹ) mình, ngày nay khi cha mẹ ốm đau con gái có thể về túc trực, chăm sóc và cùng lo liệu việc tang ma cho cha (mẹ). Đây là một sự biến đổi hết sức tích cực thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa các bên gia đình thông gia. Với hệ thống giao thông, phương tiện truyền thông ngày càng phát triển, việc báo tin tới người thân và cộng đồng của người quá cố trở về nhà tang chủ kịp dự lễ tang ma nhanh chóng và thuận lợi.

Thông thường, trong một đám tang trước đây của người Mường Kỳ Lão phải thịt khá nhiều vật nuôi như lợn, gà, gạo, rượu... để phục vụ cho mục đích tang lễ, nhưng chi phí này đã giảm đi đáng kể trong những năm gần đây.

Đối với trang phục và các đồ dùng, dụng cụ của người chết như chăn chiếu, áo, quần, tranh dùng để cúng bái... được đem chôn hay đốt theo người chết. Bởi người Mường Kỳ Lão quan niệm nếu để lại thì ma người chết sẽ đến đòi và ai sử dụng chúng sẽ bị ốm đau. Đến nay, trang phục và các vật dụng của người chết còn tốt không phải đốt hay chôn theo mà được cất giữ cẩn thận làm vật kỷ niệm hoặc cho con cháu sử dụng.

Lễ phúng viếng trong bối cảnh hiện nay, dưới tác động của nền kinh tế thị trường và nhờ cải thiện về thu nhập, điều kiện sống, thực hành tương trợ của cộng đồng người Mường Kỳ Lão nơi đây đã có thay đổi về hình thức vật tương trợ, chuyển từ các vật phẩm sang tiền mặt thay cho lễ vật trong phúng viếng. Hình thức phúng viếng bằng tiền mặt tuy mới chỉ xuất hiện khoảng chục năm trở lại đây, nhưng đã nhanh chóng phù hợp với cách thức tổ chức

tang ma của đồng bào. Điều đó phần nào nói lên sự chuyển đổi trong nhận thức của cư dân, phù hợp với sự chuyển đổi kinh tế theo hướng thị trường của người Mường Kỳ Lão.

** Biến đổi trong nghi lễ đưa ma và chôn cất người chết*

Trước đây, khi gia đình, dòng họ tổ chức tang lễ cho người mất, người dân bản ít có quan hệ với người mất thường không trực tiếp đến giúp đỡ mà chỉ giúp đỡ dưới hình thức cúng biếu hoặc cho vay một số lễ vật nếu tang chủ yêu cầu. Họ quan niệm: nếu đến đám ma sẽ bị ma người chết làm hại hoặc bắt đi, vì ma người chết thường chỉ bảo vệ con cháu của họ và ghét người lạ. Hiện nay, mỗi khi trong làng có người chết đều được anh em xóm giềng và bạn bè đến giúp đỡ kể cả lúc chôn cất. Con cháu khi đưa người chết đi còn cất thường chỉ đi đến một nửa đường rồi về thì hiện nay họ đã đưa cha mẹ tới tận huyết chôn và tự tay chôn cất cha mẹ mình thể hiện sự tận hiếu của mình.

Các thủ tục kiêng kỵ của người Mường Kỳ Lão trong tang ma cũng dần được đơn giản hóa. Theo tục lệ của đồng bào nơi đây, trong ba ngày làm ma, con cháu trong gia đình phải tuân thủ một số kiêng cử như: chỉ ăn cơm với rau; không giết gia cầm, gia súc; kiêng ăn tất cả các loại thịt hoặc mỡ. Đến nay, con cháu của người chết vẫn được ăn thịt gia súc, gia cầm, không phải kiêng cử trong ăn uống như xưa nữa.

** Biến đổi trong nghi lễ làm mo*

Theo các thông tin viên xưa kia thời gian làm mo to diễn ra hai đến ba đêm. Ngày nay, một đám mo chỉ diễn ra từ 6 giờ tối hôm trước đến khoảng 8 giờ sáng hôm sau là kết thúc. Dù thời gian có giảm đi, song các nghi lễ chính trong đám chay vẫn không thay đổi, vẫn phải đảm bảo đủ trình tự, đủ các bước nhưng ngắn các nghi thức phụ hoặc những nghi thức trùng lặp được diễn đi diễn lại nhiều lần.

Để giảm bớt khó khăn về vật chất, tiền bạc lễ làm ma xưa thường rất tốn kém, gia đình tang chủ phải giết thịt nhiều lợn để cúng cha (mẹ) và thiết đãi dân làng ăn uống nhiều bữa, mỗi cô con gái cũng chuẩn bị lợn, gạo, rượu để làm giỗ hồn cha (mẹ). Đến nay, do thời gian tổ chức làm ma, làm ma ngắn lại nên việc làm cỗ đãi dân làng bản đã ít đi, lễ vật cúng cha mẹ cũng tùy vào hoàn cảnh kinh tế của từng gia đình. Thày mo cũng không yêu cầu nhiều lễ vật cúng tế cũng như là tiền phí làm ma. Các cô con gái nếu không có lợn cúng cha mẹ thì chỉ cần một mâm xôi, gà, hai quả trứng là được.

Do thời gian tổ chức được giảm, các thày cúng cũng thay đổi cách thức làm lễ, họ chuyển từ cách làm việc chậm rãi sang tinh thần làm việc khẩn trương, thời gian chuẩn bị và thời gian nghỉ giữa các tiết lễ được rút ngắn nhất có thể, còn toàn bộ thời gian còn lại tập trung cho việc làm lễ chính. Các thày cúng không mấy khi đọc các bài tang ca dài lê thê từ ngày nọ qua ngày kia nữa, họ đã chọn lọc những phần cốt yếu, tinh hoa và quan trọng nhất để thực hiện, các nghi thức; lễ thức phụ hoặc trùng lặp nhiều lần đều loại bỏ.

Tóm lại, ta có thể thấy rằng các yếu tố biến đổi trong tang lễ chủ yếu là các thành tố liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội, còn bản chất vẫn được duy trì một cách bền vững. Tất cả các yếu tố biến đổi đều diễn ra theo chiều hướng đơn giản hóa, phù hợp với nếp sống văn hóa mới.

3.3. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tang ma của người Mường Kỳ Lão xã Kỳ Phú

3.3.1. Bảo tồn

** Những nội dung, giá trị tích cực cần được bảo tồn*

Nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão thể hiện một hệ thống các quan niệm về thế giới quan, nhân sinh quan, cõi sống, cõi chết, linh hồn và cái

chết, về tập tục làm ma, làm mo với hệ thống các nghi lễ, nghi thức theo một quy định mang đậm dấu ấn bản sắc tộc người, cá tính tộc người.

Trên địa bàn cư trú của người Mường Kỳ Lão sinh sống có đan xen với đồng bào dân tộc Kinh trải qua hàng trăm năm. Trong quá trình sinh hoạt và giao lưu văn hóa, người Mường Kỳ Lão chứng kiến tang ma của người Kinh nơi đây không thấy có mời thầy cúng, chỉ mời thợ kèn trống, rồi đưa ma, nhưng con cháu vẫn bình an, gia đình phát triển. Từ đó, quan niệm về cõi sống, cõi chết, linh hồn, ma quỷ và những lễ nghi giải toả quan niệm ấy dường như trở nên đơn giản hơn, theo chính quan niệm của người Mường Kỳ Lão. Ngày nay, trong quá trình phát triển và giao lưu văn hóa ngày càng mạnh mẽ, các công trình phục vụ sinh hoạt đời sống như điện, đường, trường, trạm, các phương tiện truyền thông đại chúng, các kênh giải trí đa phương tiện đã đến với từng hộ gia đình. Mọi thông tin kinh tế, chính trị, xã hội, đặc biệt là tri thức khoa học phổ biến tới từng cá nhân người Mường Kỳ Lão để họ chiêm nghiệm cuộc sống. Qua quá trình dần nâng cao về tri thức, nhận thức, niềm tin của đồng bào không chỉ dừng lại ở đức tin và không trở thành niềm tin mù quáng. Chính đức tin đã đưa các thế hệ thầy cúng trẻ tuổi người Mường Kỳ Lão nơi đây tiếp tục duy trì các nghi lễ tang ma nhưng đã được cải tiến, phù hợp với đời sống văn hóa mới hiện nay.

Bên cạnh đó, thế hệ trẻ người Mường Kỳ Lão nơi đây đã và đang được học tập, giáo dục bằng chữ quốc ngữ với nội dung giáo dục thống nhất trong toàn quốc, từ cấp I, cấp II đến cấp III. Không ít học sinh người Mường Kỳ Lão đã trưởng thành, có đủ tri thức tiếp tục học các bậc cao hơn, từ Trung cấp, Cao đẳng, Đại học và cao hơn nữa. Họ là những người góp phần phát triển của cộng đồng, bản thân họ đã ý thức kế thừa những kinh nghiệm và tri thức dân gian của thế hệ đi trước để làm giàu cho đời sống văn hoá cộng đồng đặc biệt là họ đã ghi chép, lưu giữ và phổ biến kho

tàng văn hoá dân gian của các thế hệ thầy cúng thông qua các bài cúng đến với đồng bào mình.

Đối với bản thân mỗi người trong làng bản người Mường Kỳ Lão, khi họ tham gia giúp đỡ, chia sẻ, tương trợ lẫn nhau trong quá trình phục vụ thực hiện các công đoạn, các nghi lễ trong tang ma đều với tình thân tận lực, tận tâm, hết mình, không nề hà vất vả và cũng là để tích thêm phúc đức cho con cháu sau này với niềm tin và suy nghĩ “nghĩa tử, nghĩa tận”.

Về giá trị, ý nghĩa trong nghi lễ tang ma, phong tục tập quán trong tang ma người Mường Kỳ Lão tạo ra sự thống nhất trong một cộng đồng, là trung gian hòa giải, là cán cân công lý trong quan hệ xã hội cổ truyền, làm thỏa mãn đời sống tâm linh, cân bằng trạng thái tâm lý, vun đắp nghĩa tình giữa con người với con người, với quê hương, dòng tộc.

Trong một số nội dung của nghi lễ làm ma của đồng bào thể hiện quan niệm, niềm tin mang tính tiến bộ, tích cực, chính những niềm tin đó là cơ sở để đồng bào Mường Kỳ Lão xác định được mối quan hệ giữa người sống với người chết, mà thực hiện những nghi lễ cho người quá cố về thế giới bên kia. Việc thực hiện đúng, đầy đủ, theo trình tự các nghi lễ khiến cho người sống cảm nhận vừa bày tỏ được tấm lòng thương tiếc đối với người đã khuất, vừa làm hài lòng người chết, góp phần cân bằng tâm lý, giảm bớt đau thương, mất mát cho tang chủ, làm yên lòng cho thân nhân, bà con lối xóm trong cuộc sống hiện tại và tương lai vừa là liều thuốc tâm lý, giúp con người trấn an nỗi sợ hãi, an ủi con người ta lúc đau khổ nhất vì mất người thân. Điều đó sẽ rất ích cho cuộc sống. Bên cạnh đó, việc tổ chức các nghi lễ còn mang ý nghĩa giúp linh hồn người chết được siêu thoát về đoàn tụ với tổ tiên từ đó sẽ gạt bỏ được khả năng gây hại của hồn ma, và linh hồn của người thân sẽ báo cho con cháu biết những tin tức bí ẩn, những lời khuyên, những sự ngăn ngừa... và phù hộ cho gia quyến an khang thịnh vượng. Xét về mặt nào đó, các niềm tin,

tín ngưỡng trong tang ma mang nhiều ý nghĩa tích cực cho cuộc sống của đồng bào Mường Kỳ Lão hiện nay.

Vì có niềm tin vào cõi chết và sự ra đi của linh hồn về thế giới bên kia dưới sự giúp sức của thầy mo. Người chết được làm các nghi lễ trong tang ma nhằm mục đích cầu xin được tha thứ cho những lỗi lầm mà khi sống mắc phải.

Qua tang lễ, cùng với tri thức và những quan niệm dân gian từ thế hệ này sang thế hệ khác, càng ngày đồng bào Mường Kỳ Lão càng có điều kiện tiếp xúc với vũ trụ quan, với những quan niệm về cõi sống, cõi chết, dần dần những quan niệm ấy đã trở thành ý thức hệ trong tư tưởng tộc người. Khi chết được con cháu và thầy cúng thực hiện các nghi lễ ma chay để linh hồn được siêu thoát và thực hiện vòng luân hồi quay trở lại giúp đỡ con cháu.

** Những hủ tục cần loại bỏ*

Một số nội dung trong nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão nơi đây mà ta gọi là hạn chế là một thực tại lịch sử khách quan, nó có lý do tồn tại trong nếp sống cổ truyền của dân tộc Mường. Cái hôm nay chúng ta gọi là hạn chế thì trong lịch sử nó đã đóng vai trò tích cực thiết yếu và có thể nói nó đã hoàn thành nhiệm vụ trong xã hội và nếp sống cổ truyền. Nó đã từng tồn tại lâu dài có nghĩa là nó đã được cộng đồng chấp nhận. Tuy nhiên, dù sao nó cũng là những yếu tố hạn chế dưới con mắt và yêu cầu của cuộc sống hôm nay. Đây là những vấn đề cần được nghiên cứu thêm, tuy nhiên bước đầu chúng ta có thể nhận thấy tang lễ của người Mường Kỳ Lão nơi đây có một số hạn chế sau:

Trong nghi lễ tang ma, bên cạnh các giá trị khoa học, giá trị văn hóa là sự phản ánh một trình độ phát triển chậm, một nếp sống còn thiếu sự can thiệp của các chính sách quốc gia để phát huy cái tốt khắc phục hạn chế phục vụ cuộc sống hiện tại.

Nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão ngày nay vẫn còn tồn tại một cách tự nhiên, thiếu sự đầu tư của các cơ quan chức năng để phát huy các yếu tố tích cực góp phần vào việc xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Một số người dân còn quan niệm lệch lạc, mê tín dị đoan và một số hủ tục lạc hậu, nghi thức lỗi thời, không lành mạnh đang có chiều hướng quay trở lại ở một số gia đình người Mường Kỳ Lão nơi đây, không phù hợp với nếp sống văn minh và quy định của Nhà nước.

Mặc dù nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão đã được rút gọn hơn trước nhưng so với cuộc sống còn nghèo khó của đồng bào, thì những chi phí cho nghi lễ, ăn uống vẫn còn tốn kém rất nhiều lợn, gà, rượu, gạo... gia đình nào càng đông họ hàng, bạn bè, đồng nghiệp, dân bản tới phúng viếng thì càng phải tốn kém nhiều hơn. Trung bình chi phí cho một đám tang của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan từ 20 - 25 triệu đồng.

Mặc dù gia đình tang chủ có sự hỗ trợ giúp đỡ của tất cả mọi người nhưng dường như đây là một nghĩa vụ thật sự nặng nề và khó khăn đối với gia đình có người mất, bởi không dễ dàng để có thể chuẩn bị được một khoản kinh phí lớn như thế. Thiết nghĩ cho dù có sự hỗ trợ mạnh mẽ của cộng đồng, nhưng những món nợ đời thì phải có trách nhiệm và nghĩa vụ báo đáp, cho nên việc tổ chức tang ma càng tiết kiệm hợp lý càng bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào và phù hợp với yêu cầu xây dựng văn hoá hiện nay. Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới công cuộc xây dựng đời sống văn hóa mới đến từng làng bản ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay.

Nhưng các tư tưởng tôn giáo trong tang ma của dân tộc Mường Kỳ Lão cũng có những mặt hạn chế và bất cập về thế giới quan, về quan niệm cõi sống, cõi chết, về đời sống cực lạc ở thế giới bên kia, về nguyện vọng của tổ tiên nếu chúng ta không thường xuyên kiểm tra, giám sát, tuyên truyền cho

đồng bào thì có thể dễ dàng để kẻ hành nghề mê tín dị đoan lợi dụng, lôi kéo họ trượt dần vào những việc làm tốn kém, cản trở sự phát triển của xã hội. Chẳng hạn, vẫn tồn tại một số cá nhân tin tưởng vào tầng lớp thầy mo, thầy cúng nên khi ốm đau hay gia đình có chuyện chỉ cần mời thầy cúng tới nhà xem bói, cúng bái mà không cần đến bệnh viện cứu chữa kịp thời.

Việc chia của và chôn đồ tùy táng cho người chết bằng các vật dụng còn mới, chưa từng sử dụng thậm chí còn làm hư hỏng các đồ dùng để chia cho người chết thực sự góp phần lãng phí công cụ trong lúc khó khăn cũng như kinh tế của hộ gia đình và người thân. Bên cạnh đó, việc con cháu, người thân trong gia đình phải túc trực bên linh cữu, thức khuya dậy sớm, sinh mệt mỏi ốm đau, họ hàng, anh em, hàng xóm cũng phải mất nhiều thời gian trong công việc tương trợ dẫn đến ảnh hưởng về sức khỏe và lao động sản xuất. Sự sống là quý giá thiêng liêng nên người có hiếu không chỉ lo việc thực hiện nghi lễ ma chay mà còn phải lo cho cha mẹ lúc còn sống sao cho tốt đẹp, hợp đạo lý.

Một việc làm cũng hết sức mất vệ sinh, an toàn sức khỏe con người chính là tục lệ bật nắp ván thiên cho vải vóc quần áo vào trong quan tài sau khi mãn tang của người Mường Kỳ Lão bởi họ quan niệm rằng việc cung cấp quần áo, vải vóc cho người chết là một việc làm báo hiếu, báo ơn người chết.

3.3.2. Phát huy trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và xây dựng nông thôn mới

Mục tiêu tổng quát: Bảo tồn và phát huy có chọn lọc những nghi thức trong phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào Mường Kỳ Lão nói riêng; cải tiến, đổi mới và loại bỏ dần trong cuộc sống những quan niệm lệch lạc và nghi thức, thủ tục lỗi thời, lạc hậu, không lành mạnh, không phù hợp với nếp sống văn minh của thời đại. Nghiên cứu, xây

dựng Qui ước, Hương ước của xã, làng để giữ gìn văn hóa, văn minh, lành mạnh, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; chấp hành nghiêm các qui định của pháp luật trong việc tang lễ theo nếp sống văn minh.

Việc thực hiện Quyết định số: 1271/QĐ-UBND, ngày 23/5/2011 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; phải gắn liền với việc xây dựng gia đình văn hóa, thôn, bản văn hóa, xã văn hóa, góp phần thúc đẩy việc thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và mục tiêu Quốc gia về “xây dựng nông thôn mới” tại địa phương.

Mục tiêu cụ thể: Thực hiện đổi mới tập quán trong tang lễ: Đưa việc tang vào quy ước nếp sống văn hoá của cộng đồng để nhân dân tự điều chỉnh và thực hiện. Vận động đồng bào dân tộc Mường Kỳ Lão thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước trong việc tang cụ thể:

- Thành lập Ban tang lễ theo đặc thù của địa phương và gia đình có sự chỉ đạo của chính quyền địa phương.

- Gia đình, người thân của người chết phải làm thủ tục khai tử trước khi tổ chức lễ tang theo quy định của pháp luật. Khi có người chết phải đưa thi thể vào quan tài trong vòng không quá 12 giờ hoặc khi phát hiện người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thì phải khâm liệm trong vòng 06 giờ.

- Người chết được khai tử đúng quy định. Thời gian tổ chức tang lễ và chôn cất người chết không được để quá trong nhà quá 48 giờ (tức chỉ 02 ngày 02 đêm) để bảo đảm vệ sinh môi trường; không cử nhạc tang, thổi kèn, đánh trống trước 05 giờ sáng và sau 22 giờ; không bón cơm, phơi nắng người chết.

- Việc tổ chức ăn uống trong lễ tang chỉ thực hiện trong nội bộ gia đình, dòng họ; việc tiếp nhận đồ, lễ viếng phải bố trí nơi ổn định, phân công 01

thành viên Ban tang lễ chuyên trách việc tiếp nhận, ghi chép; 01 người đại diện trong gia đình đứng ra cảm ơn.

- Người chết phải được chôn cất trong nghĩa trang, nghĩa địa; thời điểm Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chưa quy hoạch được nghĩa trang, nghĩa địa thì gia đình có người chết phải thực hiện việc chôn cất theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và thôn bản; huyệt chôn cất phải đào sâu từ 1,5 mét trở lên.

Một số giải pháp thực hiện: Việc thực hiện Quyết định số: 1271/QĐ-UBND, ngày 23/5/2011 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình là cuộc vận động của toàn dân; vì vậy, các cơ quan, Ban, ngành, đoàn thể của huyện, cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các xã, thị trấn phải quán triệt tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân; tuyên truyền, giáo dục, vận động các hộ gia đình tự giác chấp hành có sự giám sát, kiểm tra của chính quyền địa phương.

Công tác tuyên truyền, vận động và thực hiện thông tư, chỉ thị của Nhà nước là trách nhiệm của tất cả các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, trong đó cần chú trọng đến vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, những người có uy tín tại cộng đồng dân cư như: Già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ và những người thông thạo phong tục tập quán, những người thường xuyên tham gia làm thầy mo, thầy cúng và Ban tổ chức lễ tang; cần phải tập huấn những đối tượng này thành hạt nhân tuyên truyền tại cơ sở.

Lồng ghép việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết

xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và chương trình mục tiêu quốc gia về “Xây dựng nông thôn mới”. Lấy tiêu chí thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang gắn với việc đánh giá, công nhận các danh hiệu gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu dân cư tiên tiến, xã văn hóa... Gắn việc thực hiện thông tư, chỉ thị của Nhà nước về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội với việc thực hiện Chỉ thị 03 - CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và là một trong các tiêu chí đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua hàng năm của tập thể, các tổ chức trong hệ thống chính trị, các cá nhân cán bộ Đảng viên, công chức, hội viên, đoàn viên...

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền từ huyện đến thôn bản trên hệ thống đài truyền thanh, truyền thanh cơ sở; đưa tin các nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, phê phán và lên án những biểu hiện tiêu cực, nhằm tạo dư luận đồng thuận, đồng tình ủng hộ của nhân dân trong việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang...

Phát huy và đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, xây dựng những giá trị văn hóa mới, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc. Bảo vệ và xây dựng môi trường văn hóa trong cộng đồng dân tộc thiểu số.

Tạo mọi điều kiện nâng cao mức hưởng thụ và tham gia hoạt động, sáng tạo văn hóa của nhân dân; từng bước thu hẹp sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật giữa thị trấn và các xã vùng sâu, vùng xa.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc Mường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Khuyến khích các hoạt động giữ gìn, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa tiêu biểu của dân tộc.

Tiểu kết chương 3

Nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão là cách ứng xử giữa người với người, giữa người với thiên nhiên, nên chúng là một hiện tượng văn hoá đặc sắc bao gồm nhiều nghi lễ khác nhau, phản ánh các quan niệm về lịch sử xã hội, cộng đồng dân tộc được các thế hệ đi trước thực hiện và trao truyền cho thế hệ sau. Song dưới tác động mạnh mẽ của sự giao lưu, hội nhập kinh tế, văn hóa, xã hội trong thời đại mới; đặc biệt là sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tang lễ của người Mường Kỳ Lão nơi đây cũng có nhiều biến đổi theo chiều hướng tích cực. Tuy nhiên, các yếu tố gắn kết với đời sống tâm linh vẫn được duy trì bền vững; các nghi lễ trong lễ tang mới chỉ biến đổi về các thành tố, còn bản chất hầu như chưa thay đổi.

Tang ma biểu hiện văn hoá, tín ngưỡng, tâm lý và cá tính tộc người như coi trọng tổ tiên, tông tộc, nặng nghĩa vẹn tình. Do vậy, tang ma là một bộ phận không thể tách rời trong đời sống văn hoá của mỗi con người cũng như mỗi cộng đồng người Mường nơi đây. Tang ma cũng là thời điểm bộc lộ và thể hiện rõ, chân thực nhất bản chất con người, thông qua các nghi lễ “chia tay” giữa người sống với người chết, biểu hiện sâu sắc đạo hiếu, đạo nghĩa, tính nhân văn của người sống dành cho người chết.

Tang ma là một hiện tượng văn hoá tâm linh không thuần nhất mà có sự giao thoa với nhiều yếu tố văn hoá tâm linh (tôn giáo, tín ngưỡng), hàm chứa nhiều giá trị văn hoá tộc người, phản ánh trong đó toàn bộ xã hội, giải quyết tốt các vấn đề trong tang ma như quan niệm, lễ nghi, chi phí, ứng xử trong tang ma... sẽ góp phần ổn định cuộc sống của cư dân, trấn an cho con người, hạn chế tối đa những lo lắng không cần thiết cho cư dân, hạn chế sự xâm nhập của tín ngưỡng, tôn giáo ngoại lai.

KẾT LUẬN

Xã Kỳ Phú là một trong các xã tập trung sinh sống chủ yếu của người Mường ở huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Người Mường nơi đây vốn từ các nơi khác nhau như Hòa Bình và Thanh Hóa di cư tới và chia làm bốn nhóm địa phương chính. *Mường Kỳ Lão* là tên gọi của một trong các nhóm địa phương đó, họ cư trú tập trung ở ba bản Cả, Ao và Sau thuộc xã Kỳ Phú. Người Mường Kỳ Lão có nguồn gốc là các nhóm Mường từ Hòa Bình, Thanh Hóa – Nghệ An và Huế... tới Kỳ Phú sinh sống, do vậy văn hóa của người Mường Kỳ Lão vừa bảo lưu những giá trị truyền thống của người Mường nói chung, lại vừa có sự giao thoa, tiếp biến văn hóa của các tộc người khác nhau đặc biệt là văn hóa của người Kinh.

Tang ma của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình là hệ thống các nghi lễ và những quy tắc ứng xử giữa con người với con người, giữa cá nhân với cộng đồng thôn bản, tạo nên mối giao ước và những quy tắc không chỉ liên quan tới người chết mà ràng buộc người sống với nhau, buộc người ta phải có nghĩa vụ và trách nhiệm cộng đồng. Đó là sản phẩm văn hóa độc đáo mang tính tộc người có vai trò quan trọng trong việc thống nhất ý thức cộng đồng Mường. Nghi lễ ma chay của người Mường Kỳ Lão chứa đựng nhiều yếu tố văn hóa cổ truyền, vừa mang các đặc điểm chung của dân tộc Mường, vừa có những sắc thái văn hóa riêng. Qua các nghi lễ ma chay của người Mường Kỳ Lão ta hiểu được về đặc điểm tôn giáo tín ngưỡng và các yếu tố văn hóa mà thông qua đó có thể nhận diện được nhiều giá trị sâu sắc trong triết lý sống của cộng đồng.

Tang ma của người Mường Kỳ Lão là một thành tố văn hóa, đồng thời cũng là một trong những đại lễ của đời người. Tang lễ thể hiện các giá trị đặc thù, với mức độ, quy mô khác nhau, với hàm lượng thông tin văn hóa đa

chiều tạo nên bản sắc văn hóa tộc người. Các giá trị đó được thể hiện trước hết là giá trị và ý nghĩa đạo đức nhân văn:

Khi còn sống họ đã cố gắng làm tròn nghĩa vụ với đời, chỉ bảo con cháu những kinh nghiệm trong quá trình lao động, sản xuất, chỉ bảo con cháu những điều hay lẽ phải, những điều cần tránh để con cháu học tập. Khi chết đi vẫn gần gũi, giúp đỡ với con cháu.

Giá trị phản ánh quan niệm, triết lý tộc người: Nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão thể hiện một hệ thống các quan niệm về thế giới quan, nhân sinh quan, cõi sống, cõi chết, linh hồn và cái chết, về tập tục làm ma, làm mo với hệ thống các nghi lễ, nghi thức theo một quy định mang đậm dấu ấn bản sắc tộc người, cá tính tộc người. Điều đó có ý nghĩa quan trọng về giáo dục ý thức cộng đồng, cố kết cộng đồng một cách mạnh mẽ cho tất cả các thành viên.

Giá trị phản ánh lịch sử văn hóa tộc người, biểu hiện quan trọng của bản sắc văn hóa tộc người. Đó là giá trị cố kết cộng đồng, làng xóm thông qua việc đến giúp gia chủ công sức, tiền của và sự sẻ chia; từ các sinh hoạt nghi lễ tang ma đã nảy sinh các hoạt động văn học – nghệ thuật (âm nhạc, các loại hình diễn xướng...) phản ánh đặc trưng văn hóa tộc người. Có thể nói những áng mo trên không chỉ là những đoạn tang ca tiễn đưa linh hồn người chết về thế giới bên kia mà đó còn là những câu chuyện kể về lịch sử nguồn gốc tộc người. Người sống, người chết dù phải chia lìa cách biệt, nhưng nếu con cháu lo được chu tất cho người chết ở thế giới bên kia thì về mặt tâm linh đỡ băn khoăn, áy náy, đau thương được dịu bớt. Vì vậy, tang ma của người Mường Kỳ Lão tựa như chất keo gắn kết mối quan hệ anh em, họ hàng, làng xóm.

So với những năm gần đây, nghi lễ ma chay của người Mường Kỳ Lão đã có không ít những biến đổi để phù hợp với yêu cầu cuộc vận động xây

dựng nếp sống văn hóa mới ở địa phương, song bản chất của các nghi lễ vẫn chưa có sự thay đổi.

Nội dung trong nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão có nhiều yếu tố tích cực, chứa đựng nhiều tư liệu quan trọng giúp ích cho công tác nghiên cứu khoa học như: các nghi thức, nghi lễ phản ánh tâm lý, tình cảm của đồng bào giúp cho những nhà quản lý định hướng các chính sách địa phương vùng dân tộc cho phù hợp; các bài cúng, bài mo, những chuyện kể là những bức tranh phản ánh về nguồn gốc lịch sử, tín ngưỡng... Chỉ chừng ấy thôi cũng cho ta thấy vấn đề nghi lễ tang ma của người Mường Kỳ Lão rất cần được nghiên cứu, khai thác bảo tồn và phát huy như thế nào trước ngưỡng cửa của thời kỳ văn minh công nghiệp.

Bên cạnh các yếu tố tích cực, nghi lễ ma chay của người Mường Kỳ Lão cũng còn những hạn chế nhất định như các nghi lễ khá nhiều và phức tạp; một số nội dung còn mang yếu tố mê tín, dị đoan, lạc hậu, lỗi thời; chi phí về thời gian, vật chất còn lớn, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của đồng bào, cần được sớm xóa bỏ.

Như đã trình bày trong luận văn, tang ma truyền thống của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú chứa đựng nhiều yếu tố tích cực, và tiêu cực, nên cần phải nghiên cứu, tìm hiểu và phát huy những yếu tố tích cực, hạn chế các yếu tố tiêu cực để phù hợp với đời sống văn hóa mới ở cơ sở hiện nay. Đặc biệt là trong thời đại hội nhập và giao lưu quốc tế, phát triển khoa học – Hiện đại hóa đất nước cần kế thừa có chọn lọc những tinh hoa văn hóa, đảm bảo hài hòa giữa việc xây dựng nếp sống văn hóa với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Đảng, chính quyền, các đoàn thể xã hội ở địa phương tạo mọi điều kiện cần thiết để nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào, gắn văn hóa tín ngưỡng với việc xây dựng nếp sống văn hóa ở cơ sở cho phù hợp. Chúng ta không nên tẩy chay tất cả, mà chủ động đào tạo lớp thầy mo trẻ học các

ngghi lễ tâm lin đồng thời đào tạo thêm trình độ lý luận chính trị, quản lý văn hoá, kiến thức văn hoá, cái nhìn đa chiều về cuộc sống, với giáo lý được kiểm soát chặt chẽ, các nghi lễ được phê duyệt cụ thể. Lớp thầy cúng giống như một lực lượng thần quyền tham gia cùng các nhà quản lý địa phương, củng cố đức tin vào Đảng, Nhà nước, vào văn hoá và các giá trị văn hoá tộc người, ổn định trật tự xã hội. Nếu văn hoá và niềm tin đã ăn sâu bám rễ, đủ mạnh để kháng cự với văn hoá ngoại lai, thì mới thực sự bảo tồn, phát huy vốn di sản văn hoá dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Anh (2001), *Tiếp cận với văn hóa bản Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Toàn Ánh (1995), *Phong tục thờ cúng trong gia đình Việt Nam*, Nxb Đồng Tháp
3. Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh
4. Bộ Công thương (Lê Ngọc Thắng biên soạn) (2010), *Sự phát triển vùng dân tộc thiểu số Việt Nam sau hội nhập*.
5. Nguyễn Từ Chi, Bùi Văn Sơ, Bùi Văn Nhin, ... (1980), *Người Mường với văn hóa cổ truyền Mường Bi*, UBND Huyện Tân Lạc, Sở VHTH Hà Sơn Bình.
6. Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
7. Phan Hữu Dật (1998), *Một số vấn đề dân tộc học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.
10. Lê Sĩ Giáo (chủ biên), Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng (1998), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Song Hà (2013), *Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Trần Minh Hương (2007), *Nghi lễ tang ma cổ truyền của người Mường ở Mường Động tỉnh Hòa Bình*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

13. Jeanne Cuesinie (1995), *Người Mường – Địa lý nhân văn và xã hội học*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
14. Vũ Ngọc Khánh (chủ biên), Phạm Minh Thảo, Nguyễn Vũ (2002), *Từ điển văn hoá dân gian*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
15. Đặng Văn Lung, Bùi Thiện, Bùi Văn Nợi (1996), *Mo mường: Mo Mường và nghi lễ tang ma*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
16. Hoàng Nam (1998), *Bước đầu tìm hiểu văn hóa tộc người*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
17. Hoàng Anh Nhân (1994), *Mo lên trời: Bài ca đưa hồn người chết đến cõi vĩnh hằng*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
18. Cao Thụ Phan (chủ biên), (1971): *Hình âm nghĩa tổng hợp đại từ điển*, Nxb Chánh Trung, Đài Loan.
19. Hoàng Phê (chủ biên) (1992) *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Nxb Đà Nẵng, Hà Nội.
20. Lê Ngọc Thắng – Lâm Bá Nam (1990), *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
21. Lê Ngọc Thắng (2005), “Chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế phụ gia đình đối với các dân tộc thiểu số” trong *Một số vấn đề dân tộc và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Ngô Đức Thịnh (chủ biên), (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học – Xã Hội, Hà Nội.
23. Vương Anh Tiên (1963), “Tìm hiểu nguồn gốc tôn giáo trong các dân tộc miền núi”, *Tạp chí dân tộc học* (37, tr18).
24. Toocarep (1994), *Các hình thái tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb Chính trị Quốc gia.

25. Trần Từ (1996), *Người Mường ở Hòa Bình*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
26. Tư liệu khảo sát tại địa bàn xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan (Ninh Bình).
27. UBND xã Kỳ Phú (2014), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội năm 2014; nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội năm 2015* tại Đại hội Đảng Bộ lần thứ VII nhiệm Kỳ 2010 – 2015.
28. Lê Trung Vũ, Lưu Kiếm Thanh, Nguyễn Hồng Dương (1996), *Nghi lễ đời người*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
29. Lê Liêu (2012), “Sắc diện văn hóa vùng sơn cước”, <http://baoninhbinh.org.vn>, truy cập ngày 20 tháng 6 năm 2015.
30. Quang Hải (2013), “Người Mường ở Ninh Bình và những yếu tố văn hoá truyền thống”, <http://www.ttttninhbinh.gov.vn/>, truy cập ngày 20 tháng 6 năm 2015.

MỤC LỤC CỦA PHỤ LỤC

STT	Tên phụ lục	Nguồn	Trang
1	Phụ lục 1: Danh sách các thông tin viên trong các đợt điền dã tại xã Kỳ Phú huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình	Tác giả sưu tầm	106
2	Phụ lục 2: Bản đồ hành chính xã Kỳ Phú, thể hiện vị trí ba bản (bản Cả, bản Ao, bản Sau)	Tác giả chụp	107
3	Phụ lục 3: Một số bài mo	Tác giả sưu tầm	108
4	Phụ lục 4: Một số hình ảnh về cảnh quan, văn hóa, tang ma	Tác giả chụp	115

**Phụ lục 1: Danh sách các thông tin viên trong các đợt điền dã tại xã Kỳ
Phú huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình**

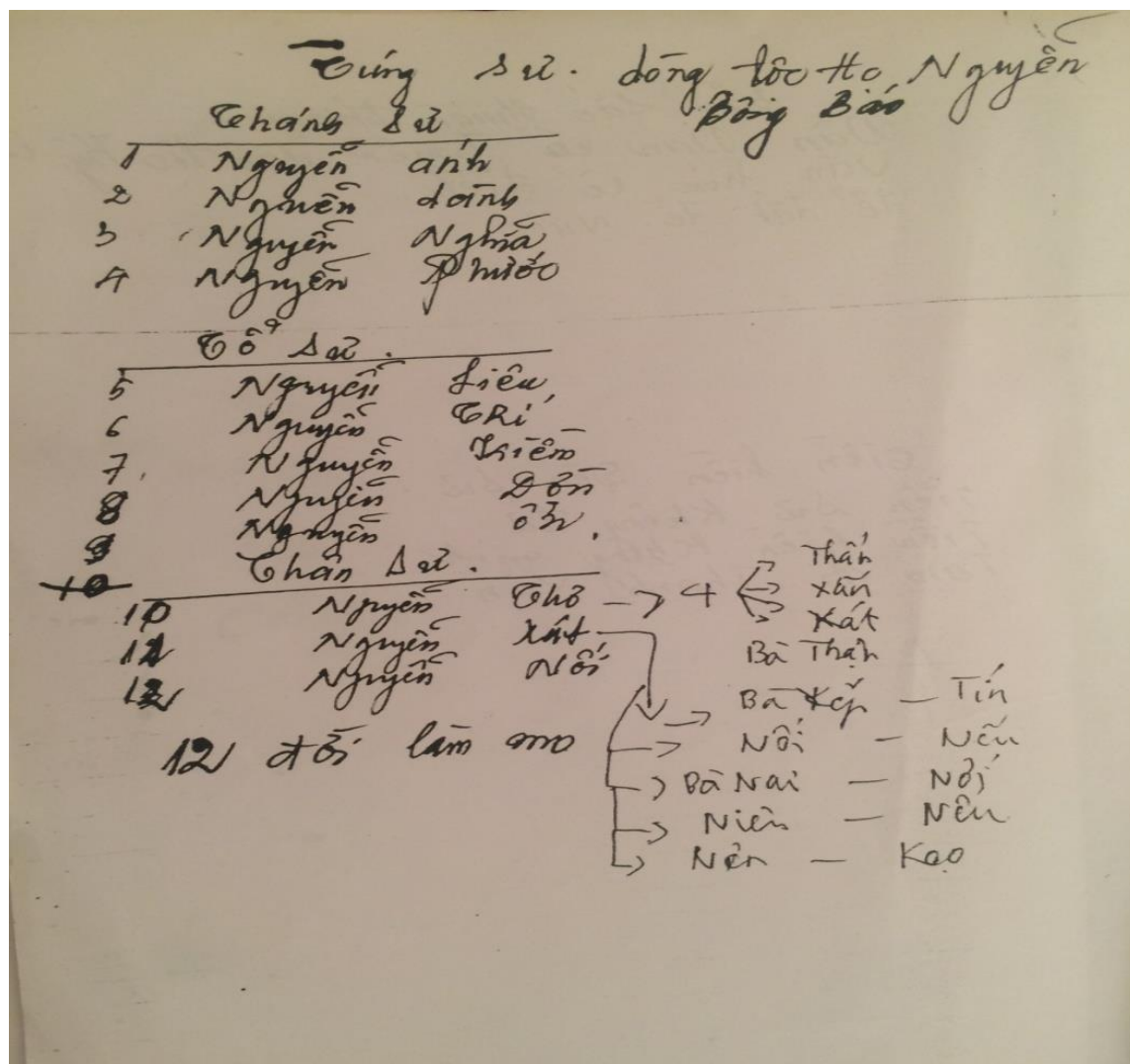
STT	HỌ VÀ TÊN	TUỔI	DÂN TỘC	NGHỀ NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
01	Đinh Văn Cán	36	Mường	Bí thư Bản Cả	Xã Kỳ Phú
02	Đinh Xuân Hiến	55	Mường	Trưởng Bản Cả	Xã Kỳ Phú
03	Đinh Văn Mộc	58	Mường	Bí thư Bản Sau	Xã Kỳ Phú
04	Đinh Văn Hưng	38	Mường	Trưởng Bản Sau	Xã Kỳ Phú
05	Đinh Văn Sỹ	35	Mường	Bí thư, Trưởng bản Sau	Xã Kỳ Phú
06	Đinh Xuân Khuông	66	Mường	Nguyên chủ tịch xã	Xã Kỳ Phú
07	Đinh Huy Láng	62	Mường	Nguyên bí thư xã	Xã Kỳ Phú
08	Đinh Văn Thiện	70	Mường	Thầy cúng bản Ao	Xã Kỳ Phú
09	Đinh Văn Phong	64	Mường	Thầy cúng bản Ao	Xã Kỳ Phú
10	Đinh Thái Lai	55	Mường	Thầy cúng bản Cả	Xã Kỳ Phú
11	Đinh Văn Thiệu	56	Mường	Thầy mo bản Mết	Xã Kỳ Phú
12	Đinh Văn Bổng	79	Mường	Thầy mo bản Mết	Xã Kỳ Phú
13	Bùi Văn Huyền	49	Mường	Trưởng ban văn hóa xã	Xã Kỳ Phú
14	Đặng Thị Thùy	28	Mường	Cán bộ văn hóa xã	Xã Kỳ Phú
15	Đinh Văn Tân	50	Mường	Thầy mo	Xã Kỳ Phú
16	Đinh Văn Xiêm	77	Mường	Thầy mo bản Sau	Xã Kỳ Phú
17	Đinh Văn Nều	79	Mường	Thầy mo bản Sau	Xã Kỳ Phú
18	Đinh Văn Thiện	80	Mường	Làm ruộng	Xã Kỳ Phú
19	Đinh Văn Chín	35	Mường	Làm ruộng	Xã Kỳ Phú
20	Bùi Thị Lợi	39	Mường	Làm ruộng	Xã Kỳ Phú
21	Bùi Thị Ớn	29	Mường	Làm ruộng	Xã Kỳ Phú

Phụ lục 2: Bản đồ hành chính xã Kỳ Phú, thể hiện vị trí ba bản (bản Cả, bản Ao, bản Sau)



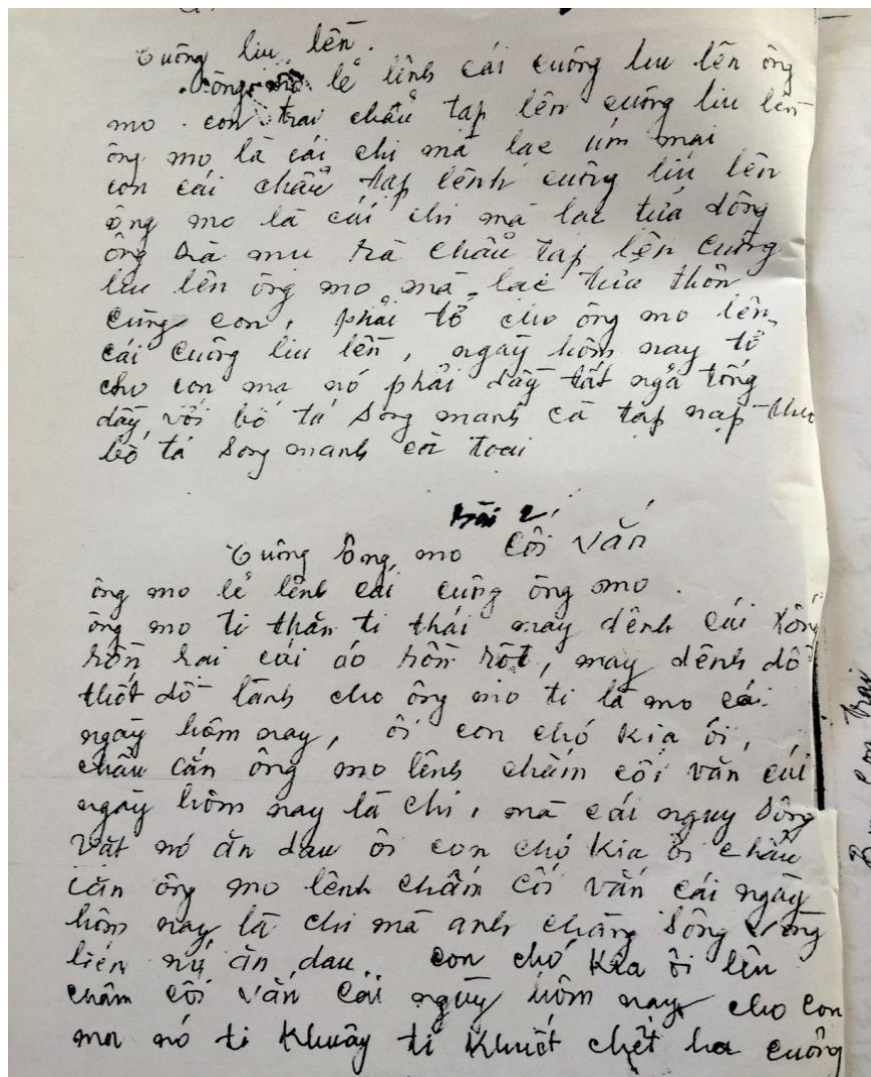
(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)

Phụ lục 3: Một số bài mo



Ảnh 1: Họ và tên của 12 vị Thánh, tổ sư nghề mo của dòng họ Nguyễn Bông
Báo thuộc Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Ông mo
khẩn mời tổ mo khi bắt đầu hành lễ làm mo.

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)



Ảnh 2: Bài mo “Cuông lui lên” (Khi bắt đầu vào lễ mo, ông mo sẽ thông qua áng mo này nhắc nhở con cháu tang phục chỉnh tề, im lặng nghe lời mo dạy: con cháu mặc quần áo trái, không đeo tiền vàng trang sức... Ông mo khiến cho con trâu, con gà, con vịt phải vào chuồng, trật tự để giữ trang nghiêm cho ông hành lễ)

Bài mo “Cuông ông mo côi vắn”: Ông mo mời tổ sư về chứng giám và giúp ông làm mo đưa hồn người chết lên Mường Trời “xin đừng chuộc số”.

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)

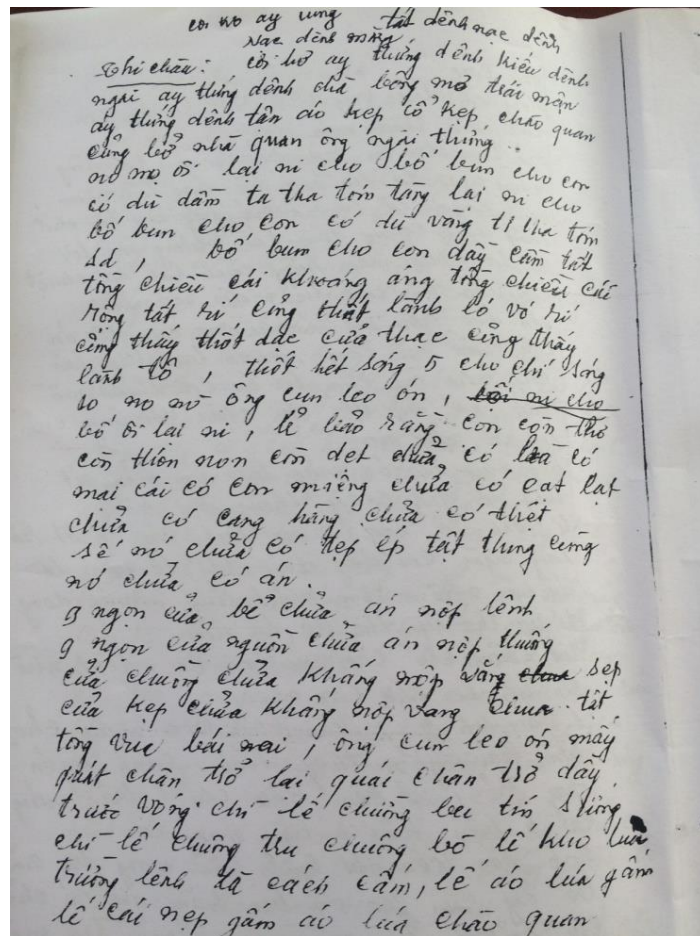
Cuông

Bài (2)

Ông mo lệnh cái cuông tại tuồng ông mo
 lễ thấy uín mai lũng tối dơg án cái tằm
 bông lể dơg lệnh mạnh mẽ chắc lễ ông mo
 lệnh cái cuông tại tuồng nhà hườn cái hể
 ông mo lễ bảo rằng tháng 4 ông mo còn thi năng
 tháng 5 còn mảe dờ thi mùa chả có lảng nỏ
 ở rông cọng ngày nỏ ở rỏ mảe thôn dau án mạnh
 lễ thấy uín mai lũng tối dơg án cái tằm bông
 lể thấy uín mai lũng tối dơg án cái tằm bông
 bông dơg lệnh ti bạch ti lủa xua ti mạnh
 mạnh mẽ chắc lễ ông mo lệnh là cái
 cuông tại tuồng cho nhà hườn cái hể
 ông mo lễ bảo rằng tháng 4 ông mo còn mảe
 dờ thi mùa tháng 5 còn mảe dờ thi mùa
 chả có lảng nỏ ở rông cọng ngày nỏ ở rỏ mảe
 thôn dau án mạnh
 lễ thấy uín mai lũng tối dơg án cái tằm bông
 ti lủa xua ti mạnh dơg lệnh ti bạch ti lủa
 xua ti mạnh ông mo lệnh là cái cuông tại tuồng
 cho nhà hườn cái hể
 lễ thấy uín mai lũng tối dơg án cái tằm bông
 dơg lệnh ti bạch ti lủa xua ti mạnh

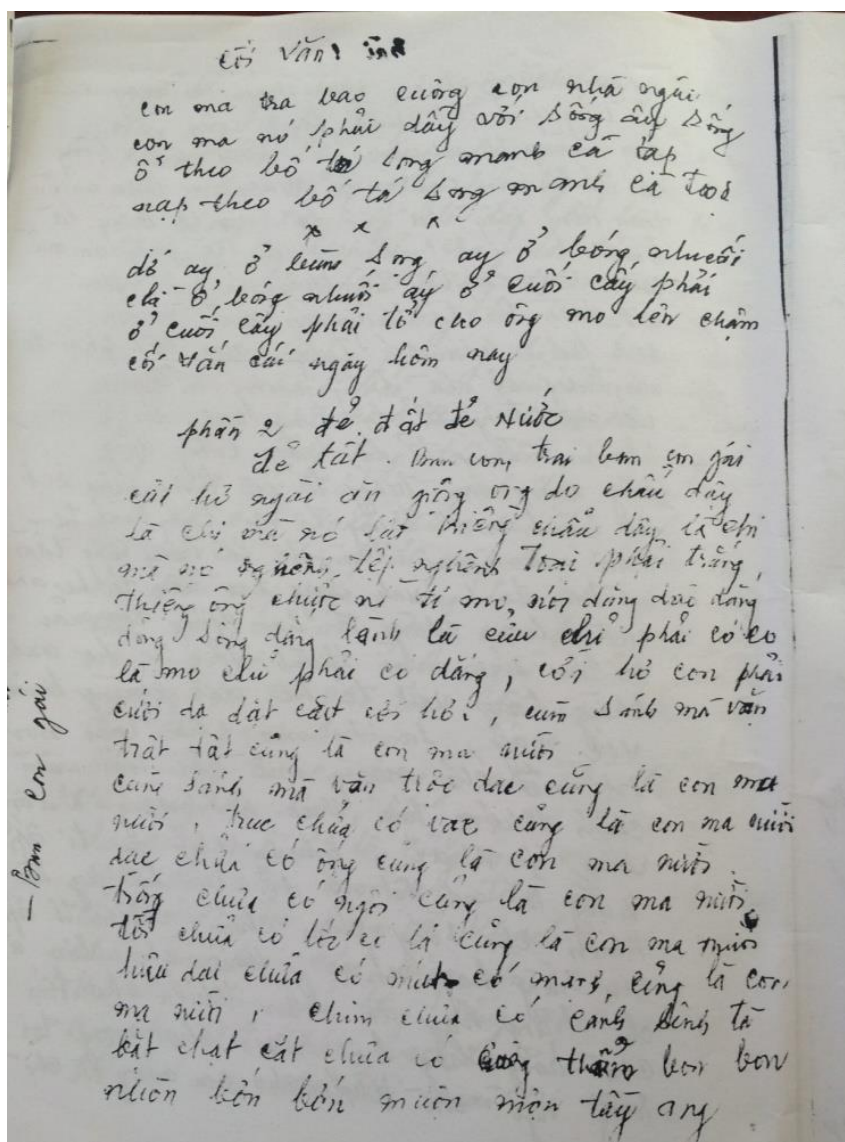
Ảnh 4: Bài mo “Cuông đại tướng”: Ông mo thay quyền thánh sư kể lại việc đúc chiếc chuông Lạc tận biển khơi xa xôi, theo tiếng chuông Lạc mà vong hồn người chết nghe theo lời ông mo giao ước về thế giới bên kia không quay lại mang bệnh tật, ốm đau cho con cháu đang sống.

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)



Ảnh 5: Bài mo “Cuông thi châu”: Bài mo này kể lại cuộc đời của người chết từ lúc mới sinh ra cho tới lúc chết. Lúc còn sống, người này rất chăm chỉ lao động làm ra nhiều của cải, đã làm được rất nhiều việc có ích và hoàn thành trách nhiệm của một người con, người chồng (vợ) , người cha (mẹ) và với làng đã làm tròn nghĩa vụ của một ông Trùm, ông họ... Đến khi chết về Muồng ma, vong hồn người chết sẽ được chia tài sản, đất cát, rượng nương, dụng cụ lao động sản xuất để tiếp tục cuộc sống bên thế giới Muồng ma.

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)



Ảnh 6: Bài mo “ Đẻ đất đẻ nước”: Ông mo kể về sự hình thành trời và đất, vạn vật và cả loài người, và lịch sử dân tộc Mường: câu chuyện con rùa dạy ông lang Đá Càn làm nhà, chuyện tình của ông Đá Càn với các bà vợ... Và lịch sử tộc người Mường được ghi nhận là có từ thời Lạc Long Quân – Âu Cơ, câu chuyện người Kinh và người Mường là anh em được sinh ra từ cái trứng do đôi “chim Ấy – cái Ứa” sinh ra...

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)

Đường lên trời
 Ở kia nuôi con lông lông con lành
 xanh con trắng trắng con đen nuôi ti là
 Rừng nuôi ông nuôi ti là rừng nuôi ăn,
 Hôm nay nuôi phải ti khuyển ti khuyển
 chết thối cũng con ma tra bao ông
 con nhà ngài.
 Chi nuôi châu có năm là chi cả ruộng
 ruộng cả này.
 mọi con cái nó mọi tha mọi con ca nó
 mọi cây laug nuôi phải dây ma ti chạm
 với ông với em ma cách tổ cách cái
 tủa phư, tổ cánh tổ áo tổ ăn
 cách lễ mô-tửu cầm cơ cầm sang
 ti trước, cách lễ mô-tửu cầm
 cho hết châu tông thay châu tay, tủa
 mặt công gủi cho hết tổ ăn tổ ông
 cách lễ mô-tửu tông chiếu oan vô giữa
 cho liên hướng, đồng cho châu ông mở
 lễ dây ti trước, mọi biến chân lên
 giá lá chân lành vòng
 tủa ti tủa heo / vô ngựa bước chân
 tha cả bàn cơ trời cả bông có thiếp
 chiêm, rập hiếp dây thiếp nhà dâm
 tâm như nguyệt gặt
 mây ti nơi đó

Ảnh 7: Bài mo “Cuông lên Trời”: Ông mo mời tổ tiên người chết dẫn linh
 hồn người chết lên Muờng trời “xin đông chuộc số”.

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)

Cường Thuồm Duôn cõi lữ nó chừa có Kháng
 bao dân cái tâm vớt tận ngàn nó chừa có
 Kháng bao chùng phải mạnh mẽ chừa có
 ông mớ lênh lã cái lảng thuồm duôn
 cái tâm con trai con gái nó chừa Kháng
 bao lương bao biển phải mạnh ông mớ
 lênh nhảm cái cường thuồm duôn
 chừa cái tâm con trai con gái nó chừa
 nó mảy Kháng bao lương bao biển
 Hết

1 Đoạn Ban Biển
 cường bực tiền có mảy ô mớ lảo lển
 lầy lển, cõi lữ chừa biển dênh nổi dênh
 nổi chừa có biển dênh thềm lẹp
 chừa biển dênh cây cỏ cây sông
 chừa lển dênh lẩn vắng vơi chừa lển
 dênh cây thay ruộng
 Hết

Thăm Viếng
 vi thăm từ thủa uín nằng vầy vầy thăm uín
 nằng vầy ve uín nằng vi vông, thăm Sao
 lẩn lể thấy Sao một mủi rỏ bảo rằng
 từ cảm lể cái dục trời ba cái dục ma
 tử thăm cớ sông chết cớ sông vu
 thăm cái cùm lầy bãi chết thăm cái trúc
 hủ thăm trúc rừ cừ phải chết thóc rừ
 thăm cái tăng dục thưng dục dục dục dục
 chết uón lầy từ mủi thăm phần cừ dục
 nhiều nốt lẩn nầu nhiều tau lẩn ỏm

Ảnh 8: Bài mo “Thăm viếng” (Sau khi lên Muờng Trời về ông mo sẽ dẫn
voong hồn người chết về thăm lại xóm làng, quê nội, quê ngoại, nơi chôn
rau cất rồn của người chết...)

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)

Phụ lục 4: Một số hình ảnh về cảnh quan, văn hóa, tang ma



Ảnh 1: Ruộng Sao Xa thuộc Cánh đồng Thung Lâu, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (tương truyền là nơi xưa kia có ngôi sao lạ từ trên trời xa xuống bản của người Mường Kỳ Lão)

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)



Ảnh 2: Bản Cả, xã Kỳ Phú (nơi sinh sống của người Mường Kỳ Lão)

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)



Ảnh 3: Nương mía của người Mường Kỳ Lão thuộc bản Sau, xã Kỳ Phú
(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)



Ảnh 4: Nương trồng Dứa và Sắn dây của người Mường Kỳ Lão thuộc bản Ao, xã Kỳ Phú
(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)



Ảnh 5: Ruộng nước của người Mường Kỳ Lão thuộc bản Cả, ở xã Kỳ Phú
(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)



Ảnh 6: Con đường vào bản Ao, xã Kỳ Phú
(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)



Ảnh 7: Nhà ở hiện nay của người Mường Kỳ Lão
(Nhà ở của gia đình Ông Đinh Văn Chanh và Bà Đinh Thị Việt,
thuộc Bản Ao, xã Kỳ Phú)

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 6, năm 2015)

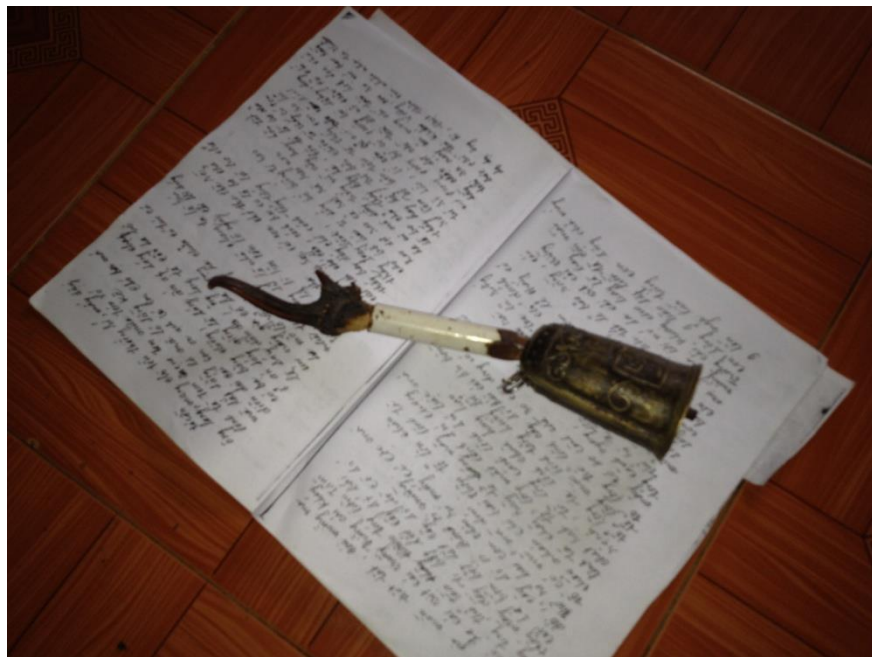


Ảnh 8: Cù Đình Văn Nều 79 tuổi (thầy mo) , bản Sau, Xã kỳ Phú, huyện Nho
Quan, tỉnh Ninh Bình

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 12, năm 2014)



Ảnh 9: Chiếc Cảo được ông mo dùng để xin âm dương trong nghi lễ làm ma
(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 12, năm 2014)



Ảnh 10: Chiếc chuông Lạc ông mo dùng để dẫn gọi vong hồn người chết
trong lễ nghi làm ma
(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 12, năm 2014)



Ảnh 11: Những dụng cụ hành lễ của ông mo “Quách lông gánh – gánh lông công, gươm và chiếc chuông Lạc”
(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 12, năm 2014)



Ảnh 12: Lễ giỗ thê bữa tối trong đám tang cụ Đình Văn Lợi bản Ao, xã Kỳ Phú.
(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 3, năm 2015)



Ảnh 13: Thầy mo đang làm lễ “tổng trùng” trong đám tang cụ Đình Văn Lợi
bản Ao, xã Kỳ Phú.

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 3, năm 2015)



Ảnh 14: Dàn cỗ chiêng trong đám tang cụ Đình Văn Lợi bản Ao, xã Kỳ Phú.

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 3, năm 2015)



Ảnh 15: Các Thầy thực hiện nghi lễ “mo” trong đám tang cụ Đình Văn Lợi
bản Ao, xã Kỳ Phú.

(Nguồn: Tác giả, chụp tháng 3, năm 2015)